

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA 佛法

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / EDITION BIMESTRIELLE SỐ N. 10 10/2002

非 法 亦 非 心
無 心 亦 無 法
說 是 心 法 時
是 法 非 心 法

西天三祖商那和修尊者

Chẳng pháp cũng chẳng tâm
Không tâm cũng không pháp
Khi nói tâm pháp thời
Là pháp chẳng tâm pháp

Tổ thứ ba Tôn Giả Thương Na Hoà Tu

Ce n'est ni Dharma ni d'esprit
Ce n'est non plus ni d'esprit ni Dharma
En parlant de l'esprit du Dharma
C'est le Dharma qui n'est pas l'esprit du Dharma.

Troisième Patriarche Thuong Na Hoa Tu

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la voie du Bouddha.

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.
- Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.
- Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiêm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.
- Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr

□ Kinh Hoa Nghiêm	3
□ Kinh Pháp Hoa	6
□ Chú Lăng Nghiêm	10
□ Chú Đại Bi	12
□ Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất	13
□ Đại Trí Độ Luận	15
□ Thiên Thất Khai Thị	17
□ Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát	20
□ Nhân Ác Lớn Nhất Là Sát Sinh Ăn Thịt	22
□ Có Nên Để Cho Trẻ Em Tự Do . . .	23
□ Tám Đức Tánh Căn Bản Làm Người	24
□ Pháp Giới Của Địa Ngục	25
□ Le Sutra Du Dharma De La Fleur	27
□ Le Sutra Shurangama	30
□ Le Mantra Shurangama	33
□ Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita	35
□ Le Bouddha Parle Le Sutra Amitabha	37
□ Chant De L'Illumination	39
□ Namo Avalokitesvara Bodhisattva	41
□ L'explication Sur La Sagesse . . .	43
□ Le Karma Le Plus Grand . . .	45
□ Est-Ce-Que C'est Raisonnable . . .	46
□ Le Monde Du Dharma Des Etres . . .	48
□ Le Souvenir de la Vie du Vénérable. . .	49
□ L'histoire du Bouddha	51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN NÚI. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN NÚI BẢO PHONG KHAI HOA. CHỦ THẦN NÚI HOA LÂM DIỆU KẾ. CHỦ THẦN NÚI CAO TRÀNG PHỔ CHIẾU. CHỦ THẦN NÚI LY TRẦN TỊNH KẾ. CHỦ THẦN NÚI QUANG CHIẾU THẬP PHƯƠNG. CHỦ THẦN NÚI ĐẠI LỰC QUANG MINH. CHỦ THẦN NÚI OAI QUANG PHỔ THẮNG. CHỦ THẦN NÚI VI MẬT QUANG LUÂN. CHỦ THẦN NÚI PHỔ NHÂN HIỆN KIẾN. CHỦ THẦN NÚI KIM CANG MẬT NHÂN.

Vị Chủ Thần Núi thứ nhất là Bảo Phong Khai Hoa. Vì vị này tu Bảy Bồ Đề Phần, bảy báu trang nghiêm diệu cao phong, thường khai đại liên hoa, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ hai là Hoa Lâm Diệu Kế. Vì công đức của vị này viên mãn, hoa sen nở rộ tươi tốt như rừng cây, diệu kế của vị này phóng quang minh mà trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ ba là Cao Tràng Phổ Chiếu. Vì tràng báu của vị này rất cao, chiếu khắp thế giới, cứu độ vô lượng chúng sinh lia khổ được vui, liễu sinh thoát tử, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ tư là Ly Trần Tịnh Kế. Vì vị này từ bỏ được bụi trần phiền não mà thanh tịnh bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ năm là Quang Chiếu Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu khắp mười phương thế giới, chúng sinh nào được quang minh này chiếu đến thì đều phát tâm Bồ Đề, tương lai có cơ hội thành Phật, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ sáu là Đại Lực Quang Minh. Vì sức lực của vị này rất lớn, lại phóng quang minh mãnh liệt, chiếu khắp thế giới, khiến cho quỷ lị mị, vọng lộng, không dám xuất hiện, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ bảy là Oai Quang Phổ Thắng. Vì vị này có quang minh oai mãnh, chiếu khắp mà

thù thắng, quang minh của các vị thần khác không thể sánh bằng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ tám là Vi Mật Quang Luân. Vì quang luân của vị này vi diệu kế mật, phát ra được quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ chín là Phổ Nhân Hiện Kiến. Vì vị này dùng huệ nhãn quán sát, xuất hiện ra đời, khiến cho chúng sinh thấy được vị này liền phát tâm Bồ Đề, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Núi thứ mười là Kim Cang Mật Nhân. Vì vị này có mật nhân kim cang bất hoại, quán sát được mười phương thế giới, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN NÚI LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ CHỦ THẦN NÚI NÀY Ở TRONG CÁC PHÁP ĐẮC ĐƯỢC M T THANH TỊNH.

Mười vị Chủ Thần Núi này là thượng thủ trong chúng Chủ Thần Núi, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Núi, chẳng có cách chi tính đếm được.

Những vị Chủ Thần Núi này ở trong các pháp đắc được trạch pháp nhãn (mắt chọn pháp) thanh tịnh, mắt trí huệ thanh tịnh, nhận rõ được các pháp. Ở trên là chúng thứ bảy Chủ Thần Núi.

LẠI CÓ CHỦ THẦN RỪNG SỐ ĐÔNG KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN RỪNG BỐ HOA NHƯ VÂN. CHỦ THẦN RỪNG TRẠCH CÁN THỦ QUANG. CHỦ THẦN RỪNG SINH NHA PHÁT DIỆU. CHỦ THẦN RỪNG CÁT TƯỜNG TỊNH DIỆP. CHỦ THẦN RỪNG THUY BỐ DIỆM TẠNG. CHỦ THẦN RỪNG THANH TỊNH QUANG MINH. CHỦ THẦN RỪNG KHẢ Ý LÔI ÂM. CHỦ THẦN RỪNG QUANG HƯƠNG PHỔ BIẾN. CHỦ THẦN RỪNG DIỆU QUANG HỒI DIỆU. CHỦ THẦN RỪNG HOA QUẢ QUANG VỊ.

Vị Chủ Thần Rừng thứ nhất tên là Bồ Hoa Như Vân. Vì vị này giăng hoa nhiều như mây, khiến cho hoa sen từ không trung rơi xuống tấp nập, đầy khắp mặt đất, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ hai tên là Trạc Cán Thư Quang. Vì vị này đề bạt thân cây mà thư triển quang minh, chiếu soi tất cả, cho nên được tên này. Vị Chủ Thần Rừng thứ ba tên là Sinh Nha Phát Diệu. Vì bồ đề của vị này sinh mầm, phát quang chiếu soi từng lâm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ tư tên là Cát Tường Tịnh Diệu. Vì vị này có tướng cát tường, Ngải ở từng lâm nào thì từng lâm đó cát tường, chẳng có quỷ đến tác quái, cho nên cành và lá của cây cối đều thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ năm tên là Thùy Bồ Diệm Tạng. Vì tất cả cây cối do vị này quảng lý giống như lọng dù, che ánh sáng lửa ngọn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ sáu tên là Thanh Tịnh Quang Minh. Vì những từng lâm vị này quảng lý đều thanh tịnh không có bụi bặm dơ bẩn, mà luôn luôn phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ bảy tên là Khả Ý Lô Âm. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh thấy rừng cây đều sinh tâm hoan hỉ, vị này còn có oai đức lô âm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ tám là Quang Hương Phổ Biến. Vì quang minh và hương thơm của vị này chiếu khắp mọi nơi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ chín là Diệu Quang Hồi Diệu. Vì diệu quang minh của vị này chiếu sáng thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Rừng thứ mười là Hoa Quả Quang Vị. Vì tất cả hoa và quả của vị này quảng lý đều có ánh sáng đẹp lạ và hương vị ngọt, cho nên được tên này.

CÓ SỐ ĐÔNG CHỦ THẦN RỪNG KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ CHỦ THẦN RỪNG NÀY ĐỀU CÓ VÔ LƯỢNG QUANG MINH ĐÁNG ƯA THÍCH.

Mười vị Chủ Thần Rừng này là lãnh tụ trong các Chủ Thần Rừng, còn có số đông Chủ Thần Rừng không thể nghĩ bàn.

Những vị Chủ Thần Rừng này đều có vô lượng vô biên quang minh đáng ưa thích. Vì những vị đại Bồ Tát này phát nguyện đến làm Chủ Thần Rừng hành Bồ Tát đạo. Ở trên là chúng thứ tám Chủ Thần Rừng.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN DƯỢC. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN DƯỢC CÁT TƯỜNG. CHỦ THẦN DƯỢC CHIÊN ĐÀN LÂM. CHỦ THẦN DƯỢC THANH TỊNH QUANG MINH. CHỦ THẦN DƯỢC DANH XUNG PHỔ VĂN. CHỦ THẦN DƯỢC MAO KHỔNG QUANG MINH. CHỦ THẦN DƯỢC PHỔ TRỊ THANH TỊNH. CHỦ THẦN DƯỢC ĐẠI PHÁT HỔNG THANH. CHỦ THẦN DƯỢC TẾ NHẬT QUANG TRÀNG. CHỦ THẦN DƯỢC MINH KIẾN THẬP PHƯƠNG. CHỦ THẦN DƯỢC ÍCH KHÍ MINH MỤC.

Vị Chủ Thần Dược thứ nhất tên là Cát Tường. Vì vị này chủ quản cam thảo, vị thuốc này giải được trăm bệnh. Bất cứ trúng độc gì, uống cam thảo thì sẽ khỏi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ hai là Chiên Đàn Lâm. Vì vị này trị bệnh tim đặc biệt hiệu nghiệm. Thứ gỗ chiên đàn này lại có thể chế thành hương, nóng thì khiến cho tim gan của người mát mẻ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ ba là Thanh Tịnh Quang Minh. Vì vị này thanh tịnh lại quang minh, khiến cho chúng sinh không sinh bệnh nhiệt não, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ tư tên là Danh Xung Phổ Văn. Vì vị này chủ quản nhân sâm. Vị thuốc này là thuốc bổ dưỡng, có bệnh thì trị bệnh, không có bệnh thì thân thể khỏe mạnh, do đó vang danh khắp nơi, mọi người đều biết, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ năm tên là Mao Khổng Quang Minh. Vì mỗi lỗ chân lông của vị này đều phóng một luồng hào quang, chiếu đến người bệnh thì được khỏe mạnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ sáu tên là Phổ Trị Thanh Tịnh. Vì vị này trị được trăm bệnh, giải nhiệt tán độc, làm cho bệnh nhân thân tâm thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ bảy tên là Đại Phát Hổng Thanh. Vì tiếng hống của vị này trị được

tất cả bệnh nan y và tạp chủng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ tám tên là Tế Nhật Quang Tràng. Vì Ngài che được ánh sáng mặt trời, giống như tràng báu cao lớn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ chín tên là Minh Kiến Thập Phương. vì vị này có con mắt thấu thị, thấy rõ được căn bệnh của tất cả bệnh nhân như thế nào và uống thuốc vào thì hết bệnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Dược thứ mười tên là Ích Khí Minh Mục. Vì vị này biết nhân sâm bổ khí, hoa cúc bổ mắt, khiến cho bệnh nhân dùng hai thứ thuốc này thì hiệu dụng không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG SỐ CHỦ THẦN DƯỢC NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY TÁNH ĐỀU LÀ CẤU BẢN NHIỆM Ô, NHÂN TỬ LỢI ÍCH MUÔN VẬT.

Mười vị Chủ Thần Dược này là thượng thủ trong Chủ Thần Dược, còn có vô lượng số Chủ Thần Dược như vậy.

Những vị Chủ Thần Dược này đã tu đến mức không ô nhiễm, đều có tâm nhân tử, giúp đỡ chúng sinh, lợi ích chúng sinh, cho nên đều là đại Bồ Tát hóa thân. Ở trên là chúng thứ chín Chủ Thần Dược.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN NGŨ CỐC. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN NGŨ CỐC NHƯ NHUYẾN THẮNG VỊ. CHỦ THẦN NGŨ CỐC THỜI HOA TỊNH QUANG. CHỦ THẦN NGŨ CỐC SẮC LỤC DŨNG KIỆN. CHỦ THẦN NGŨ CỐC TĂNG TRƯỞNG TINH KHÍ. CHỦ THẦN NGŨ CỐC PHỔ SINH CĂN QUẢ. CHỦ THẦN NGŨ CỐC DIỆU NGHIÊM HOÀN KẾ. CHỦ THẦN NGŨ CỐC NHUẬN TRẠCH TỊNH HOA. CHỦ THẦN NGŨ CỐC THÀNH TỰU DIỆU HƯƠNG. CHỦ THẦN NGŨ CỐC KIẾN GIẢ ÁI LẠC. CHỦ THẦN NGŨ CỐC LY CẦU TỊNH QUANG.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Ngũ Cốc. Chủ Thần Ngũ Cốc tức là thần quản lý ngũ cốc. Ngũ cốc tức là các thứ rau trái do con người trồng trọt. Mỗi loại cây đều có một vị thần quản lý.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ nhất tên là Nhu Nhuyến Thắng Vị. Vì tất cả cây cối do vị này quản lý đều là chất mềm mại, có vị đạo thù thắng và hương thơm đặc biệt cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ hai tên là Thời Hoa Tịnh Quang. Vì ngũ cốc tạp loại do vị này quản,

đúng thời thì hoa nở, còn phóng quang minh thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ ba tên là Sắc Lục Dũng Kiện. Vì ngũ cốc do vị này quản, làm cho người ăn rồi thì thân thể kiện khang và còn có sức dũng mãnh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ tư là Tăng Trưởng Tinh Khí. Vì ngũ cốc do vị này quản, ăn rồi thì sẽ tăng thêm tinh thần và thể lực, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ năm tên là Phổ Sinh Căn Quả. Vì ngũ cốc do vị này quản, ăn rồi thì khiến cho thiện căn sinh trưởng, sinh được vào nhà Phật, đắc được quả vị Phật, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ sáu tên là Diệu Nghiêm Hoàn Kế. Vì ngũ cốc do vị này quản, ăn rồi thì sinh bảo kế hình tròn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ bảy tên là Nhuận Trạch Tịnh Hoa. Vì ngũ cốc do vị này quản lý, ăn rồi thì làm cho da thấm nhuận, thanh tịnh như hoa sen, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ tám là Thành Tựu Diệu Hương. Vì ngũ cốc do vị này quản đều có hương thơm vi diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ chín là Kiến Giả Ái Lạc. Vì ngũ cốc do vị này quản, làm cho người thấy rồi thì vui vẻ và khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Ngũ Cốc thứ mười tên là Ly Cầu Tịnh Quang. Vì ngũ cốc do vị này quản, ăn rồi thì thân tâm thanh tịnh, xa lìa trần cấu, chẳng có vọng tưởng nhiễm ô, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG SỐ CHỦ THẦN NGŨ CỐC NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU ĐẮC ĐƯỢC ĐẠI HỈ THÀNH TỰU.

Mười vị Chủ Thần Ngũ Cốc này làm thượng thủ trong các Chủ Thần Ngũ Cốc. ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Ngũ Cốc.

Những vị Chủ Thần Ngũ Cốc này đều đắc được đại hỉ thành tựu. Mỗi năm đến mùa thu thì thu hoạch được dồi dào, người trồng trọt đều hoan hỉ vui mừng, đều đắc được đại hoan hỉ thành tựu. Trên đây là chúng thứ mười Chủ Thần Ngũ Cốc.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN SÔNG. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN SÔNG PHỔ PHÁT TẤN LƯU. CHỦ THẦN SÔNG PHỔ KHIẾT TUYỀN GIẢN. CHỦ THẦN SÔNG LY TRẦN TỊNH NHÂN. CHỦ THẦN SÔNG THẬP PHƯƠNG BIỂN HỔNG. CHỦ THẦN SÔNG CỨU HỘ CHÚNG SINH. CHỦ THẦN SÔNG VÔ NHIỆT TỊNH QUANG. CHỦ THẦN SÔNG PHỔ SINH HOAN HỈ. CHỦ THẦN SÔNG QUẢNG ĐỨC THẮNG TRÀNG. CHỦ THẦN SÔNG QUANG CHIẾU PHỔ THẾ. CHỦ THẦN SÔNG HẢI ĐỨC QUANG MINH.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Sông. Chủ Thần Sông tức là thần quản lý sông hồ. Bất cứ sông ngòi, ao hồ, biển cả, đều có thần đến quản lý cá rùa tôm cua, khiến cho chúng không dám tác quái, không được hại người.

Vị Chủ Thần Sông thứ nhất tên là Phổ Phát Tấn Lưu. Vì vị này làm cho nước chảy mau, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ hai tên là Phổ Khiết Tuyền Giản. Vì vị này làm cho nước suối và sông đều trong sạch thanh khiết, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ ba tên là Ly Trần Tịnh Nhân. Vì vị này khử trừ cấu bẩn tất cả nước sông, khiến cho trong sạch phi thường, như con mắt, chẳng có chút hạt bụi nào, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ tư tên là Thập Phương Biển Hống. Vì vị này làm cho âm thanh của nước sông giống như âm thanh của thú dữ, chấn động mười phương, khắp mọi nơi, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ năm tên là Cứu Hộ Chúng Sinh. Vì trong quá khứ vị này đã phát nguyện, nếu có chúng sinh rớt vào trong sông thì vị này nhất định đi cứu họ trước, không để cho sinh mạng của họ nguy hiểm, cho nên được tên này

Vị Chủ Thần Sông thứ sáu tên là Vô Nhiệt Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thanh tịnh mát mẻ, chiếu soi chúng sinh khiến cho họ không có nhiệt não, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ bảy tên là Phổ Sinh Hoan Hỉ. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh đều sinh tâm hoan hỉ, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ tám tên là Quảng Đức Thắng Tràng, vì đức đức tính của vị này rất thù thắng như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ chín tên là Quang Chiếu Phổ Thế. Vì quang minh của vị này chiếu khắp tất cả thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Sông thứ mười tên là Hải Đức Quang Minh. Vì đức tính quang minh của vị này như biển, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG SỐ CHỦ THẦN SÔNG NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY LUÔN PHÁT TÂM LỢI ÍCH CHÚNG SINH.

Đây là mười vị Chủ Thần Sông, làm thượng thủ trong các Chủ Thần Sông, còn có vô lượng biên Chủ Thần Sông.

Những vị Chủ Thần Sông này luôn luôn phát tâm làm lợi ích chúng sinh. Trên đây là chúng thủ mười một Chủ Thần Sông. (Còn tiếp)

Kinh Pháp Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Giải thích Kinh Văn

Quyển 1 : Phẩm Tựa Thứ Nhất

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai mươi tám phẩm, thứ nhất là phẩm tựa ; tường thuật nhân duyên của Kinh văn.

Bổn lai tất cả Kinh văn, phẩm đầu tiên không gọi là phẩm tựa, nhưng chỉ có bộ Kinh Pháp Hoa này, dùng phẩm thứ nhất làm phẩm tựa.

TÔI NGHE NHƯ VẬY.

"Tôi nghe" là văn (nghe) thành tựu, "tôi" là ai ? Tôi gồm có cái tôi giả và thần ngã của ngoại đạo. Cái "tôi" này là tôi giả, chẳng phải tôi thật. Sao lại nói "tôi nghe" mà không nói "tai nghe" ? Vì lỗ tai chỉ là một bộ phận của thân thể, chẳng phải gọi chung cho toàn thân thể. Cho nên Ngài A Nan nói "Tôi nghe". "Như thị" là tín thành tựu. Pháp như vậy mới có thể tin, chẳng phải pháp như vậy thì không thể tin. "Tôi nghe như vậy" có nhiều ý nghĩa :

1. Dứt lòng nghi của đại chúng : Khi Ngài A Nan kết tập Kinh điển thì ban đầu lên pháp tòa, tướng tốt trang nghiêm như Phật, do đó đại chúng khởi lên ba điều nghi. Điều nghi thứ nhất là : Các vị đại A La Hán trong pháp hội cho rằng Đức Phật chưa vào Niết Bàn, còn đến giảng Kinh thuyết pháp. Điều nghi thứ hai là : Đại chúng cho rằng vị Phật này từ phương khác đến. Điều nghi thứ ba là : Đại chúng nghi ngờ cho rằng Ngài A Nan đã thành

Phật, nếu không sao Ngài lại có ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp của Phật, nhưng khi Ngài A Nan lên pháp tòa, nói "Tôi nghe như vậy", thì lập tức cả đại chúng chẳng còn hoài nghi gì nữa. Tất cả đại chúng đều biết Ngài A Nan đang nói : "Pháp như

vậy là tôi A Nan thân tự nghe được những gì Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự tạo ra".

2. Tôn trọng sự phó chúc của Phật. Khi Đức Phật vào Niết Bàn thì phó chúc cho Ngài A Nan : "Khi bắt đầu tất cả Kinh điển đều nên dùng "Tôi nghe như vậy". Vì tôn trọng sự phân phối của Phật, cho nên khi kết tập Kinh điển thì Ngài A Nan trước hết nói "Tôi nghe như vậy", bốn chữ.

3. Dứt tranh luận. Ngài A Nan là đệ tử trẻ nhất của Phật. Nếu Ngài không nói rõ bộ Kinh này là Ngài nghe Đức Phật nói chứ chẳng phải mình nói, thì trong đại chúng nhất định sẽ khởi tranh luận : "Ngài có thể nói, tôi cũng có thể nói !" Mọi người nhất định sẽ khởi sự luận nghị, song, khi Ngài A Nan nói bộ Kinh này do Phật nói thì lập tức đại chúng dứt tranh luận và sự bất bình.

4. Khác với ngoại đạo. Ngoại đạo dùng hai chữ "A Ưu" để bắt đầu Kinh điển của họ, "A" là không, "Ưu" là có. Vì ngoại đạo nói tất cả vạn pháp chẳng phải có thì là không, chẳng phải không tức là có. Kinh điển của Phật nói dùng : "Tôi nghe như vậy" để bắt đầu Kinh điển, để khác với ngoại đạo.

Khi Đức Phật sắp vào Niết Bàn thì Ngài A Nan hỏi Đức Phật bốn việc : Sau khi Đức Phật nhập diệt thì : a. Kết tập Kinh điển dùng chữ gì bắt đầu Kinh điển để khiến cho mọi người đều tin là Phật nói ? b. Sau này về phương pháp tu hành y theo pháp gì mà trụ ? c. Sau này chúng con nương ai làm thầy ? d. Những Tỳ Kheo ác tính, chúng con đối xử với họ ra sao ? Đức Phật trả lời :

Thứ nhất : Khi kết tập Kinh điển thì trước hết Kinh bắt đầu câu : "Tôi nghe như vậy".

Thứ hai : Y theo tứ niệm xứ mà trụ. Tứ niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp.

(1) Quán thân bất tịnh : Thân thể của chúng ta dù tắm rửa rất sạch sẽ cũng có mồ hôi chảy ra, nếu không tắm thì thối không chịu nổi ! Trên thân có chín lỗ thường tiết ra thứ bất tịnh :

Ghèn, nước mắt, nước mũi, cứt ráy, đàm, đại tiện, tiểu tiện v...v... luôn luôn tiết ra chất dơ bẩn. Cho nên phải quán thân bất tịnh. Người nhiều tham dục thì hãy dùng quán bất tịnh để đối trị, quán nam nữ dù đẹp cũng là dơ bẩn không sạch, tức nhiên không sạch, lại có gì để tham luyến ? Biết không sạch thì sẽ chẳng tham trước, chẳng có tâm dâm dục.

(2) Quán thọ là khổ : Thọ là lãnh thọ, bất cứ cảnh giới thiện ác thuận nghịch gì hiện tiền, bạn lãnh thọ thì tâm của bạn sẽ giao động. Có giao động thì là khổ. Tất cả sự tiếp thọ, chịu đựng mọi cảnh giới đều là khổ. Nếu bạn biết nó là khổ thì chẳng tham hưởng thụ, cầu dục lạc, như thế thì sẽ đoạn diệt khổ.

(3) Quán tâm vô thường. Tâm của chúng ta như sóng trong biển, niệm trước diệt, niệm sau sinh, niệm niệm biến đổi, sinh sinh không ngừng, nhưng mỗi một niệm đều là vô thường hư vọng.

(4) Quán pháp vô ngã. Pháp có sắc pháp, tâm pháp. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận có nói : "Sắc pháp có mười một, tâm pháp có tám, tâm sở pháp có năm mươi mốt, bất tương ưng pháp có hai mươi bốn, vô vi pháp có sáu, tổng cộng thành một trăm pháp". Tuy nhiên có nhiều pháp như thế, nhưng đều vô ngã, cho nên đừng chấp trước pháp. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Pháp còn phải xả bỏ, hà huống là phi pháp". Tu hành, tu đến cực điểm thì người và pháp chẳng còn nữa. Trước kia khi chưa minh bạch Phật pháp thì chấp cái ta rất sâu nặng, tất cả đều thuộc về ta, gì cũng đều là của ta. Nhưng khi minh bạch Phật pháp rồi thì chấp trước vào pháp biến thành pháp chấp, có sự chấp trước thì có quái ngại, có quái ngại thì khởi điên đảo, khởi điên đảo thì sinh mộng tưởng. Nếu quán cái ta chẳng còn nữa, vậy còn pháp thì sao ? Cho nên phải quán pháp vô ngã. Từ quán thân bất tịnh rồi thì quán tâm, thọ, pháp, cũng đều bất tịnh. Quán thọ là khổ rồi thì quán thân, tâm, pháp, cũng đều là vô thường. Quán pháp vô ngã rồi thì quán thân, thọ tâm cũng đều vô ngã. Cho nên tuy nói là Tứ Niệm Xứ, nhưng chúng có mối quan hệ với nhau. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, mỗi vị Tỳ Kheo đều nên y theo tứ niệm xứ mà trụ, không thể lơ hào xa lìa.

Thứ ba : Phải lấy giới làm thầy. Tất cả những người xuất gia phải y theo giới luật tu hành, nếu không y theo giới luật tu hành thì Phật pháp sẽ diệt vong. Nếu y theo giới luật tu hành thì Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian. Có một người y theo

giới luật tu hành thì Phật giáo có một phần quang minh, có mười người thì có mười phần quang minh, có trăm người, ngàn người, vạn người, cho đến ai ai cũng đều y theo giới luật tu hành mà không hủy phạm thì Phật giáo có vô lượng vô biên quang minh, chiếu phá tiêu diệt tất cả sự đen tối trên thế gian. Cho nên giữ giới trong sạch, y theo giới luật tu hành là lời dạy cuối cùng, quan trọng nhất của Đức Phật. Giới là thầy hiện tại của Tỳ Kheo tu hành.

Thứ Tư : Chẳng nói năng gì với Tỳ Kheo ác tính. Không đếm xỉa gì đến họ, lấy sự yên lặng đối đãi với họ. Tỳ Kheo ác tính chẳng cứ đạo lý, cho nên đừng đả động gì đến họ, để họ tự sinh hổ thẹn, do đó sẽ làm ảnh hưởng đến họ, khiến cho họ hồi tâm trở lại giữ quy cụ, đó là biện pháp tốt nhất.

Ngài A Nan hỏi Phật bốn câu hỏi ; Phật đều trả lời phó chúc, cho nên tất cả Kinh điển trước hết đều bắt đầu bằng câu "Tôi nghe như vậy". "Tôi nghe" là Ngài A Nan nói : "Pháp như vậy là tôi A Nan thân tự nghe Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự bày vẽ tạo ra". "Như vậy" là từ chỉ pháp, tức là nói bộ Kinh này, gọi là tín thành tựu, bạn tin nó tức là như vậy, không tin nó thì chẳng phải như vậy. "Như" là bất biến, tùy duyên là "vậy". "Như vậy" tức là tùy duyên bất biến, bất biến mà tùy duyên, tức cũng là như như bất động, liễu liễu thường minh. Và "như vậy" là một sự ẩn khả, tức là nếu bạn làm đúng khế hợp với tâm của Phật tức là như vậy. Nếu trái với tâm của Phật thì chẳng như vậy.

Ngài A Nan ít tuổi hơn Phật rất nhiều, khi Phật ba mươi tuổi thành đạo thì cũng lúc ấy Ngài A Nan ra đời. Ngài A Nan hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, vậy hai mươi lăm năm về trước, Kinh điển của Phật nói Ngài cũng chẳng nghe qua, sao Ngài lại đi kết tập Kinh điển ? Ngài A Nan là em bà con chú bác với Đức Phật, tuy hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, nhưng Ngài thỉnh cầu Phật nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước. Do đó Phật dùng sức thần thông nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước cho Ngài A Nan nghe. Sức trí nhớ của Ngài A Nan tốt vô cùng, một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn không bao giờ quên. Cho nên nói : "Phật pháp như biển cả, chảy vào tâm A Nan". Hơn nữa A Nan cũng là đại quyền thị hiện, vì trong quá khứ tất cả chư Phật nói Kinh điển cũng

đều do Ngài A Nan kết tập, hơn nữa mỗi vị Phật thuyết pháp cũng đều như nhau, cho nên Ngài A Nan khai ngộ rồi thì đều nhớ lại tất cả pháp tạng của tất cả Chư Phật đã nói trong quá khứ.

MỘT THỜI, ĐỨC PHẬT Ở TẠI THÀNH VƯƠNG XÁ, TRÊN NÚI KÌ XÀ QUẬT, CÙNG VỚI ĐẠI CHÚNG TỖ KHEO MỘT VẠN HAI NGÀN NGƯỜI TỤ TẬP.

"Một thời" là thời thành tựu. Cho nên không nói rõ ngày tháng chính xác, là vì muốn tránh nhà lịch sử học truy tìm khảo chứng gốc rễ không có ý nghĩa. Một thời này tức là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Kinh Pháp Hoa, tức là vào lúc đó.

"Đức Phật" là chủ thành tựu. "Phật" là nửa tiếng Phạn, nói đầy đủ là Phật Đà Gia". Phật dịch là giác. Giác thì có : 1. Bản giác, 2. Thủy giác, 3. Cứu Kinh giác.

1. Bản giác : Tức là giác ngộ Phật tính vốn có sẵn, không cần phải trải qua sự tu hành mà vẫn đầy đủ sự giác ngộ.

2. Thủy giác : Mới bắt đầu giác ngộ. Chúng ta phát tâm muốn học Phật pháp, nghiên cứu Kinh điển giáo lý, đó gọi là thủy giác.

3. Cứu Kính giác : Bắt đầu giác ngộ rồi thì ngày càng tinh tấn, ngộ hiểu Phật pháp, cho đến khi hoàn toàn minh bạch Phật pháp thành Phật, đó gọi là cứu kính giác. Lại có lối nói khác : 1. Tụ giác : Tụ giác ngộ chân lý. Như hàng nhị thừa (Thanh Văn , Duyên Giác) chỉ tụ giác mà không thể giác tha, cho nên gọi là người tiểu thừa. 2. Giác tha : Minh giác ngộ rồi cũng phải đem chân lý phát dương quang đại, giáo hóa chúng sinh, khiến cho tất cả mọi người cũng đều giác ngộ. Bồ Tát thì tụ độ độ tha, tụ lợi lợi tha. Người tiểu thừa chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người, chỉ muốn làm tụ liễu hán. Cho nên Phật trách người tiểu thừa là tiêu nhục bại chủng, không thể hoằng dương Phật pháp quảng đại. 3. Giác hạnh viên mãn : Đó là sự viên mãn của Phật. Phật thì ba giác tròn vẹn đầy đủ. Vị Phật này là chỉ ai ? Tức là Phật Thích Ca Mâu Ni, sinh ra tại Ấn Độ, Thái Tử của vua Tịnh Phạn, tên là Tất Đạt Đa, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội.

"Ở tại thành Vương Xá, trên núi Kỳ Xà Quật". Thành Vương Xá tức là Kinh Đô nước Ma Kiệt Đà, là thành của vua Tần Bà Sa La ở, bốn phía thành có năm dãy núi lớn bao bọc, núi hướng đông bắc là núi Linh Sơn. Núi Kỳ Xà Quật tức cũng là núi Linh Thú (Linh Sơn), vì núi hình giống như con chim Thú, cho nên gọi là núi "Linh Thú". "Thành Vương Xá núi Kỳ Xà Quật" là xứ thành tựu.

"Cùng với chúng Đại Tỳ Kheo một vạn hai ngàn người tụ tập" là chúng thành tựu. Những Kinh điển khác đa số đều nói là hai trăm năm mươi người tụ tập, nhưng đặc biệt người trong hội Pháp Hoa nhiều hơn, tới một vạn hai ngàn người tụ tập. Đại Tỳ Kheo tức là Tỳ Kheo đã chứng quả A La Hán. Tỳ Kheo là tiếng Phạn có ba nghĩa : 1. Khất sĩ : Tỳ Kheo chẳng nấu nướng, mỗi ngày đến giờ ăn thì ôm bát đi vào trong thành hoặc làng quê khát thực hóa trai, làm như thế không những thân an đạo tồn mà còn phước lợi cho thí chủ. Phật chế Tỳ Kheo ngày ăn một bữa, quá Ngọ không ăn, đó là hành hạnh đầu đà (Khổ hạnh). 2. Bố ma : Người xuất gia khi thọ giới Tỳ Kheo thì tam sư thất chúng hỏi rằng : "Con có phải là đại trưởng phu chăng ?" Đáp : "là đại trưởng phu". Hỏi : "Con đã phát tâm bồ đề chưa ?" Đáp : "Đã phát tâm bồ đề". Trong lúc Yết Ma vấn đáp, bạn đáp nói đã phát tâm bồ đề thì lúc đó có địa hành Dạ Xoa truyền lời cho không hành Dạ Xoa, không hành Dạ Xoa truyền lời cho thiên ma lục dục thiên nghe, nói rằng : "Ở nhân gian lại có thêm người xuất gia, quyến thuộc của Phật lại tăng thêm, còn quyến thuộc của chúng ta lại giảm bớt". Ma vương nghe lời nói đó thì sinh tâm đố kỵ và sợ hãi, cho nên gọi là bố ma. 3. Phá ác : Phá ác gì ? Tức là phá phiền não ác, vô minh ác và tham sân si ba ác độc. (còn tiếp)

Chú Lăng Nghiêm

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

10. NAM MÔ TÁT ĐA NẮM

Kệ : Đại dũng mãnh giả đại đạo tâm
Do như liên hoa bất nhiễm trần
Trú dạ lục thời cần cảnh sách
Thường tại hoá lí luyện tinh kim.

Nghĩa là :

*Bậc đại dũng mãnh tâm đạo lớn
Ví như hoa sen chẳng dính bụi
Ngày đêm sáu thời siêng tinh tấn
Thường luyện vàng thật trong lò lửa.*

Giải : Nam Mô Tát Đa Nắm là quy y đại dũng mãnh. Đại dũng mãnh là gì ? Là làm những gì người không dám làm, tu những gì người không dám tu, đại hy sinh bậc nhất, không cầu có sở đắc, cho nên gọi là đại dũng mãnh. Hoặc dịch là đại khai sĩ, tức là khai mở tri kiến của Phật. Là người giác ngộ đệ nhất ở nhân gian, lại gọi là chúng sinh đại đạo tâm. Cho nên nói : "*Bậc đại dũng mãnh đại đạo tâm*", là thực hành những gì người không thể thực hành, làm những gì người không thể làm, nhẫn những gì người không thể nhẫn, nhường những gì người không thể nhường, người ở tại trần thế mà tâm không ở tại trần thế. Giống như hoa sen mọc từ trong bùn ô nhiễm, mà không bị bùn làm nhiễm ô. Đại đạo tâm Bồ tát này ngày đêm sáu thời hằng tinh tấn, ngày ba thời, đêm ba thời không có một khắc giải đãi, thời khắc siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Ngày đêm sáu thời, thời khắc

tự cảnh tỉnh, không phóng dật, không nói thị phi. "*Thường luyện vàng thật trong lò lửa.*" Trong lửa mà luyện vàng không phải dễ, thế giới Ta Bà giống như lò lửa, chúng ta luyện vàng thật trong lò lửa.

11. TAM MIỆU TAM BỒ ĐÀ

Kệ : Thập phương tam thế nhất thiết Phật
Xả thân vì pháp tích công đức
Lũy kiếp cung hành Bồ Tát đạo
Tù hổ cứu ứng cầu Đạt Ma.

Nghĩa là :

*Mười phương ba đời hết thấy Phật
Xả thân vì pháp, tu công đức
Nhiều kiếp tu hành Bồ Tát đạo
Độ cõp cứu ứng cầu diệu pháp.*

Giải : Câu này nghĩa là kính lễ mười phương ba đời tất cả chư Phật, "*Xả thân vì pháp tu công đức.*"

Các bậc Bồ tát tại nhân địa thì vì pháp mà xả thân. "*Nhiều kiếp tu hành Bồ Tát đạo.*" Phật mà thành Phật là vì đời đời kiếp kiếp, đều cung hành thực tiễn Bồ Tát đạo, lợi ích kẻ khác, không lợi ích chính mình, cho nên nói : "*Độ cõp cứu ứng cầu diệu pháp.*" Vì cầu pháp, vì nửa câu kệ mà xả thân. Vì cầu pháp mà xả thân cứu hổ đói, xả thân cứu chim ưng.

12. CÂU TRI NẮM

Kệ : Bách ức Bồ Tát bách ức Phật
Thượng thủ Thánh chúng hộ hành giả
Chân tâm cầu pháp hằng bất thoái
Đương lai tất sinh vô ưu quốc.

Nghĩa là :

*Trăm ức Bồ tát trăm ức Phật
Thượng thủ Thánh chúng hộ hành giả
Thật tâm cầu pháp luôn không lùi
Tương lai sẽ sinh nước Vô Ưu.*

Giải : "Câu Tri" dịch là trăm ức. "Nắm" dịch là thượng thủ. Câu Tri Nắm tức là trăm ức Bồ tát

thượng thủ, trăm ức Phật thượng thủ. Cho nên nói : "*Trăm ức Bồ Tát trăm ức Phật, thượng thủ Thánh chúng hộ hành giả.*" Hộ người tu hành. "*Thật tâm cầu pháp luôn không lùi.*" Nếu thật vì pháp mà đến, thì đâu có thì giờ mà nói thị phi, tạo phiền não, luôn luôn chiếu cú, lo cho chính mình. Nếu thật tâm cầu pháp thì tinh tấn hướng về trước không thối chuyển. "*Tương lai sẽ sinh nước Vô Ưu.*" Tương lai nhất định sinh về cõi Phật, tức là thế giới Cực Lạc, hoặc thế giới Tịnh Lưu Ly, sống chung với Phật.

13. SA XÁ LA BÀ GIÀ

Kê : Thâm sơn cùng cốc tu đạo huyền
 Vạn vật sinh diệt Thập Nhị Duyên
 Xuân hoa tự khai thu diệp lạc
 Khoát nhiên lãng chiếu ngộ chân thuyên.

Nghĩa là :

*Rừng sâu núi thẳm tu đạo huyền
 Vạn vật sinh diệt Mười Hai Duyên
 Xuân hoa đua nở thu lá rụng
 Hốt nhiên chiếu sáng ngộ chân thuyên.*

Giải : "Sa Xá La" dịch là Độc giác, "Bà Già" dịch là Duyên Giác. "*Thâm sơn cùng cốc tu đạo huyền.*" Trong thâm sơn cùng cốc tu Mười Hai Nhân Duyên, tu đạo huyền diệu. "*Vạn vật sinh diệt Thập Nhị Duyên.*" Nhìn vạn vật tự sinh tự diệt, tu pháp Mười Hai Nhân Duyên, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây là cửa thuận sinh. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Đây là cửa hoàn diệt. Các bậc ấy tu pháp Mười Hai Nhân Duyên này, nghiên cứu pháp Mười Hai Nhân Duyên này. "*Xuân hoa đua nở, thu lá rụng.*" Các vị ấy nhìn mùa xuân trăm hoa đua nở, mùa thu lá vàng rụng, "*Khoát nhiên sáng chiếu ngộ chân thuyên.*" Khoát nhiên khai ngộ. Khi có Phật xuất thế thì gọi là Duyên giác, không có Phật xuất thế gọi là Độc giác.

14. TĂNG GIÀ NĂM

Kê : Bích Chi Ca La Tư Đà Hàm
 Độc Giác Duyên Giác nghĩa thông kim
 Chuyên tâm nhất chí cần phát thức
 Hữu học vô học thượng thủ truyền.

Nghĩa là :

*Bích Chi Ca La Tư Đà Hàm
 Độc Giác Duyên Giác nghĩa đồng nhau
 Chuyên tâm nhất chí thường lau chùi
 Thượng thủ hữu học và vô học.*

Giải : "Tăng Già" tức là người xuất gia, "Năm" tức là thượng thủ, thượng thủ bậc hữu học và vô học. Hữu học là từ sơ quả Tu Đà Hoàn đến nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm gọi là hữu học vị, chúng tứ quả A la Hán gọi là vô học vị. Năm có nghĩa là thượng thủ những bậc ấy. "*Bích Chi Ca La Tư Đà Hàm.*" Ý nghĩa Bích Chi Ca La là Tư Đà Hàm. "*Độc giác Duyên giác nghĩa đồng nhau.*" Bậc ấy có thể nói là Độc giác cũng có thể nói là Duyên giác, có hai ý nghĩa. Có Phật xuất thế thì bậc ấy do tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo gọi là Duyên giác, không có Phật xuất thế thì bậc ấy tu một mình trong thâm sơn cùng cốc tự khai ngộ gọi là Độc giác. "*Chuyên tâm nhất chí thường lau chùi.*" Bậc ấy chuyên tâm tu hành trong thâm sơn cùng cốc, thường thường quét sạch hết mọi vọng tưởng. "*Thượng thủ hữu học và vô học.*" Thượng thủ đại A La Hán hữu học vị, vô học vị, Bích chi Phật. Sơ quả là kiến đạo vị, đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc, nhị quả, tam quả là tu đạo vị, tứ quả là chứng đạo vị.

(còn tiếp)

Chú Đại Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

34. Ma Ma, Phạt Ma La.

Kệ : Triết phục ma ngoại hiện thần oai,
Đại bi cứu thế pháp vương khôi,
Bình đẳng phổ tế Ba la mật,
Hữu duyên chúng sinh hoạch yết đế.

Tạm dịch :

*Hàng phục ngoại ma hiện thần thông
Đấng Pháp Vương đại bi cứu đời
Bình đẳng cứu khắp Ba la mật
Chúng sinh có duyên được yết đế.*

"Ma Ma" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "ngã sở". Ở trên là một thứ âm nhạc, có sự hành động, đây là ngã sở, việc của tôi làm đều phải thành tựu.

Thủ Nhân này gọi là "Bạch Phát Thủ". Ở Trung Quốc Đạo Lão và các vị Hoà Thượng đều có cái phát trần, tức là vật dùng để đuổi ruồi, song, mỗi khi Pháp Sư thượng đường thuyết pháp đều cầm. Tôi cũng có một cái phát trần do họ mang đến tặng, cái phát trần này rất là cổ xưa, có từ vào thời nhà Hán. Phát trần này dự bị để làm gì ? Có thể trừ được tất cả chướng nạn ở trên thân. Tất cả nghiệp chướng, bệnh tật của bạn mà dùng phát trần quét một cái thì đều khỏi ngay. Dụng đồ của phát trần rất lớn, song, người biết dùng rất ít.

"Phạt Ma La": Câu này là 'hàng ma kim cang', trong tay cầm một cái kim luân, vì đây là một vị Kim Cang, thân có thể biến lớn như núi Tu Di.

Phạt Ma La là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tối thắng ly cấu", tối thù thắng lại lìa khỏi như bản. Còn có một nghĩa nữa gọi là "vô tử", không có gì sánh bằng, còn có một nghĩa nữa gọi là "như ý", toại tâm như ý. Đây là Hóa Cung Điện Thủ Nhân, có dụng đồ như thế nào ? Nếu bạn tu pháp Thủ Nhân này thì có thể đời đời kiếp kiếp ở trong một cung điện với Phật, không thọ sinh thai, noãn, thấp, hóa.

35. Mục Đế Lệ

Kệ : Nhất niệm bất sinh diệu thông huyền
Tam muội gia trì trí quang hiện
Chư Phật xưng tán thiện nam nữ
Bế mục trùng tâm tụng chân ngôn.

Tạm dịch :

*Một niệm không sinh diệu thần thông
Tam muội gia trì trí quang hiện
Chư Phật khen ngợi thiện nam nữ
Nhắm mắt lắng tâm tụng thần Chú.*

"Mục Đế Lệ" tức là Dương Chi Thủ Nhân của Phật. Dương Chi Thủ Nhân là gì ? Tức là Bồ Tát Quán Thế Âm tay cầm nhánh dương liễu. Bạn thấy Bồ Tát Quán Thế Âm một tay cầm nhánh dương liễu, một tay cầm bình tịnh thủy, nhánh dương liễu nhúng nước tịnh bình để rưới khắp tất cả. Nước tịnh bình khác với nước thường như thế nào ? Nước tịnh bình gọi là nước cam lồ, nước cam lồ mà rưới lên tất cả chúng sinh thì khiến cho chúng sinh đắc được rất nhiều lợi ích, có thể giải trừ đói khát, được sự mát mẻ.

"Mục Đế Lệ" cũng là Tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giải thoát". Giải thoát cái gì ? Giải thoát tất cả khổ nạn, giải thoát tất cả bệnh tật, giải thoát tất cả việc bất như ý. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhánh dương liễu để giải thoát mọi bệnh tật của chúng sinh, giải thoát những hoạn nạn của chúng sinh, giải thoát những việc bất như ý của chúng sinh.

Thủ Nhân này, bên trong có vẻ giống như chẳng quan trọng lắm, song, nếu bạn tu thành công thì nhánh dương liễu này chẳng những giải thoát được bệnh tật, hoạn nạn, việc bất như ý mà cũng có thể hàng phục được thiên ma, khống chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo mà đắc

được nước cam lồ của bạn thì họ tự nhiên sẽ hồi tâm hướng thiện, cũng đều y giáo phụng hành. Cho nên Thủ Nhân này nói ra thì vô cùng vô tận, cũng không thể nghĩ bàn.

Nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những giải trừ được hoạn nạn mà còn chữa khỏi tất cả bệnh tật và giải thoát tất cả những việc bất như ý. Thậm chí lúc bạn sắp chết, nếu bạn đắc được nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm thì có thể sống lại. Tất cả cây khô, nếu dùng nước cam lồ rưới lên thì có thể sống lại.

Cây cối vốn là vô tình được nước cam lồ thấm nhuần còn có thể sinh trưởng đơm hoa kết trái, hà huống, nếu tất cả chúng sinh được nước cam lồ, càng lợi ích vô cùng vô tận.

36. Di Hê Di Hê.

Kệ : Ma Hê Thủ La mãnh hựu hung
Thưởng thiện phật ác kiến kỳ công
Phổ độ quần mê đăng bỉ ngạn
Hoá lợi hữu tình vô thủy chung.

Tạm dịch :

*Ma Hê Thủ La dữ lại ác
Thưởng thiện phật ác lập kỳ công
Độ khắp quần mê lên bờ kia
Giáo hoá hữu tình không ngừng nghỉ.*

"Di Hê Di Hê" là "Độc Lâu Trượng Thủ", dịch ra là "thuận triệu, thuận giáo". Tức là bạn kêu họ thì họ sẽ nghe lời kêu của bạn, bạn dạy họ thì họ cũng y giáo phụng hành. Còn có một ý nghĩa nữa là "tâm đảo", tức là trong tâm bạn nghĩ đến cái gì thì sẽ thành tựu cái đó.

Trên họa đồ thì câu Chú này thuộc về Ma Hê Thủ La Thiên Vương. Ma Hê Thủ La Thiên Vương là ma vương của ngoại đạo, bỗng lai y cho rằng y lớn nhất, chẳng ai lớn bằng y ; song y nghe đến câu Chú này thì phải chấp tay lại y giáo phụng hành, nếu y chẳng y giáo phụng hành thì không được. Cho nên bạn niệm câu chú "Y Hê Di Hê" này thì Ma Hê Thủ La Thiên Vương sẽ đến, lúc này, trong tâm của bạn nghĩ làm việc gì, kêu y đi làm thì y có thể lập tức y giáo phụng hành.

"Độc Lâu Trượng" là gì ? Độc Lâu tức là cái đầu lâu của con người. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng câu Chú này để gia trì tu luyện cái đầu lâu ; tu luyện thành rồi thì gọi là Độc Lâu Trượng. Một khi cầm Độc Lâu Trượng lên thì tất cả quỷ thần đều phải

nghe mệnh lệnh, nghe gọi đến ; nếu không nghe mệnh lệnh thì phải bị phạt. Do đó sức lực câu Chú này không thể nghĩ bàn.

(còn tiếp)

Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất

Soạn giả : Nyanaponika Thera

Dịch giả : Nguyễn Điều

Tiếp theo kỳ trước

Phần sưu tập về địa vị của Đại Đức Xá Lợi Phất này được lấy ở đoạn chú giải trong Kinh Anguttara Nikaya, bộ Etavagga và một số trích từ những bài kệ song đối trong chú giải Kinh Pháp Cú. Trong đó, một số những đặc điểm chính yếu về vai trò của Đại Đức Xá Lợi Phất được hoàn toàn ghi nhận. Ngoài ra đức năng trong tinh bạn xâu xa giữa Ngài với Đại Đức Mục Kiền Liên cũng được mô tả, không những khi Ngài còn ngoài đời, là một thanh niên được giáo dưỡng trong nhung lụa, mà cả đến xuất gia sống đời sống vô gia đình. Rồi đạt được Thánh quả. Đức năng ấy vẫn luôn luôn bền bỉ trong sạch như ánh sáng mặt trời.

Trong khi vừa thấm nhuần được giáo lý giải thoát và trước khi tiến xa hơn trên con đường thanh tịnh, ý tưởng đầu tiên của Ngài là nghĩ đến bạn Kolita (Mục Kiền Liên) cùng lời thề mà Ngài đã nguyện. Đại Đức Xá Lợi Phất có một trí huệ vô song và tiềm tàng do tu tập trong nhiều kiếp qua. Trí huệ ấy trong kiếp này là lúc đã chín mùi, chỉ chờ dịp để phát hiện. Do đó, nó đã biểu lộ tức khắc giúp Ngài nắm được ngay yếu chất Phật giáo lúc chỉ được nghe vài câu pháp của Trưởng Lão Mã Thắng. Và hi hữu hơn nữa là Ngài đã kết hợp được sức thông minh ấy với cá tính khiêm tốn, dịu dàng, tự nhiên và biểu lộ bằng sự hiểu biết khiến cho bất cứ ai cũng kính phục. Đối với đạo chủ Sanjaya, dù biết rằng ông ấy vô cùng lầm lạc, nhưng Đại Đức Xá Lợi Phất vẫn giữ một thái độ tôn kính như xưa. Bởi vậy, ta không thể thắc mắc gì khi biết rằng suốt đời sống của Ngài, Ngài luôn luôn tỏ rõ sự kính trọng đối với trưởng lão

Mã Thắng, vì chính nhờ vị này mà Ngài đã được bước vào giáo lý của Đức Phật.

Như ta đã biết, theo chú giải Kinh Viva Sutta (Sutta Nipata), và cũng trong chú giải cuốn số 392 trong Kinh Pháp Cú rằng : Bất cứ lúc nào, khi Đại Đức Xá Lợi Phất cùng sống trong một Tịnh Xá với trưởng lão Mã Thắng, Ngài luôn luôn đến nghiêng mình lễ trước trưởng lão, ngay sau khi đã lễ bái Đức Thế Tôn. Ngài làm như thế, ngoài cái nghĩa kính trọng còn nghĩ rằng : "Vị Đại Đức này là thầy đầu tiên của ta. Nhờ Ngài mà ta tìm thấy và hiểu được tuyệt pháp Ba la Mật của Phật". Và khi Trưởng lão Mã Thắng ngụ trong một nơi nào khác, Đại Đức Xá Lợi Phất thường hướng về nơi Trưởng Lão đang ở để tỏ lòng tôn thờ bằng cách chắp tay nghiêng mình lễ bái khắp các phương.

Những điều này đã dẫn đến một sự hiểu lầm. Mỗi khi trông thấy như thế, các vị Tỳ Kheo thường bảo nhau rằng : "Đã là đệ tử của Phật mà Ngài Xá Lợi Phất còn lễ bái những phương trời. Ngay cả bây giờ mà ông còn chưa bỏ được những tư kiến tôn sùng những trời Phạm Thiên ư ?"

Nghe được những lời chỉ trích này, Đức Phật bèn dạy rằng :

Này các Tỳ Kheo ! "Không phải như thế đâu. Xá Lợi Phất không phải lễ lạy các phương trời đâu. Ông ta chỉ lễ bái đến ai mà nhờ đó ông ta tìm thấy được Pháp bảo của Như Lai, vì ông ta xem kẻ ấy là thầy của mình và Xá Lợi Phất là người rất biết ơn Thầy Tổ".

Sau đó Đức Thế Tôn liền thuyết cho chư Tăng đang họp nhau bàn tán nghe về Kinh Nava, Phật dạy : Được về trời phải kính trọng người chỉ rành thiên đạo. Vậy người đời sao không lễ bái ông thầy đem Pháp bảo đến cho mình ?

Một thí dụ khác nói về sự biết ơn của Đại Đức Xá Lợi Phất được ghi trong câu chuyện Radha Thera (Đại Đức Radha). Chú giải về câu kệ thứ 76 trong Pháp Cú (Dhammapada) thuật rằng : Tại trong một Tịnh Xá trong thành Xá Vệ, có một người Bà La Môn nghèo, ông ta chăm lo những công việc vặt vặc như làm cỏ, quét dọn .v.v. Và chư Tăng đã bố thí vật thực cho ông để sống. Tuy nhiên họ không muốn cho ông xuất gia.

Ngày nọ, Đức Thế Tôn khi quan sát căn trí của người đời, đã thấy rằng ông Bà La Môn ấy có duyên đắc quả A La Hán. Ngài bèn dò hỏi các vị Tỳ Kheo đang tụ họp bàn về ông ta và hỏi họ xem có ai còn nhớ là đã nhận sự giúp đỡ nào của ông Bà La Môn nghèo kia không ? Đại Đức Xá Lợi Phất nhận rằng Ngài có nhớ một lần khi Ngài đang khát thực trong thành Vương Xá, ông Bà La Môn nghèo cực này đã cho Ngài một vá cơm đầy mà ông vừa kiếm được để sống. Đức Bổn Sư bèn bảo Đại Đức Xá Lợi Phất làm lễ xuất gia cho ông, và từ đó ông được gọi tên là Radha.

Sau đó, Đại Đức bắt đầu hướng dẫn và ông Radha luôn luôn vui vẻ ghi nhận mọi điều dạy dỗ, dù khó nhọc đến đâu cũng không chút buồn giận.

Cứ như thế, sau một thời gian thực hành theo lời giáo huấn của thầy, ông Radha đã trở nên thanh tịnh, rồi chẳng bao lâu nữa ông đã đắc quả A la Hán.

Lần này, các Tỳ kheo trở lại bàn tán về hạnh kiểm và năng lực chỉ đạo của Đại Đức Xá Lợi Phất. Họ bảo rằng : Khi muốn nhận học trò hay khuyên học trò làm như thế nào thì mình cũng phải làm được như thế ấy.

Để đánh tan dư luận về vấn đề này, Đức Phật nói : Không phải như thế đâu, này các Tỳ Kheo sớ dĩ ông Xá Lợi Phất đem những pháp khó hành dạy học trò như vậy là vì trước đây Xá Lợi Phất đã thọ ơn do một hành động cao thượng của người kia đã làm đến ông ta.

Và để bổ túc vào câu chuyện ấy, Đức Bổn Sư đã kể lại một sự tích trong Alinacitta Jataka (Túc Sanh truyện Alinacitta). Đó là câu chuyện của một con voi biết ơn. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LƯỢNG

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Hỏi : Thế nào là vô thượng ?

Đáp : Niết Bàn là vô thượng. Phật tự biết là Niết Bàn (chứ không phải chỉ nghe nói) và dẫn dắt chúng sinh đến Niết Bàn. Trong các pháp, Niết Bàn là vô thượng, trong chúng sinh Phật cũng là vô thượng. Lại nữa, tri giới thiên định trí huệ, giáo hoá chúng sinh, tất cả không ai bằng được, nên gọi là vô thượng.

Lại nữa, A : Là vô, Nậu Đa La : Là đáp. Tất cả pháp của ngoại đạo có thể đáp, có thể phá, không thật thanh tịnh. Phập pháp không thể đáp, không thể phá, hơn tất cả đường ngôn ngữ, rất thật thanh tịnh. Cho nên gọi là vô đáp, còn gọi là Khả Hoá Trượng Phu Điều Ngự Sư. Phật lấy đại từ đại trí, nên có lúc nói dịu dàng, có lúc nói khở thiết, có khi nói lời tạp để điều ngự, khiến cho không mất đạo, như kệ nói :

*Phật pháp làm xe, đệ tử : Ngựa,
Thật pháp : Bảo chúa, Phật : Điều ngự.
Nếu ngựa ra đường mất vết chính,
Như thế nên trị cho điều phục
Nếu chút không điều trị vết nhẹ
Tốt lành thành lập là thượng đạo !
Nếu không thể trị bèn vứt bỏ
Bởi thế điều trị là vô thượng.*

Lại nữa, uốn nắn dạy dỗ có : Gần cha mẹ, anh em bà con lối xóm, rồi đến thầy bạn, cuối cùng là luật pháp. Đó là ba pháp trị của đời hiện tại. Đời

sau có phép của Diêm Vương. Bốn phép trị đó do con người chế ra không bền, chẳng thật thành tựu lâu dài. Pháp trị của Phật lấy đời này vui. Vui đời sau và vui Niết Bàn lợi ích, cho nên gọi là Sư (bậc thầy). Với người, Phật dùng ba thứ đạo, thường theo đạo không mất, như lửa tự tướng không xả cho đến diệt. Phật khiến cho người được

pháp lành cũng như thế, đến chết không bỏ, nên Phật được gọi là Khả Hoá Trượng Phu Điều Ngự Sư.

Hỏi : Phật cũng dạy cho người nữ đắc đạo, tại sao chỉ riêng nói trượng phu ?

Đáp : Người nữ có năm điều chướng ngại : không được làm vua chuyển luân, vua Đế Thích, ma vương, vua Phạm Thiên và Phật, vì thế Phật không nói. Lại nữa, ví như vua lại phải có tùy tùng đi theo, nói trượng phu là bao gồm cả người nữ và vô căn.

Lại có tên gọi là Thiên Nhân Sư, nghĩa là Phật chỉ dẫn đường nên làm, không nên làm, thiện, bất thiện. nếu người tin làm theo không bỏ sẽ được quả báo giải thoát khỏi phiền não.

Hỏi : Phật cũng độ cho loài rồng, quỷ thần được sinh trong đường khác, sao chỉ nói một Thiên Nhân Sư (Thầy của trời người) ?

Đáp : Các đường khác độ ít. Trời, người được độ nhiều, như người da trắng tuy có đứa con da ngăm không gọi là con đen vì đen ít. Lại nữa, loài người kết sử mỏng, tâm chán bỏ dễ được, loài trời trí huệ lanh lợi, bởi thế hai nơi này dễ đắc đạo. Trong đường khác thì không được như vậy. Lại nữa, nói thiên là bao gồm tất cả các cõi trời, nói nhân là bao gồm tất cả các loài trên mặt đất, vì trên không thì trời là lớn, trên mặt đất thì người là lớn. Lại nữa, loài người được thụ giới luật, phép tắc, thấy đế đạo, tư duy đạo và các đạo quả. Lại nữa, trong đạo người hưởng vui nhiều, đường trời quả báo vui nhiều. Pháp lành là nhân của điều vui và cũng là quả của pháp lành khác. Ở các đường khác nhân báo ít. Thế nên Phật là Thiên Nhân Sư !

Lại gọi là Phật Đà, nghĩa là biết. Biết những gì ? Biết số chúng sinh đời quá khứ, vị lai, hiện tại, số phi chúng sinh, hữu thường vô thường, tất cả các sự vật biết một cách rành rẽ nên gọi là Phật Đà.

Hỏi : Có những người khác cũng biết tất cả mọi sự vật như Trời Ma Hê Thủ La hay là Trời Đại Tự Tại tám tay ba mắt, cỡi trâu trắng, như Trời Vi Nữu hay là Trời Biến Văn có bốn tay, cầm ốc mang vòng, cưỡi chim Kim Sí, như Trời Cừ Ma La hay là Đồng Tử, ông trời này cầm gà, mang chuông, cầm phướng đỏ, cỡi con công, đều là chư thiên đái tướng. Như thế các trời đều tôn là đại, đều xưng là nhất thiết trí, cũng có đệ tử, có kinh thu, có pháp tác.

Đáp : Đó không phải là nhất thiết trí, vì tâm còn đắm nhiễm, còn sân hận, kiêu mạn, như kệ nói :

*Thấy tranh tượng vẽ và tượng đất
Nghe trong kinh trời và khen trời
Như thế bốn thứ chư thiên này
Đều đều tay cầm các binh trượng
Sức chẳng bằng nên sợ hãi người
Tâm chẳng lành nên sợ hãi người
Trời này tất cả thường sợ hãi
Chẳng hay trừ được các suy khổ
Có người phụng sự cung kính họ
Hiện đời chẳng khỏi ngụp biển sầu
Có người không kính, không cúng dàng
Hiện đời không vững, thọ phúc vui
Nên biết lừa dối không thực sự
Cho nên người trí không thuộc trời
Nếu trong thế gian các chúng sinh
Bồi nhân duyên nghiệp như tuần hoàn
Vì duyên phước đức sinh lên trời
Tap nghiệp nhân duyên sinh loài người
Thế gian hành nghiệp thuộc nhân duyên
Cho nên người trí chẳng theo trời.*

Lại nữa, trong ba cõi trời, nếu yêu thương thì cho được vừa ý tất cả những ước muốn, nếu ghét thì diệt cả bảy đời. Phật thì không thế, khi còn là Bồ Tát, nếu kẻ oán muốn hại còn đem thân, thịt, đầu mắt tuỷ não mà cho, hướng chi khi đã thành Phật ! Phật không tiếc thân mạng, nên riêng được nhận danh từ Phật Đà. Thế nên phải quy mạng Phật, lấy Phật làm thầy, không nên thờ trời.

Lại nữa, Phật có hai việc : Một là đại công đức thần thông lực, hai là đệ nhất tịnh tâm, các kết sử đã tiêu diệt. Chư thiên tuy có phúc đức thần lực, các kết sử chưa diệt và tâm không thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh nên thần lực ít. Thanh Văn, Bích Chi Phật tuy kết sử diệt, tâm thiên thanh tịnh nhưng phúc đức mỏng nên lực thể ít. Phật đầy đủ cả hai nên hơn hết tất cả.

Như đã nói Bà Già Bà là hữu đức. Lại có tên là Vô Đẳng (không ai bằng). Lại có tên là Vô Đẳng Đẳng. Lại có tên độ bỉ ngạn (qua bờ kia). Lại có tên là Thế Tôn. Lại có tên là Đại Đức. Lại có tên là Hậu Đức. Như thế, có vô lượng danh hiệu. Khi đắc đạo biết tất cả mọi pháp nên gọi là Phật Đà, hợp nhận sự cúng dường của tất cả trời người, nên được gọi là Đại Đức, Hậu Đức .v.v. thấy đều tùy đức lập danh hiệu.

(còn tiếp)

Thiền Thất Khai Thị

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại Kim Sơn Thánh Tự

Hôm nay chúng ta bắt đầu khóa thiền thất mùa đông. Tôi từ Tâm Kinh đề ra vài câu Kinh để đàm đạo. Quán Thế Âm Bồ Tát chúng đặc nhĩ căn viên thông. Ngài chúng đặc như thế nào ? Ngài tu phần văn văn tự tính. Tính thành vô thượng đạo cho nên có thể quán tự tại. Tự tại là "không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng", bốn tướng.

Tự tại là tại đâu ? Tại địa vị Thánh nhân thì là tự tại. Tại địa vị phàm phu thì không tự tại, tại sao tại địa vị Thánh nhân được tự tại ? Vì Thánh nhân không có bốn tướng là tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh và tướng thọ mạng, cho nên được tự tại. Phàm phu vì có tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, bốn tướng, nên không được tự tại. Phần đông người học Phật pháp, lâu thời chấp trước tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh và tướng thọ mạng.

Bốn tướng ở trên chẳng thể không thì làm sao được tự tại ? Nếu muốn được tự tại thì phải thấu rõ ba tâm, trừ bốn tướng. Ba tâm tức là tâm quá khứ không thể được vì tâm quá khứ đã qua rồi, hà tất phải tìm cầu ? Tâm hiện tại không thể được, tuy nói là hiện tại nhưng chuyển nháy mắt cũng là hư vọng. Cho nên tâm hiện tại cũng không thể được, tâm vị lai không thể được. Vì vị lai chưa đến, hà tất phải nghĩ tưởng. Cho nên tâm vị lai cũng không thể được. Nếu thấu rõ được ba tâm, bốn tướng đều không tức là Quán Tự Tại Bồ Tát. Chúng ta đã thiền thất tức là quán tự tại.

Người người có thể quán tự tại. Không phải là cầu có Quán Thế Âm Bồ Tát mới quán tự tại. Ai có thể quán tự tại tức là quán tự tại. Ai không tự tại tức không phải quán tự tại. Trên danh nghĩa không có nhứt định. Hết thấy chúng sinh đều có thể quán tự tại.

Chúng ta ngồi thiền cũng là để nhìn xem, chúng ta có thể quán tự tại hay không ? Nếu có thể quán tự tại, tức nhìn thấy năm uẩn đều không, cũng là đi sâu vào Bát Nhã Ba La Mật. Nếu được như thế mới có thể độ hết thấy khổ ách, hết thấy khổ đều không, cho nên được tự tại. Quán Thế Âm Bồ Tát với chúng ta là hợp mà làm một. Không riêng Quán Thế Âm Bồ Tát như thế mà mười phương chư Phật cũng kế hợp với chúng ta mà làm một. Tuy nhiên Bồ Tát hợp với chúng ta mà làm một nhưng chúng ta không có hợp với Bồ Tát mà làm một.

Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói "vị cùng tử", vị cùng tử vốn là con của trưởng giả giàu có, bỏ cha giàu có đi lang thang thành kẻ ăn mày, lâu rồi quên luôn cả cha. Tuy gặp lại cha mà không nhận ra, mọi người muốn xa lìa diên đảo mộng tưởng. Còn vị cùng tử thì xa lìa cha mẹ, đi ra ngoài làm kẻ ăn mày. Chúng ta xa lìa Phật, tức giống như vị cùng tử rời bỏ và quên cha mẹ. Chúng ta vốn với chư Phật đồng một nhà, cho nên :

*"Hết thấy chúng sinh, đều có Phật tính,
đều có thể thành Phật".*

Chúng ta đi lang thang phiêu lạc bên ngoài, quên nhà cửa, cho đến pháp thân cha mẹ, thập phương chư Phật Bồ Tát của chúng ta cũng quên luôn. Hiện tại chúng ta ngồi thiền là muốn : "*Biển khổ vô biên, hồi đầu là bờ*". Tìm lại pháp thân của chúng ta. Cho nên mới tổ chức 98 ngày thiền thất này. Khóa thiền thất này đối với người tây phương mà nói, căn bản là nghe chỗ chưa nghe, thấy chỗ chưa thấy. Từ chỗ chưa có người chân thực thực tu hành như thế.

Nếu bạn có thể trong 98 ngày thiền thất, lão lão thật thật, Quán tự tại thì đừng sợ khổ. Từ sáng sớm ba giờ bắt đầu dụng công cho đến mười hai giờ khuya mới đi nghỉ. Mỗi ngày ngồi thiền hai mươi một tiếng, nghỉ chỉ có ba tiếng. Năm nay

tôi lấy làm hoan hỉ, có mấy vị Tỳ kheo và Tỳ kheo ni người Mỹ phát tâm, thường ngồi không nằm (ngủ ngồi), từ sáng đến tối ở trong thiền đường dụng công ngồi thiền, tối ngủ cũng ở trong thiền đường dụng công.

Lúc trước tôi tham gia dã thiền thất thì cũng tranh thủ dụng công từng giây, từng phút, không để thời gian trôi qua lãng phí. Cho nên tại Hương Cảng có vị Trưởng Lão Hòa Thượng, râu dài hiệu Minh Quán nói : "Tôi và ông ta (Hòa Thượng Tuyên Hóa) đồng ngồi bảy bốn bốn mươi chín ngày". Thật ra không phải bốn mươi chín ngày mà là bảy mươi ngày. Lão Hòa Thượng đó là người chân chánh tu hành. Tôi thì chẳng tu hành, ngồi thi với nhau, kỳ cổ tương đương, không phân anh em. Cho nên Lão đối với quý vị nói : Tôi ngồi được bốn mươi chín ngày, tôi vốn đã quên chuyện này. Sau tôi nghĩ lại mới nhớ có thật sự.

Chúng ta đang bắt đầu thiền thất, mọi người đều có thể Quán Tụ Tại Bồ Tát. Mọi người đều muốn đi sâu vào Bát Nhã Ba La Mật. Mọi người cũng muốn nhìn thấu năm uẩn đều không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm uẩn, đều bị chiếu thấu, chiếu không, chiếu hóa cho đến không. Vô sở không (không chỗ không), sở không (chỗ không) cũng không. Trong suốt vắng lặng. Qua hết thấy khổ ách, liền được tự tại.

Người tây phương không hiểu nghĩa chữ "Tự tại", cho nên không biết chữ "Tự tại" là gì. Tự tại là "Vô nhân tướng" (không thấy tướng người). Vô nhân tướng cũng chẳng phải, khi ăn thì chỉ biết có mình ăn, không nhường cho người khác ăn. Khi làm việc thì sợ khổ nhọc, liền nghĩ tưởng, "Vô ngã tướng" (không thấy tướng ta), tức thì đẩy việc cho người khác. Cũng không phải nói lúc đấu tranh, thì trong tâm bạn tưởng "Vô chúng sinh tướng" (không thấy có tướng chúng sinh). Tức với chúng sinh đấu tranh, lại cũng chẳng phải nói ăn thịt, thì không có tướng chúng sinh. Nếu tôi không ăn thịt chúng sinh, thì chúng sinh sống hoài không chết, đó không phải là không có tướng thọ mạng hay sao ? Đây là hoàn toàn sai lầm. Không tướng ta tức là trong tâm bạn phải thấy không có ta, người, không thấy có chúng sinh, không thấy có thọ mạng. Thấy không như thế, mới không có tướng ngã chấp,

không có pháp chấp, ngã chấp và pháp chấp đều không.

Lúc này bạn muốn không tự tại cũng không được, tức không người, không ta, không chúng sinh, không thọ mạng, không có chấp ta, chấp pháp tức được tự tại, được chân chánh khoái lạc cũng được chân chánh trí huệ. Chúng ta ngồi thiền trong 98 ngày, mỗi ngày phải có một người thường trực. Trách nhiệm "Khai tỉnh", "Chỉ tỉnh". (đánh chuông khi bắt đầu ngồi và lúc kết thúc). Đây là trách nhiệm của vị duy na. Mỗi ngày luân phiên làm duy na. Riêng ngoài có một vị, lo chuẩn bị trà nước, vì người dụng công ngồi thiền, hay có hỏa khí, cho nên cần uống trà. Trong một ngày có thể uống bốn lần trà. Tùy người cần mà định liệu.

Uống trà thì không nên làm đổ vỡ ly tách, bắt chước lão Hòa Thượng Hư Vân, làm rót vỡ ly trà rồi mới khai ngộ. Bạn cũng cố ý làm rót vỡ ly trà, phải biết : "Vô tâm thì cảm ứng, khởi tâm thì vọng tưởng". Trong thời gian ngồi thiền, bất cứ người nào cũng không được nói chuyện, luôn luôn chuyên tâm chiếu cú thoại đầu, tức đừng nói chuyện với người khác, chuyên tâm nhất trí lợi dụng 98 ngày, dụng công tu hành, ai không dụng công tu hành, sẽ bị phạt quỳ một trăm ngày, vì để thời gian trôi qua lãng phí. Nếu có thể nội trong 98 ngày mà khai ngộ, không những không bị phạt, mà tôi còn mời bạn ăn "Trai khai ngộ" (nếm mùi vị giải thoát). Bạn nghĩ ăn gì thì có nấy, thức ăn trăm vị cho nên : "Thiên trù diệu cúng, thiên duyệt vi thực". Đại khái bạn sẽ trở thành một phần tử, tối quang vinh trong Phật giáo.

Nói tóm lại, mỗi người đều phải giữ quy cụ, nếu không giữ quy cụ, thì chẳng thể khai ngộ. Đả thiền thất là vô tướng, mọi người đều muốn tìm, bản lai diện mục của chính mình. Muốn đạt đến vô câu vô thức, vô quái, vô ngại. Đi thì không cần quá nhanh, cũng đừng quá chậm, hai tay không nên để trước thân. Tuy nhiên niệm danh hiệu Phật, thì hai tay kết Di Đà Phật thủ ấn. Nhưng thiền thất thì phải vô câu, vô thức. Cho nên chạy hương thì hai tay, trước sau phải mở ra, tư thế phải tự nhiên. Lúc đả thiền thất thì lễ nghĩa làm ở Phật đường, khóa lễ sáng, tối và lạy Phật, chấp tay hết thấy đều miễn. Vì phương tiện mọi

người, chuyên tâm dụng công. Phải chuyên tâm tham "Niệm Phật là ai ?"

Tham thiền thì bất cứ, đi, đứng, nằm, ngồi. Chỉ tham "Niệm Phật là ai ?" Câu thoại đầu này phải thực hành đến cảnh giới không ta, không người. Cho nên : "Suốt ngày ăn cơm, chưa ăn một hạt cơm, cả ngày mặc áo, chưa mặc một sợi tơ ". Quên hết tất cả, chỉ chú ý tìm bản lai diện mục. Tham thiền thì, không những không lạy Phật, mà còn phải : "Phật đến chém Phật, ma đến chém ma". Khắc kỷ thủ chúng vì mục tiêu tìm cho được bản lai tự tính Phật của chính mình. Chúng ta không tông phái, tức chẳng phải Tông Lâm Tế, cũng chẳng phải Tông Tào Động, cũng không phải Tông Vân Môn, cũng không phải Tông Pháp Nhân. Chúng ta dùng lễ đúng đắn làm gốc, không chỗ tạo tác, chuyên tâm tham thiền.

Khóa tinh tấn tham thiền này, tại các nước tây phương, từ trước chưa từng có. Chân chánh tinh tấn tham thiền, cũng giống như một loại đá kim cương, chẳng phải nhìn thấy ở các nơi. Hiện tại thiền thất sẽ bắt đầu. Tôi trước thủ các vị. Nếu tôi đánh các vị, các vị cũng đừng sợ, cũng không biết đau. Đó là biểu hiện các vị đã có thể buông xả. Ngược lại các vị cảm giác đau, thì các vị chưa buông xả được. Nếu ai sợ đánh thì bây giờ còn có thể đi ra, nếu không sợ đánh thì ở lại thử xem. Các vị không có ai đi ra, tức nhiên các vị không sợ đánh, các vị đều là đại trượng phu. Tức nhiên đại trượng phu, ngồi thiền sẽ có cơ hội khai ngộ.

Đại địa xuân hồi bách vật sinh
Phân tạt hư không tự tại ông
Tùng thủ bất lạc nhân ngã tướng
Pháp giới tuy đại tận bao dung.

Nghĩa là :

*"Đại địa xuân về trăm vật sinh,
Đập vụn hư không tự tại ông,
Từ nay chẳng còn tướng ta, người
Pháp giới tuy lớn tận bao dung".*

Chúng ta tham thiền, thì có cơ hội khai ngộ, tự tính quang minh hiện tiền, như xuân về đại địa trăm vật sinh trưởng. Hư không vốn vô hình. Mặc dù hư không vô hình, nhưng cũng bị đập vụn, thì bạn sẽ được tự tại. Từ đây không còn chấp trước tướng ta, tướng người. Tướng ta, tướng người đều không.

Pháp giới tuy rộng lớn, ta cũng có thể bao dung, đó chẳng phải là đại trượng phu chăng ?

(còn tiếp)

NAM MÔ QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Ngày hôm nay, quý vị tập họp tại đây, tham dự thất Quán Âm, để cùng nhau niệm thánh hiệu : Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát. Đây là một dịp quý báu, uổng phí thời gian. Nếu như có lòng coi thường thì sẽ chẳng ích lợi gì, như người đã vào tới núi báu mà trở về tay không, rất là đáng tiếc. Mong rằng quý vị sẽ thấy cảm ứng, và có như vậy mới không cô phụ mục đích tổ chức thất Quán Âm này.

Bình thường khi vào thất Quán Âm, phần đông đều niệm Phật, niệm Bồ-tát, sau đó nghỉ nửa giờ rồi mới tiếp tục công phu. Tại Hương Cảng hay Đài Loan, đại khái mọi người niệm theo cách thức đó. Chúng ta ở Vạn Phật Thành này sẽ niệm một cách liên tục, không ngừng nghỉ, luôn một mạch từ sáng tới tối, ở giữa không có thời gian nào nghỉ cả. Quý vị nên biết rằng, chẳng phải chúng ta không nghỉ ngơi mới đúng, hay mọi người nghỉ ngơi là sai. Nói như vậy nghĩa là sao ? Bởi vì chúng ta từ trước tới nay chưa hề dụng công, cho nên bây giờ phải hết sức tinh tấn, ráng hết sức để mà tiến tới. Còn như người khác thì họ đã dụng công từ lâu rồi, họ đã vào đạo, họ niệm Quán Thế Âm Bồ-Tát hay không niệm cũng vậy thôi, họ đều không có vọng tưởng, do đó, họ nghỉ còn hơn chúng ta tinh tấn.

Giả sử chúng ta lại sinh tâm ngã mạn, nghĩ rằng : "A ! Chúng ta ở Vạn Phật Thành tu hành rất là dững mãnh và tinh tấn, còn người ta thì giải đãi, lười biếng." Nếu có ý nghĩ đó thì tất cả công

đức của chúng ta đều bị tiêu tan. Đó chính là tâm tự mãn, tâm kiêu ngạo. Chúng ta nên hiểu rằng họ đã dụng công tu hành từ vô lượng kiếp, nay họ nghỉ ngơi chính là chờ đợi số người của chúng ta đương lèo đèo theo sau. Nghỉ được như thế thì đúng, và dụng công mới có kết quả tốt, chớ không thể dụng công mà nảy sanh tâm chướng ngại.

Tâm chướng ngại chính là lòng tự mãn lòng kiêu mạn, có thể phước hại tới hạt giống Bồ-đề. Chúng ta dụng công phải ghi nhớ điểm này. Bất luận trong trường hợp nào, phải tránh cho kỳ được tâm cống cao, ngã mạn, và tránh có ý nghĩ ích kỷ tự lợi, mà phải theo đúng câu : "Pháp là bình đẳng, không có cao thấp", đó chính là châm ngôn của kẻ tu hành.

Khởi đầu dụng công, chúng ta phải giữ tâm cho chánh đáng. Không chánh đáng thì dù công phu ra sao cũng thành ma đạo. Tâm đã chánh đáng, thì dụng công cách gì cũng có thể thành Phật. Con đường dẫn tới Phật hay tới ma chỉ khác nhau ở một niệm. Quý vị hãy đặc biệt chú ý.

Tại sao chúng ta phải niệm Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát. Bởi vì đối với chúng sanh ở cõi Ta-Bà, Ngài đều có nhân duyên. Ngài là vị Bồ-tát tâm thanh cứu khổ và cứu nạn. Có người nghĩ rằng : "Khi nào chúng ta gặp khổ và gặp nạn chúng ta mới cần cầu Ngài Quán Thế Âm Bồ-Tát, bây giờ không gặp cảnh khổ cũng không gặp cảnh nạn thì niệm danh hiệu của Ngài làm gì ?" Nói vậy hóa ra chúng ta chẳng khổ chút nào ư ? Đây là đời ác năm trước : Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, các chúng sanh đều bị khổ cả, khổ không thể nói hết. Rồi trong vòng luân hồi, các chúng sanh lên lên xuống xuống, vậy mà không phải khổ sao ? Một ngày, từ sáng tới tối trong tâm toàn là vọng tưởng thôi thúc, đấy chẳng phải là cảnh khổ ư ? Rồi lo âu cho riêng mình, muốn có lợi cho riêng mình, nhưng lo không được thì ngủ không yên ; câu chẳng được thì ăn không ngon. Vậy mà nói là chẳng khổ ư ? Ai dám đoán quyết rằng mình chẳng khổ ? Họ chẳng khổ vì điều này thì lại khổ vì điều khác, tóm lại khổ không lìa thân. Trừ khi vạn sự đều buông bỏ, chẳng cầu điều gì, họa may mới không khổ.

Chúng ta niệm câu Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát, thì trước hết chúng ta phải hiểu ý nghĩa câu này. Nam-Mô là tiếng Phạn, có nghĩa là quy mạng, Quán là quán sát, lấy diệu quan sát trí để quán sát. Ai có diệu quan sát trí ? Ngài Quán Thế Âm, vì Ngài có loại trí huyệt đó, cho nên đối với hết thảy mọi âm thanh của thế gian Ngài đều hay, đều thấy, không hề bị lầm lẫn. Chữ Thế là chỉ thế gian. Âm là âm thanh. Ngài Quán Thế Âm Bồ-Tát tu pháp môn "phản văn văn tự tánh", cho nên Ngài dùng tâm để quán sát tiếng kêu cứu của chúng sanh trong thế gian. Khi Ngài nghe được sẽ tức khắc phân thân đến nơi để cứu độ nạn nhân ra khỏi bể khổ, thoát được khổ và được vui sướng, cho nên có câu kệ rằng :

Thiên xú kỳ cầu thiên xú ứng,
Khổ hải thường tác độ nhân chu.

Nghĩa là :

*Ngàn nơi cầu, ngàn nơi ứng,
Ngài là thuyền vớt người trong bể khổ.*

Bồ-Tát Quán Thế Âm cũng giống như các bậc mẹ hiền, con cái cầu mẹ thì sẽ được mẹ cứu, không đến nỗi bị thất vọng bao giờ. Cho nên Ngài có danh hiệu là Đại Từ Đại Bi Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ-Tát.

Chữ Bồ-Tát có một nửa là tiếng Phạn, nói cho đủ là Bồ-đề-tát-đỏa (Bodhisattva), dịch nghĩa là giác-hữu-tình hay hữu-tình-giác, nghĩa đều tương tự. Giác là giác ngộ, hữu tình chỉ chúng sanh. Giác-hữu-tình tức là một chúng sanh trong số người giác ngộ, hoặc kẻ giác ngộ trong số chúng sanh. Bồ-tát thuộc về bậc Thánh, tự giác giác tha, tự mình giác ngộ và giúp người khác giác ngộ, không tự tư tự lợi, một lòng chỉ nghĩ tới hạnh phúc của chúng sanh, mà quên lợi ích riêng mình. Đó chính là tinh thần vô ngã.

Như chúng ta muốn cầu Ngài Quán Thế Âm Bồ-Tát giúp đỡ và phù hộ cho mình, thì chúng ta phải thực lòng niệm : Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát, lúc đó trong lòng mới thành khẩn và tác dụng cảm ứng mới phát sanh ra được, lúc đó Quán Thế Âm Bồ-Tát sẽ nghe tiếng kêu cầu và tới nơi để cứu độ chúng ta ra khỏi bể khổ. Ngược lại, nếu sự kêu cầu không thành tâm, hay lẫn lộn với những ý tưởng cầu danh cầu lợi, thì chẳng thể có cảm ứng.

Nay chúng ta niệm thánh hiệu : Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát, ta nên giữ lòng thanh tịnh, niệm một cách khẩn thiết và chí thành, không vì lợi ích riêng tư mà niệm, mà chính vì lợi ích cho tất cả chúng sanh trong đời ác năm trước này. Chúng ta cầu Ngài rủ lòng từ bi tế độ, khiến cho toàn thể nhân loại trên thế giới khỏi ách nạn, tội diệt phước sanh, tất cả đều được lợi ích.

Tất cả mọi người cùng niệm Nam-Mô Quán Thế Âm Bồ-Tát và cùng hướng theo một tôn chỉ như vậy, thì sức mạnh cảm ứng không thể nghĩ bàn. Quý vị hãy đem mọi công đức niệm thánh hiệu hồi hướng tới khắp chúng sanh trong pháp giới ! Chính là :

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.

NHÂN ÁC LỚN NHẤT LÀ : SÁT SINH, ĂN THỊT

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Mỗi người đều có nhân quả báo ứng của riêng mình. Hễ tạo nghiệp gì thì chịu quả báo đó. Không những chỉ có loài người phải chịu quả báo mà tất cả chúng sanh cũng vậy ; tạo nghiệp từ xưa, ngày nay gặt quả. Điều đó không dễ hiểu đâu. Ví như bị đọa làm súc sinh hoặc ở nơi ác đạo thì rất khó khôi phục lại thân người ; nên nói rằng :

*Thân người mất rồi,
Vạn kiếp khó được lại.*

Trên thế gian, có hai loại nhân : Một là nhân thiện, hai là nhân ác. Khi mình trồng nhân thiện thì gặt quả thiện, khi trồng nhân ác thì gặt quả ác.

Người trồng nhân thiện đi đâu cũng biết "khắc kỷ phục lễ" (tự ghép mình theo lễ nghĩa), "khuất kỷ đãi nhân" (hạ mình mà đối đãi với người) ; lúc nào cũng không chiếm đoạt tiện nghi của kẻ khác, luôn luôn sẵn sàng chịu thua thiệt. Hễ ai gặp điều gì khó khăn thì mình lập tức giúp đỡ. Lúc nào cũng có chí làm điều thiện, lập công tu đức, chứ không phải như kẻ chỉ biết lợi cho mình mà không nghĩ tới lợi ích của kẻ khác. Khi công đức thiện của mình đầy đủ thì tự nhiên mình sẽ thăng tiến, cho nên nói : "Chủng thiện nhân, kết thiện quả." Nghĩa là : Trồng nhân thiện, gặt quả thiện. Từ nơi loài người mình có thể thăng lên cõi trời, rồi từ cõi trời có thể thăng lên cõi A-la-hán, cõi Bích-chi-Phật, cõi Bồ-tát, từng bước từng bước mà thăng tiến. Đó là khí thế hết sức hưng thịnh. Hễ tạo công đức gì thì nhất định có quả báo nấy, công đức không bao giờ mất dạng.

Thế nào trồng nhân ác thì tương lai sẽ gặt quả xấu ? Tức là nếu mình tạo ra oan nghiệt, phạm đủ thứ lỗi lầm, thì tương lai sẽ thọ quả báo của địa

ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ai bảo mình làm nhân ác như vậy ? Chẳng có ai bảo cả, mà tự mình tạo lấy. Có câu rằng : Tự tác nghiệt, bất khả hoạt.

(Nghĩa là tự mình tạo ra điều oan nghiệt, không ai có thể tha thứ cho mình được.) Trồng nhân ác thì sẽ đọa vào ba đường ác. Tóm lại, làm điều thiện thì được thăng lên, mà làm điều ác thì bị đọa xuống. Do đó, mọi thế giới đều do mình tạo ra, tự mình phải làm chủ, đừng ỷ lại vào kẻ khác.

Song, cái nhân ác lớn nhất là gì ? Tức là sát sinh ! Con người nếu phạm năm giới (Giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu) thì rất dễ đọa vào ba đường ác và cũng rất dễ thành kẻ đầy dẫy tri kiến sai lầm, tà, vọng, không tin Phật pháp, không kính Tam Bảo. Đọa vào ba đường ác rồi thì khổ không cách gì nói hết được.

Tội lỗi lớn nhất mà mình đã phạm là gì ? Tức là sát sinh, ăn thịt. Nếu bạn ăn thịt của người thì sau đó người sẽ ăn thịt của bạn lại. Hồ tương ăn thịt lẫn nhau, hồ tương chém giết, rồi hồ tương đọa lạc. Một khi đã đọa lạc thì khó mà tiến lên được, đó là điều hết sức nguy hiểm, là đi vào "hiểm lộ" vậy. Có câu rằng :

*"Tam giới vô an,
Do như hỏa trạch."*

Nghĩa là :

*"Ba cõi không an,
Giống như nhà lửa."*

Đáng tiếc là tuy nhà cháy mà người ở trong đó vẫn thản nhiên coi thường !

Ngày hôm nay cử hành pháp hội Vu Lan, các vị thủ nghi xem : Chúng ta và Tôn Giá Mục-Kiền-Liên, ai là người có đạo đức tu hành cao hơn ? Tuy công đức của Ngài cao như vậy mà còn phải thỉnh Phật siêu độ mẹ Ngài ; sau đó Phật đặt ra Pháp Hội Vu-lan để siêu độ cho cha mẹ, tổ tiên trong bảy đời. Dem mình so sánh với Ngài Mục-Kiền-Liên thì mình không thể nào bì được. Song, cha mẹ, tổ tiên của mình thật là đang chờ mình cầu xin siêu độ cho họ đó. Bởi vậy chúng ta đừng lãng phí thời gian, và đừng

quên bốn phận làm người. Một khi mất thân này thì có hối hận cũng đã quá trễ !

CÓ NÊN ĐỂ CHO TRẺ EM TỰ DO PHÁT TRIỂN CHĂNG ?

Hoà Thượng Tuyên Hoá

"Thiên địa chi đại,
Tứ hải chi khoan,
Vô kỳ bất hữu."

Nghĩa là :

*"Trời đất rộng lớn,
Bốn biển mênh mang,
Chuyện lạ đầy đầy."*

Thế giới có vô số chuyện lạ đặc biệt, kỳ dị mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi. Song, chuyện gì cũng một phần là do trời tạo, một phần là do người tạo. Trời tạo mà người không làm gì cũng không thành công ; người làm mà trời không tạo thì cũng không có căn bản. Cho nên, trên đời chuyện gì cũng tương đối, có thiện có ác, có âm có dương, có đúng có sai, có tốt có xấu ; đó là pháp đối đãi.

Vì là pháp đối đãi, nếu người biết làm thì điều xấu có thể biến thành điều tốt, nếu người không biết làm thì tốt cũng trở thành xấu ! Cũng vậy, người biết dụng công thì lúc âm khí cực thịnh cũng có thể biến hóa thành dương khí, và lúc dương khí hết sức căng cường cũng có thể làm cho điều hoà. Âm thuộc về tĩnh, về nhu ; còn dương thì thuộc về động, về cương ; cho nên điều tốt điều xấu đều do con người làm ra. Cổ nhân có nói :

"Cận chu giả xích,
Cận mặc giả hác,
Nhiêm ư lam tắc lam,
Nhiêm ư hoàng tắc hoàng."

Nghĩa là :

*"Gần sơn thì đỏ,
Gần mực thì đen,
Nhuộm xanh thì xanh,
Nhuộm vàng thì vàng."*

Ở nước Trung Hoa có một vị Á Thánh tên là Mạnh Tử. Lúc còn nhỏ, cha mất sớm, chỉ có mẹ nuôi dưỡng Ngài. Lúc đầu, nhà của Ngài bên cạnh nhà người đồ tể. Vì còn nhỏ, tai nghe mắt thấy chuyện gì cũng dễ nhiễm, cho nên Ngài ngày ngày học cách người đồ tể thọc huyết trâu, dê. Mẹ của Ngài thấy vậy thì biết rằng nếu để Ngài tự do phát triển thì tương lai nhất định Ngài sẽ trở thành một tên đồ tể. Vì vậy bà lập tức dọn nhà đi, và dọn tới bên cạnh nghĩa địa. Bấy giờ Mạnh Tử lại học cách người coi mộ : Quét đất, thắp nhang, dâng hoa, cúng tế người chết. Mẹ ngài lúc đó mới nghĩ rằng : "Không xong rồi ! Con nít mà để cho phát triển tự do thì tương lai con mình sẽ trở thành kẻ coi mộ chớ có lợi gì ?" Bởi vậy lần thứ hai bà lại dời nhà đi nữa. Lần này, bà dọn nhà tới cạnh bên trường học.

Ở cạnh trường học, ngày ngày Mạnh Tử bắt chước những học sinh ở đó : Lên lớp chào thầy, về nhà lễ cha mẹ. Tuy nhà không có tiền, nhưng Mạnh Tử ra sức học hành ; đối với việc đọc sách, đi, đứng, lễ, nghĩa, ông rất thành thạo. Mẹ Ngài thấy như vậy bèn quyết định sẽ ở đó luôn, vì hề con của bà bắt chước kẻ đi học thì tương lai sẽ thành đạt.

Nhưng không lâu thì Mạnh Tử nổi tính phá phách, ngỗ nghịch, không còn muốn học nữa. Một hôm, mẹ Ngài đang lúc dệt tơ, thấy con đi học mà bỏ ngang về nhà thì liền cắt khung cửi, khiến dây tơ đứt làm hai đoạn. Mạnh Tử thấy vậy liền nghĩ rằng : "Khung cửi đứt không còn dệt được, tất sinh kế nhà mình sẽ khó khăn, bởi mọi sinh hoạt hàng ngày đều dựa vào nghề dệt vải này." Cho nên Ngài mới hỏi mẹ rằng : "Tại sao mẹ lại cắt khung cửi như vậy ?"

Bà trả lời : "Nay con chẳng chịu học hành thì cũng giống như khung cửi không còn dệt được nữa vậy !" Mạnh Tử nghe xong hết sức hổ thẹn, quyết chí dụng công học hành. Về sau, Ngài trở thành một vị đại thánh nhân của Nho học.

Ở nước Mỹ này, tôi không thể nói rằng tự do phát triển là hoàn toàn không đúng. Song, nếu tự do phát triển thái quá thì đó là một điều sai lầm. Quan niệm này nếu tồn tại thì sẽ nuôi dưỡng hậu hoạn. Trẻ con cũng giống như cây non đang độ

lớn ; nếu cây đâm chồi nảy nhánh loạn xạ, tất cần phải cắt tỉa đi, thì tương lai cây mới mọc thẳng, cũng như trẻ con phải được dạy dỗ chu đáo thì mới có thể trở nên trụ cột của quốc gia sau này !

Nếu con trẻ có tật viết tay trái thì không thuận tiện cho lắm. Tay mặt thuộc về tánh nhu thuận, tay trái thuộc về tánh cương cường ; tay mặt là âm, tay trái là dương. Nếu trong nhà có con em viết tay trái thì tốt nhất nên sửa lại, để viết tay phải thì thuận hơn. Cũng giống như đi nhiều Phật thì đi từ bên phải qua, mọi thứ đều từ bên tay phải mà bắt đầu, đó mới hợp với bản tánh, mới linh hoạt được. Con em thuận với tay trái thì tánh tình ít nhiều có đặc tính cương cường.

Tôi đề nghị với các bậc làm cha mẹ rằng : Hễ con cái có điểm nào sai lầm, thì nên cấp thời sửa đổi lỗi lầm của chúng. Để tự do phát triển thì tương lai chúng sẽ biến thành "hippy", lưu manh, du đãng. Khi đó chúng ta phải làm gì ? Có câu :

"Dưỡng bất giáo phu chi quá,
Giáo bất nghiêm sư chi đọa."

Nghĩa là :

*"Nuôi mà không dạy là lỗi của cha,
Dạy mà không nghiêm là thiếu sót của thầy."*

Chẳng lẽ chúng ta không cần thận trọng ngăn ngừa sao ? Nếu nói đến chân chính tự do phát triển thì phải bỏ trẻ con vào núi cao rừng hoang, không có câu thúc gì cả, cho chúng tự do sinh tồn giống như thảo mộc tự nhiên sinh trưởng vậy. Nếu không thì không thể đề cập tới "tự do phát triển" được. Nếu cho rằng chịu theo ý trẻ con muốn là tự do phát triển, thì đó là một quan niệm sai lầm. Trẻ con làm đúng thì cổ võ, khích lệ, để cho chúng tiếp tục làm ; nếu chúng làm sai thì mình phải chấn chỉnh để chúng tiến tới điều chánh, điều thiện. Để nhân loại tiếp tục sinh tồn trong xã hội này, mình phải duy trì hành động có trí huệ ; không thể dùng lầm danh từ "tự do phát triển" này được.

Khi để trẻ con tự do phóng túng, thì trong tương lai chúng sẽ biến thành những thanh thiếu niên hư hỏng, hết sức bạo ngược, cang cường. Chúng không thể thành người anh tuấn mà sẽ là những

phần tử hư hỏng của xã hội. Nếu đất nước thiếu những bậc lương đồng, anh tài, thì hậu quả thật khó lường được vậy !"

TÁM ĐỨC TÍNH CĂN BẢN LÀM NGƯỜI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Các bạn trẻ, các em có biết điều căn bản làm người là gì chăng ? Túc là phải có tám đức tính : Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ. Ngày hôm nay tôi sẽ giải thích một cách đơn giản ý nghĩa của mỗi đức tính cho các em nghe :

1. Hiếu : Túc là hiếu thảo. Hiếu thảo với cha mẹ là điều căn bản của bổn phận làm con. Hiếu thảo nghĩa là báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ, và hiếu thảo cũng có nghĩa là biết vâng lời cha mẹ chỉ dạy.
2. Đễ : Túc là kính trọng. Kính trọng người lớn hơn mình, vì mình là em nên có bổn phận phải kính trọng anh chị của mình.
3. Trung : Túc là trung thành. Hết lòng trung thành với đất nước của mình, đó là trách nhiệm của người công dân, có tận trung thì mình mới báo đền được công ơn của đất nước.
4. Tín : Túc là tín nhiệm. Đối với bạn bè phải có tín nhiệm, hứa với bạn chuyện gì thì phải làm chuyện đó, không thể thất tín, sai hẹn.
5. Lễ : Túc là lễ phép. Đối với mọi người mình phải có lễ phép, phải hết sức khiêm nhường. Nếu không có lễ thì mình chỉ là thú vật mà thôi. Cho nên các bạn nhỏ ! Khi gặp thầy cô thì phải biết chào hỏi, về nhà gặp cha mẹ phải biết lễ phép.
6. Nghĩa : Túc là nghĩa khí. Thấy điều gì có nghĩa thì phải dũng cảm mà làm. Khi thấy ai gặp tai nạn thì mình phải tận lực giúp đỡ, giải quyết vấn đề giúp họ. Với bạn bè thì mình phải có đạo nghĩa ; khi giúp ai không cần có điều kiện gì cả, tuyệt đối không có tâm mưu đồ, mong đền ơn đáp nghĩa.

7. Liêm : Tức là liêm khiết. Người liêm khiết thì bất luận gặp hoàn cảnh nào cũng không động lòng tham cầu, cũng chẳng muốn hưởng tiện nghi. Hơn nữa mình phải có tinh thần "chí công vô tư", và biết quên mình mà làm chuyện ích chung.

8. Sĩ : Tức là hổ thẹn. Gặp chuyện gì không hợp đạo lý, đi ngược lại với lương tâm của mình, thì tuyệt đối chẳng làm. Con người nếu không biết hổ thẹn thì giống như cầm thú vậy.

Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ là tám đức căn bản để làm người, các em đừng quên. Trong tương lai ra đời phục vụ xã hội, các em phải : "Ngôn tất trung tín, hành tất đốc kính". Nghĩa là : Lời nói phải trung tín, hành vi phải cung kính. Hễ các em nói lời nào thì nhất định phải giữ "chữ tín", đừng có nói dối ; làm việc gì thì cũng phải hết sức cung kính, chân thật, tuyệt đối đừng làm cho có lệ mà thôi.

Pháp giới của Địa Ngục

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Địa ngục ưu khổ
Vô môn tự toàn
Khởi hoặc tạo nghiệp
Thọ báo tuần hoàn.

Tạm dịch :

*Địa ngục thống khổ
Không cửa tự vào
Khởi hoặc tạo nghiệp
Quả báo xoay vòng.*

"Địa ngục thống khổ". Địa ngục là nơi khổ nhất, vậy các bạn ai muốn đến nơi đó du lịch thì tùy lúc đều có thể đến, tôi có thể bảo chúng thì các bạn tức khắc sẽ đến, sao thế nào ?

Do đó có câu :

*"Hễ sâu muộn thì dạo chơi cõi địa ngục,
Hễ vui cười thì già thành trẻ trung,*

Hễ khóc lóc thì ở phòng tối chốn âm ti".

Bạn thấy đó ! Nếu bạn sâu muộn thì trông xuống hạt giống dưới địa ngục. Nếu bạn cười thì trông xuống hạt giống chốn Thiên đàng.

"Tự cổ thần tiên vô biệt pháp": Thuở kia thần tiên chẳng có phép gì lạ. "Chỉ sinh hoan hỷ bất sinh sầu": Luôn luôn vui cười mà chẳng bao giờ buồn rầu. Cho nên nói : "Hễ sâu muộn thì dạo chơi chốn địa ngục", đi du lịch dưới địa ngục. Nếu bạn luôn luôn vui cười thì đã già cũng giống như còn trẻ. Nếu bạn khóc lóc cũng chỉ là phiền não.

Tóm lại, địa ngục chẳng có gì sung sướng, mà là nơi thống khổ, song, địa ngục chẳng có cửa, cửa địa ngục là do mình tự mở, do mình tự đóng. Cho nên nói : "Không cửa tự vào". Bỏ lại địa ngục chẳng có cửa, chẳng giống như ngục tù ở nhân gian, dùng sức người làm thành, ai phạm pháp thì nhốt vào ! Ở dưới địa ngục chẳng có cửa, song, cửa vào địa ngục là do bạn mở ra, đóng vào, bạn cứ đâm mình lao vào, vào không được cũng cứ lao vào.

"Khởi hoặc tạo nghiệp". Tại sao đến địa ngục ? Vì vô minh, phiền não. Bạn ngu si rồi thì chẳng hiểu biết. Vì không hiểu biết cho nên tạo ra biết bao nghiệp ác, không tạo nghiệp thiện mà cứ tạo nghiệp ác.

"Quả báo xoay vòng". Bạn tạo ra biết bao nghiệp ác thì phải đọa địa ngục, phải thọ quả báo. Thọ quả báo thì xoay vòng không dứt. Bạn tạo nghiệp gì thì thọ quả báo đó, tở hào không sai mấy may, cho nên gọi là quả báo xoay vòng.

THẬP GIỚI NHẤT TÂM BẤT LY ĐƯƠNG NIỆM NĂNG GIÁC THỦ NIỆM HUYỀN ĐĂNG BỈ NGẠN

Tạm dịch :

*Một tâm mười pháp giới
Không lìa niệm hiện tiền
Nếu ngộ tâm niệm tại này*

Lập tức lên bờ kia.

Mười pháp giới : Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, đây là bốn pháp giới của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, đây là sáu pháp giới của phàm phu, hợp lại là mười pháp giới. Mười pháp giới này từ đâu sinh ra ? Là từ một niệm tâm hiện tiền của chúng ta sinh ra. Cho nên nói : "Một tâm niệm mười pháp giới, không lìa một niệm hiện tiền". Mười pháp giới này không lìa khỏi một niệm hiện tiền của bạn.

Một niệm hiện tiền này của bạn, nếu bạn minh bạch, cho nên nói : "Nếu ngộ niệm hiện tại này", nếu bạn giác ngộ niệm này, "thì lập tức lên bờ kia", tức khắc liền đến bờ kia ! Bờ kia là bờ gì ? Tức là bờ giác ngộ. Giác ngộ thì chẳng mê hoặc, phá trừ vô minh. Phá được vô minh thì pháp thân hiển hiện ra, cho nên nói lập tức lên bờ kia, lập

tức thì đến bờ bên kia, thì "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật".

Kệ khai thiên thất

Tu Di thôi đảo chuông ngại trừ
Tánh hải trùng thanh ba lãng vô
Triệt ngộ bản lai chân diện mục
Bát Nhã thường minh vạn pháp như.

Tạm dịch :

*Sô ngã Tu Di trừ chuông ngại
Biển tánh lắng trong chẳng gợn sóng
Ngộ tỏ mặt mũi thật xưa nay
Trí huệ thường sáng vạn pháp như.*

H.T. Tuyên Hoá

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Certains personnes peuvent pratiquer seulement une ou peut être quelques unes des douzes pratiques ascétiques. Il n'y a rien de précis à cela. Cela dépend de la volonté de chacun. Par exemple, un très vieil homme, Mahakashyapa pouvait pratiquer toutes les douzes pratiques ascétiques en accord avec le Dharma. Ainsi, il fut le premier de ceux qui cultivaient l'ascétisme.

URUVIL KASHYAPA, GAYA KASHYAPA et NADI KASHYAPA.

Ces trois frères avaient été tous des adorateurs du feu avant de prendre refuge auprès du Bouddha. Ils avaient cru que le feu était le plus puissant des forces spirituelles et la mère de toute création. Ils lui vouaient une vénération et une dévotion absolues, tel des esclaves, ils l'avaient salué et lui avaient fait des offrandes. C'était bien stupide n'est-ce pas ? Aussi dénués de sens qu'ils étaient, ils avaient continué dans cette voie jusqu'à ce qu'ils aient rencontré le Bouddha Sakyamuni.

Le nom d'URUVILVA veut dire « La grotte papaye », on disait qu'il aimait pratiquer dans la grotte de papaye. Lui et ses cinq cent disciples vivaient au bord de la rivière de Neranjara. Plus loin vivaient ses frères Nadi, qui signifie « La rivière », et Gaya qui veut dire « la ville » ou « la montagne à la tête de l'éléphant. » Ils avaient chacun trois cents et deux cents disciples respectivement. Ainsi, à eux trois, les frères Kashyapa avaient mille disciples.

Après son éveil, Bouddha allait au parc gardé par le cerf et il convertit les cinq Bhikshus. Ensuite, il observait pour voir qui seraient les prochains à être sauvés. Puisque les conditions étaient favorables pour sauver les trois frères Kashyapa, il allait rendre visite à Kashyapa Uruvilva. Il savait que s'il le convertit, il sauverait aussi bien ses adeptes, mais comme il ne pouvait pas venir et discuter beaucoup avec Uruvilva ; alors il cherchait un

prétexte qui convient à la situation et dit : « Il fait nuit déjà et je ne peux pas voyager plus loin, puis-je passer la nuit dans votre grotte ? » « Un dragon violent vit là bas, » dit Uruvilva. « Il vous brûlerait sûrement à mort ». « Cela ne pose pas de problème », dit le Bouddha. « Le Dragon ne peut pas me faire du mal ». « Faites ce que vous voulez », dit Uruvilva.

Au milieu de la nuit, le dragon crachait du feu et essayait de brûler le Bouddha, mais le Bouddha était entré dans la lumière du samadhi et ne pouvait pas être brûlé. Le Bouddha employait ses pouvoirs spirituels pour enfermer le dragon dans son bol à mendier. Ensuite, il lui prêchait le Dharma et le dragon prit refuge auprès du Triple Joyaux.

Uruvilva Kashyapa était étonné. Bien qu'il s'estimât être un pratiquant d'une certaine habileté, il se rendit compte qu'il ne pouvait pas pénétrer le monde du Bouddha ou égaler ses pouvoirs. Lui et ses cinq cent disciples prirent refuge auprès du Bouddha. Quand ses frères apprirent qu'il était devenu un Bhikshu, ils se décidèrent aussi à quitter la vie séculaire et avec leurs cinq cents compagnons pour se joindre au Sangha. Peu de temps après leur conversion, ils atteignirent le fruit de la sagesse.

SHARIPUTRA

Il se passait une histoire spéciale concernant Shariputra difficile à oublier. La mère de Shariputra discutait souvent avec son plus jeune frère Mahakaushthila, et elle perdait à chaque fois. Quand elle était enceinte de Shariputra, c'était assez étrange, elle commençait à gagner tous les débats. Mahakaushthila estimait que l'enfant dans le ventre de sa grande soeur était sûrement un sage et était lui qui aidait sa mère, augmentait son éloquence et son intelligence. « Je ferais mieux d'acquérir plus d'habileté rhétorique », pensait-il, « sinon, je serais battu par mon propre

petit neveu. Ce serait vraiment scandaleux ; » Il s'en allait alors au sud de l'Inde pour étudier. Il était si studieux qu'il étudiait nuit et jour et n'avait pas le temps de couper ses cheveux, de raser sa barbe ou même de couper ses ongles. Il les laissait pousser tellement longs que tout le monde l'appelait « Le Brahman aux ongles longs ». Il ne les laissait pas pousser délibérément comme les jeunes d'aujourd'hui qui portent des cheveux longs et de longues barbes et qui ont abandonné l'école. Il était simplement trop occupé à suivre ses cours. Etant un étudiant modèle, il travaillait de façon assidue, nuit et jour, sans se distraire dans aucun jeu. Quand il avait maîtrisé la connaissance des livres indiens de la médecine, de la physiologie, de la divination et de l'astrologie ainsi que de la littérature. Ainsi, extrêmement cultivé, il retournait et interrogeait sa soeur, « où est mon neveu ? » « Il s'est fait religieux auprès du Bouddha, répondit-elle.

Kaushthila fut outragé. « Mon neveu commençait à prêcher lorsqu'il avait huit ans et stupéfiait le pays entier en présence de plusieurs centaines de philosophes. Comment un enfant aussi intelligent pouvait quitter la vie de famille pour être un simple Shramana. C'est insensé ! » Arrogant et contrarié, il allait rencontrer le Bouddha. « Je voudrais bien savoir quelle astuce ce dernier avait employée pour réussir à séduire un aussi brillant garçon tel que mon neveu pour qu'il devienne son disciple ». Lorsqu'il rencontra le Bouddha, il essaya par tous les moyens d'entrer en contact avec son neveu, mais n'y parvint pas. Et dire qu'il avait étudié pendant plusieurs années, pas même se donner la peine de se couper ses ongles, pour se préparer à discuter avec son neveu. Qui aurait deviné que tout cela ne servait à rien ? Son neveu était devenu religieux auprès du Bouddha et il n'avait aucune idée parmi toutes les matières qu'il avait apprises, il lui fallait utiliser pour argumenter contre le Bouddha. Il décida finalement de suivre sa propre doctrine.

« Quelle est votre doctrine ? » Lui demande le Bouddha. Je prends « le refus d'acceptation » pour ma doctrine », répondit Kaushthila. « Quoi que vous disiez, je ne l'accepterais pas parce que je prends le refus d'acceptation pour mon principe. Voyons ce que vous pouvez faire avec cela. Parlez ! »

« Bien », dit le Bouddha, « vous prenez le refus d'acceptation pour votre doctrine, mais permettez-moi de vous demander ceci. Acceptez-vous oui ou

non ma connaissance à propos du refus d'acceptation ? .

Quelle question ! S'il répondit qu'il acceptait sa connaissance, il aurait contredit sa propre conception du refus d'acceptation. D'autre part, s'il disait qu'il ne l'acceptait pas, il aurait voulu dire alors qu'il n'avait aucune doctrine et qu'il ne pouvait donc plus prendre le refus d'acceptation pour principe. S'il l'acceptait, il se contredirait et s'il le refusait, il n'aurait plus de doctrine du tout. Il avait l'impression de ne plus se sentir sur ses jambes comme un arbre sans racine. Pour rendre les choses encore pires, avant de commencer la discussion, il avait fait un pari suivant avec le Bouddha, « si je gagnais le débat, alors mon neveu reviendrait à la maison avec moi. Et si je perdais, j'offrirais ma tête à Bouddha ». A présent, épouvanté par l'idée de perdre sa tête, il n'avait d'autre solution que la fuite. Après avoir couru environ cinq kilomètres, il s'arrêta et réfléchit. « Je suis un homme responsable après tout. Comment puis-je ainsi revenir sur ma parole ? J'avais parié sur ma tête. Et maintenant que j'ai perdu, c'est vraiment lâche de ma part de m'enfuir comme cela. Il se décida alors de revenir sur ses pas et de tenir sa promesse.

Arrivé devant Bouddha, il lui demanda un couteau et quand celui-ci lui demanda pour quelle raison il le voulait, il répondit : « J'avais accepté de vous remettre ma tête si je perdais, aussi j'accomplis à présent cette promesse. » Dit Kaushthila, « alors maintenant je vous dois ma tête, n'est-ce pas vrai ? »

« Il n'existe pas de pareil Dharma dans ma Doctrine, » dit le Bouddha, « vous avez perdu, alors oublions le. A quoi sert de couper votre tête ? » Ayant ainsi entendu le Dharma du Bouddha, Kaushthila obtint la purification de l'oeil du Dharma. Quand son oeil du Dharma fut ouvert, il entrevit la merveilleuse profondeur impénétrable de la Doctrine du Bouddha. « J'avais passé tout mon temps à apprendre les enseignements des profanes. Ils n'égalisent même pas un dixième de la doctrine du Bouddha, » dit-il et il se convertit au Bouddhisme. Alors, non seulement il a pu rejoindre son neveu mais aussi le sangha du Bouddha.

Le nom Shariputra est du sanscrit. Il veut dire « le fils d'aigrette » Shari veut dire « aigrette » parce que les yeux de sa mère étaient aussi

pénétrants et beaux que ceux d'une aigrette. Putra signifie « le fils ». Une autre explication du mot Shariputra est « le corps du fils, » d'après le mot sanscrit pour le corps, Sharira, parce que sa mère était physiquement très belle. Shariputra veut dire encore. « La perle du fils » parce que ses yeux étaient comme les perles et Sharira désigne les perles-reliques restées après la crémation d'un sage.

Shariputra était le premier des disciples de Shravaka en sagesse. Il ne se contentait pas non plus de la seconde place une fois parvenu aux pouvoirs spirituels. Les siens se révélaient être aussi immenses. Une fois, Mahamaudgalyayana voulait comparer ses pouvoirs spirituels avec ceux de Shariputra. Le Bouddha Shakyamuni était sorti pour prêcher le Dharma. A chaque fois, ses disciples le suivaient toujours pour écouter le Dharma car à l'époque l'enregistrement sur bande magnétique n'existait pas encore et si jamais il leur arrivait de manquer une séance, celle-ci serait perdue pour eux à tout jamais. Cette fois-là, Shariputra était entré dans le samadhi. Mahamaudgalyayana l'appelait mais il n'en ressortait pas. « Très bien, » dit Mahamaudgalyayana, « j'utiliserai mes pouvoirs spirituels pour vous faire bouger ». Il se mit à appliquer chaque once de son pouvoir spirituel qu'il avait afin de faire sortir Shariputra du samadhi, mais il ne réussit pas même à bouger le coin de sa robe.

Mahamaudgalyayana était généralement reconnu comme le premier pour ses pouvoirs spirituels et pourtant, à cette occasion, il a dû céder devant Shariputra, ce qui prouvait que la puissance spirituelle de ce dernier lui était encore supérieure.

Ainsi, Shariputra devenait le meilleur en sagesse et possédait aussi d'immenses pouvoirs spirituels. A huit ans, il commença à étudier avec le Bouddha et en sept jours il parvenait à saisir la véritable réalité de tous les Dharmas, à maîtriser tous les enseignements du Bouddha et pouvait vaincre tous les philosophes en Inde.

7. LE GRAND MAUDGALYAYANA

Le nom de Mahamaudgalyayana est du sanscrit et veut dire « descendu des gens vivant par leurs propres moyens. » Il se traduit aussi comme « la racine du navet. » C'est parce que ses ancêtres cultivaient la pratique ascétique indienne qui consistait à manger seulement de la nourriture qui poussait à l'état sauvage dans les forêts et à ne jamais manger de la nourriture qui avait été plantée ou récoltée. Son nom personnel était Kolita, ou « arbre jujube, » parce que ses parents avaient prié l'esprit d'un arbre local pour avoir un fils, tout comme avaient fait les parents de Mahakashyapa. Dans ce cas, les parents de Maudgalyayana avaient consulté l'esprit d'un arbre de koli et en son honneur, avaient prénommé leur fils Kolita.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Il y a plusieurs sortes de démons. Ce SUTRA explique cinquante genre de « démons Skandha. » En réalité, il existe beaucoup, beaucoup de genres de démons : les démons célestes, les démons terrestres, les démons humains, les démons spectraux et les démons inconnus. Les démons célestes sont des rois démons dans les cieux, ils viennent pour troubler votre samadhi de Ch'an. Les démons terrestres restent sur la terre, les démons humains, les démons spectraux, les démons inconnus et ces étranges créatures viennent tous aussi pour troubler votre Samadhi de Ch'an.

Pourquoi agissent-ils ainsi ?

Parce qu'avant d'atteindre la Bouddhété, vous faites encore parti de la famille des démons. Quand vous décidez de quitter la famille des démons, de pratiquer le Samadhi de Ch'an, de rompre le cycle de la naissance et de la mort et de franchir la roue tournante, les démons vous aiment encore plus. Ils vous aiment et ne veulent pas vous laisser partir. ils viennent donc alors perturber votre esprit et troubler votre Samadhi de Ch'an.

Si vous n'avez pas le pouvoir de Samadhi, vous ne pourrez pas lutter contre l'appât des états démoniaques et finirez par les suivre. Si vous avez le pouvoir de Samadhi, vous ne serez pas détournés de votre Voie. Vous serez « ainsi, ainsi impassible »-- « lucide et brillant à jamais ». D'être « ainsi, ainsi impassible » c'est d'avoir le pouvoir de Samadhi. Avec les pouvoirs composés de Samadhi et de sagesse, aucun démon ne peut vous influencer. Mais si vous n'avez pas de pouvoir de Samadhi ou de sagesse, vous vous soumettez aux démons et deviendrez leurs fils et

leurs petits fils. Ils sont extrêmement dangereux. Si les autres religions n'arrivent pas à développer le Samadhi de la nature, c'est parce qu'ils appliquent leur effort aux branches, pas à la racine du problème ; ils travaillent sur la fausse apparence d'un corps. Leur erreur c'est d'identifier la sixième conscience, l'esprit ordinaire, avec le vrai esprit. Par suite de cette

erreur, ils ont acquis quelque expérience de l'extinction paisible, mais ce n'est qu'une acquisition irréaliste. Ils s'efforcent d'empêcher leurs pensées de se soulever mais comme ils n'ont pas creusé jusqu'à la racine de leur fausse réflexion, ils sont incapables de s'affranchir du cycle éternel de la naissance et la mort. C'est comme s'ils essaient d'empêcher l'herbe de pousser avec un rocher. Quand le rocher est retiré, l'herbe repousse tout de suite. Quand ils relâchent leurs efforts, comme le rocher une fois ôté, ils se retrouvent au point de départ. Leurs méthodes ne sont pas efficaces.

Dans la pratique de Ch'an, on étudie le Hua-Tou, « Qui est attentif envers Bouddha ? » En étudiant ce thème, on nettoie tous les Dharmas et quitte toutes les apparences illusives. En cherchant le « Qui », on pénètre jusqu'à la racine de toute fausse réflexion et on l'arrache. Si vous vous servez de cette méthode, un jour viendra où votre méditation aboutira tout d'un coup et vous deviendrez soudain illuminé. Vous saurez alors si vos narines montent en haut ou descendent en bas. Pour le moment, vous ne savez pas si vos narines tournent en haut ou en bas. Quand vous serez illuminé, vous le saurez et alors vous serez sur la bonne voie.

Quand le Bouddha Sakyamuni enseignait le SUTRA SHURANGAMA, il y avait plusieurs sectes religieuses en Inde. Mais ils ne discutaient pas du sujet de l'Illumination. Ils imitaient plutôt le comportement des vaches ou des chiens. Cette étrange pratique se produisait parce qu'une certaine personne en méditant, avait vu une vache renée dans les cieux, et cette personne conclut, « Je devrais étudier le comportement des vaches. » Elle commençait à manger de l'herbe, à vivre dehors dans une étable et même à dormir comme une vache. Quand elle ne dormait pas, elle pratiquait un peu le samadhi, mais n'atteignait jamais le véritable accomplissement ; c'était le samadhi déviant.

Voici un autre exemple de ce type de pratique aberrante, quelqu'un avait fait un rêve ; dans son rêve, il avait vu un chien né dans les cieux. Alors, il pensait que s'il imitait le comportement des

chiens, il renaîtrait lui-aussi dans les cieux. Alors il prenait un chien comme modèle en toutes circonstances. Il surveillait la maison, mangeait comme des chiens et se couchait de la même manière que les chiens. Mais en fin de compte, une telle pratique n'aboutissait jamais à la réalisation ultime.

A cette époque, il existait une autre religion pratiquant le samadhi de la non pensée, les fidèles de cette religion ne pensaient à rien. Bien sûr, ils n'ont pas de fausses pensées et finalement, ils furent nés dans le ciel de la non-pensée. Mais la naissance dans le ciel de la non pensée n'est pas l'étape ultime et il risquerait éventuellement de rechuter. Cette religion peut être aussi considérée comme un samadhi déviant. Toutes ces méthodes enseignées par les autres religions ne sont pas efficaces, pas absolues. Elles ne correspondent pas à la recherche de notre quintessence en soi, notre nature fondamentale.

Se servir de l'esprit ordinaire et de la fausse réflexion pour pratiquer la doctrine du Bouddha c'est comme si on essaie de faire cuire du sable pour le transformer en riz. On n'y réussira jamais. Vous pouvez pratiquer pendant des siècles illimités, vous n'échapperez pas à la roue tourmante, vous n'atteindrez jamais la Bouddhité. Pour ceux qui désirent pratiquer la religion, il est primordial de rencontrer un maître qui ait une véritable compréhension, capable de les guider pour qu'ils atteignent le pouvoir de Samadhi authentique. Pour atteindre le vrai pouvoir de Samadhi, il vous faudra certainement subir les épreuves de démons. Comme j'ai cité plus haut, il existe beaucoup de genres de démons : il y a des démons externes et des démons internes. Les démons externes ne sont pas trop difficiles à maîtriser, mais les démons produits dans notre esprit sont plus durs à vaincre.

Certains démons apportent la maladie, ils sont aussi difficiles à vaincre. A l'époque, j'avais dix sept ou dix neuf ans, j'étudiais la doctrine du Bouddha et j'étais très orgueilleux. A cause de cet orgueil, par mon arrogance, il m'est arrivé un problème tellement honteux. La plupart des gens avaient peur des démons, moi, je ne les craignais pas. Je disais : « Ce sont des démons qui ont peur de moi ». « Ne diriez-vous pas cela c'était une remarque insensée ? » Quelque soit le genre de démons—les démons célestes, les démons terrestres, les démons spectraux, les démons

d'esprit, les démons humains—Aucun ne me faisait peur. Après avoir dit ces mots : « Savez-vous ce qui m'est arrivé ? » Je fus attaqué par un démon qui semait la maladie. Il m'effrayait, alors qu'avant, je n'avais pas eu peur d'eux. La maladie m'interdisait tout mouvement comme si je portais un joug ou des chaînes. On dirait que mon corps ne m'obéissait plus. Je lui ordonnais de marcher, il ne marchait pas. Je lui disais de s'asseoir, il ne s'asseyait pas. Du matin au soir, je restais allongé dans le lit, incapable de manger ou de boire. Les démons m'avaient pris au piège. Auparavant je me suis vanté que je n'avais pas peur des démons, mais maintenant quand le démon de la maladie m'attaquait, je fus impuissant. J'étais si malade que j'étais totalement inconscient. Il semblait certainement que j'allais mourir. Mais juste à l'instant où j'allais rendre mon dernier soupir—où j'étais à demi-mourant—une autre chose m'est arrivée. Je vis les trois fils de la dynastie de la Mandchourie ; deux moines—un maître Taoïste, un Bhikshu Bouddhiste et un laïc. Ils vinrent vers moi et me dirent de sortir jouer et je les suivis au dehors. Ce fut très étrange ; arrivé juste à la porte, je commençai à marcher, mais mes pieds ne touchèrent pas la terre. Bien que je ne sois pas dans un avion, et pourtant j'étais dans l'espace vide. Je ne me sentais pas flotter sur les nuages, ni conduire dans le brouillard, cependant j'avais l'impression d'être enveloppé dans l'espace. Je marchais sur les toits des maisons et je m'élevais dans le ciel et bientôt les maisons paraissaient très petites et j'apercevais beaucoup de gens en dessous.

Nous avons visité tous les temples, toutes les montagnes et tous les grands fleuves renommés. Les quatre montagnes sacrées de la Chine : WU T'AI, O MEI, CHIU HUA ET P'U T'OU. Partout où nous sommes allés, il y avait toujours beaucoup de temples et beaucoup de gens. Nous n'avions pas fini de visiter toute la Chine, pourtant déjà nous volions au-dessus des pays étrangers où les habitants avaient des cheveux blonds et des yeux bleus. Nous allions de lieu en lieu très rapidement. C'était comme si je regardais un film où les images se succédèrent les unes aux autres rapidement et où les scènes changèrent constamment sauf qu'il n'y avait ni projecteur ni écran, j'avais l'impression d'être réellement aux endroits que j'ai vus.

Après avoir vu et entendu beaucoup de choses, je retournais au seuil de ma maison. J'ouvris la porte et regardais à l'intérieur et là sur le lit

c'était un autre moi. Juste au moment où je me suis rendu compte qu'il y avait deux « moi », je redevins un unique ; mon souffle et mon pouls revinrent. « Il n'est pas mort ! » S'exclamèrent mon père et ma mère, qui étaient assis à côté de moi. « Il est vivant ! » Après, je me rendais compte que quand j'avais vu mon corps sur le lit incapable de bouger, j'étais encore malade. J'interrogeais mon père et ma mère qui me répondaient que j'avais été dans le coma pendant sept ou huit jours et semblais comme mort. Ainsi, j'avais été un mort vivant. Même, je me suis dit que j'étais mort, et ensuite je renaissais de nouveau. Après cet événement, je n'étais plus aussi insensé. Je ne répétais plus jamais que je n'avais pas peur des démons et que c'était les démons qui me redoutaient. Ecoutez mon conseil : Quoique vous fassiez, ne dites jamais de telles bêtises. Si vous dites : « Je ne crains absolument rien. » Alors, il est certain à l'avenir que vous rencontrerez quelque chose qui vous effrayera. Mais dire « j'ai peur de tout » n'est pas juste non plus. Par conséquent, il est inutile d'aborder des sujets aussi futiles.

Avant ma maladie, j'étais un précepteur de la voie vertueuse. J'enseignais le don charitable, la vertu, la voie et la bonne conduite. Non seulement, j'encourageais les autres à faire de bonnes actions mais moi-même j'en accomplissais tout en renonçant aux bénéfices, pour le profit de mon prochain. J'avais tant pratiqué les préceptes du Bouddhisme que je me sentais que j'avais gagné un peu de vertu. Un jour, j'avais lu un article décrivant la manière de vivre de Chang Yu- Hsuan et j'ai décidé de devenir exactement comme lui.

Je jurais par le ciel de prendre Chang Yu- Hsuan comme modèle. Mais, tout de suite après avoir fait ce serment, je commençai à le regretter. « A quoi cela sert-il de l'imiter ? » Je me suis demandé avec incertitude. Et c'était étrange, cette même nuit, un démon venait m'éprouver si je pouvais réellement garder mon serment. Si vous faites des vœux, les Bodhisattvas peuvent venir vous tester. Aussi ne parlez pas avec imprudence ; prenez garde de proclamer vos désirs qui vous plaisent ou sinon vous auriez certainement des ennuis.

Concentrez- vous sur la pratique de la voie. Ne vous servez pas de l'esprit ordinaire des profanes, mais plutôt celui imprégné de la Voie. Pratiquez le Samadhi de la nature et cherchez l'accomplissement réel. Le réel accomplissement

est le contraire de ce qui est vide et faux. Celui dont l'accomplissement est vide et faux, se dit : « Je viens de réaliser la Bouddhité, » et quand qu'il médite, il peut ressentir que son corps projette de la lumière faisant trembler la terre comme le Bouddha. En réalité, il n'avait rien du tout. L'épreuve est vide et fausse. Ce n'est pas l'accomplissement de la voie.

On peut se dire : « Pendant le C'han, j'ai vu le Bouddha m'accorder une prédiction en disant : « Vous réaliserez bientôt la Bouddhité. Prenez la peine de pratiquer. Vous êtes déjà un Bouddha ! » Ceci aussi est un test faux ; ce n'est pas l'accomplissement authentique de la voie. Le Bouddha Sakyamuni réalisait la voie au pied de l'arbre Bodhi. Il restait assis là pendant quarante neuf jours et puis un soir, il vit une étoile et éveillait à la Voie. C'est étrange en effet, étrange en effet, étrange en effet. » Dit-il, « Tous les êtres vivants ont la nature de Bouddha. Tous peuvent devenir Bouddhas. » (à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

15 . On connaît les prières du Mantra, et quand on prie les Bouddhas et les Bodhisattvas, ils répondent comme un écho. Quand vous récitez ce mantra, les Bouddhas et les Bodhisattvas vous répondent justement comme un écho, ainsi tout correspond à ce que vous désirez.

16 . On connaît les Dharmas du mantra, afin d'ouvrir la sagesse et l'éloquence obstruée. Le Dharma de ce Mantra consiste à ouvrir votre sagesse et à vous accorder l'éloquence obstruée.

17 . On connaît les caractères originaires, c'est à dire, qui venaient des textes du Tripitaka. Vous pouvez connaître les caractères Sanscrits originaires d'où sont basés les textes du Tripitaka.

18 . On connaît le syllabe. Vous êtes donc capable de connaître le syllabe. L'alphabet, à partir duquel viennent les sages dignes du manifeste et des doctrines secrètes. Tous les sages dignes de la Doctrine du Manifeste et les sages dignes de la Doctrine secrète de ce syllabe.

19 . On connaît la signification des syllabes qui contiennent des principes illimités. Les lettres contiennent des principes infinis.

20 . On connaît les racines des syllabes qui sont les racines originaires de la sagesse de tous les Bouddhas.

21 . On connaît les sons en sanscrits, les sons du Mantra sont d'abord transmis par les Bouddhas et les Dieux. Ils transmettaient d'abord ces sons.

22 . On connaît la réunion et le maintien, qui est le sens total de tous les Dharmas. Les sens de tous les Dharmas sont contenus dans ce Mantra.

23 . On connaît les véritables mots. Comme sont les choses, alors ils sont exprimés sans fraude. Les mots sont enseignés en accord avec le principe, correctement et sans mensonges.

24 . On connaît le langage secret, comme les mots de passe dans le service militaire, comme les décrets de l'empereur qui ne sont pas divulgués. Ils ne peuvent pas être révélés à l'ennemi. Vous ne

pouvez pas les dire à des gens qui n'en sont pas concernés. Ils ne peuvent pas être révélés au hasard.

Les quatre premiers avantages cités au-dessus appartiennent seulement aux cinq chapitres. Les

vingt derniers s'appliquent aussi sur le coeur du Mantra. Ceci donne ensuite une vue d'ensemble des avantages du mantra pour ceux qui viennent avant et après. Ceci décrit les avantages de la traduction du mantra pour des gens qui ont récité ou réciteront le mantra du Shurangama.

Si on veut traduire le coeur du Dharma, il comporte six avantages :

1. Chaque syllabe contient beaucoup de sens du Dharma. Une seule syllabe renferme beaucoup de principes. Et son pouvoir est sans bornes ; son impression est souvent désignée comme étant sans mesure et sans bornes.

2. Cela fait une parfaite interconnexion entre les sons des syllabes en chinois et en sanscrit. Le deuxième avantage est que les caractères en sanscrits sont transcrits en chinois, alors les sons sont les mêmes. Et pourtant quand vous récitez, vous utilisez à la fois les sons et les caractères en sanscrit et les sons et les caractères en chinois, et alors leur fonction est à la fois parfaite et inobstruée.

3. Il représente les trente coeurs dans le Tripitaka. Qui sait quels sont ces trente genres d'esprits ? Personne n'en sait rien. Si vous les savez, alors vous irez les voir. Si je vous dis maintenant, vous n'en saurez jamais même si je vous donne des explications, je vous raconte des choses et vous n'y faites pas attention—ça entre dans une oreille et sort de l'autre. Quelqu'un sait-il quels sont les trois trésors du Tripitaka ? Une personne dit : « C'est la corbeille du coeur, la corbeille du foie et la corbeille de la rate. Ce ne sont pas les trois Trésors, mais ce sont les cinq Trésors de la médecine chinoise : le coeur, la foie, la rate, les poumons et les reins. Alors, personne ne sait quels sont les trois Trésors. Il s'agit de la Corbeille du Vinaya, la Corbeille du Sutra et la Corbeille du Shastra. Bien ! Ainsi la Corbeille du Sutra est celle des Sutras parlés par le Bouddha. Quelle est la Corbeille du Vinaya ? Elle contient les préceptes du Bouddha. Qu'est ce que la Corbeille du Shastra ? Celle-ci contient les discours des gens qui ont la sagesse pour expliquer clairement les principes

du Bouddhisme. Alors, observez-bien maintenant les trois genres d'esprits et dites-les moi.

4. Il révèle respectivement les trois dignes étapes, les Voies et la merveilleuse Illumination. Les trois dignes sont : dix lieux, dix pratiques et dix transmissions du Boddhisattva. Les Voies désignent les dix Voies d'un Boddhisattva. La dernière fait référence à la merveilleuse Illumination d'un Boddhisattva et d'un Bouddha.

5. On peut prendre refuge auprès des trente-sept sages. Ce sont les trente-sept sages du Mandala Vajradhatu.

6. Il y a l'enchaînement horizontal et vertical de tous les syllabaires. Il y a l'enchaînement avec le syllabaire sanscrit et l'alphabet sanscrit. Il y a des alphabets qui sont horizontaux et certains verticaux.

Dans les oeuvres de l'école ésotérique, dans la partie des sutras consacrés à l'école ésotérique, la question est posée : "Comment peut-il y avoir un tel aspect inconcevablement avantageux pour l'utilisation spirituelle de ces syllabes sanscrites, les véritables mots ? Comment peuvent-elles contenir un pareil pouvoir spirituel inconcevable et la merveilleuse fonction ?"

La réponse c'est parce qu'elles sont la substance des esprits de tous les Bouddhas. La raison c'est que les syllabes sanscrites de tous les Mantras sont la substance fondamentale du vrai esprit de tous les Bouddhas. C'est pour cette raison, qu'ils ont un pouvoir inconcevable. C'est parce que la nature du Dharma est justement cette voie. Elle a justement ce grand pouvoir et cette force. C'est parce qu'une syllabe du Dharma comporte plusieurs sens. Ainsi parce qu'une syllabe sanscrite comporte plusieurs principes du Dharma. C'est à cause de tous les pratiques, des vœux des Bodhisattvas, et aussi à cause de l'aide du pouvoir spirituel inconcevable. C'est quelque chose d'inconcevable et d'inexprimable. En d'autres termes, le Mantra spirituel est grandement bénéfique en infusant un

des grands pouvoirs spirituels. Ceci explique combien d'avantages viennent de la traduction de ces lignes. Il dit aux gens des avantages qu'ils peuvent obtenir. De plus, il continue à encourager le médecin à ne pas s'adonner à la méditation inutile. Vous ne pouvez absolument pas parler confusément du Mantra en tout temps. Si vous parlez toujours d'une manière confuse, alors le mantra ne sera pas efficace. Lorsque vous pratiquez, les trois karmas du corps, de la parole et de l'esprit devraient être purs. Vous ne pouvez pas juste parler par hasard d'une façon embrouillée. Vous ne pouvez pas fortuitement vous adonner au bavardage ou parler injustement ; vous ne devriez pas dire des propos blessants et sans principes.

Il y a aussi un livre intitulé « Les contenus des chapîtres des portes du Dharani », qui dit. L'école du yoga dit qu'il y a cinq Divisions.

1) La division du Bouddha. Dans la division du Bouddha, le Bouddha Vairochana est l'invité. C'est la division centrale et elle appartient à l'élément terre. La terre s'étend en quatre limites et le Bouddha Vairochana se répand partout dans le Monde du Dharma. Alors, le souverain de la Première Division est le Bouddha Vairochana.

2) La Division du Vajra est à l'Est, avec les traces secrètes du Vajra. Le Bouddha Akshobya est l'invité. Le Maître Bouddha de la Médecine, qui empêche les calamités et rallonge la vie, gouverne cette division.

3) La division du Trésor se trouve dans le Sud. Où le Bouddha Ratnasambhava est l'Invité.

4) La Division du Lotus se trouve à l'Ouest. Où le Bouddha Amitabha est l'Invité.

5) La Division du Karma est dans le Nord. Où le Bouddha Amoghasiddhi est l'Invité.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DE GRANDS BHIKSUS.

Après avoir réalisé la Bouddhité, Sakyamuni Bouddha allait d'abord à la chasse gardée par le cerf pour trouver les cinq Bhiksus y compris Ajnatakaundinya. Dans sa méditation il voyait que Uruvilva Kasyapa, avec ses disciples en grand nombre, pourraient être convertis. Le Bouddha Sakyamuni était un vieux Sanghan et avait les manières d'un grand Maître, mais quand il venait rendre visite à Uruvilva Kasyapa celui-ci ne le reconnaissait pas et lui manquait de respect, car il se disait : Je suis le chef de beaucoup d'hommes. Tout le monde m'appelle l'homme estimable... il est hors de question que je sois derrière Bouddha, il répandait le bruit disant que Bouddha a dressé le Dharma contre lui. Bientôt, il se rendait compte qu'il avait confronté Bouddha, pour quoiqu'il disait, il ne réussissait pas à avoir le dernier mot.

Il ne pouvait pas vaincre le Bouddha au débat ! Ayant échoué verbalement il recourait à son pouvoir spirituel spécial du feu. Avec l'intention de brûler le Bouddha, il évoquait un grand feu. Sa force était impressionnante, néanmoins le feu ne réussissait pas à toucher le Bouddha, mais, se tournait vers Kasyapa lui-même, qui, sur le bord de se faire brûler vif, alors sans appui il lui restait qu'une seule solution, c'était de se rendre au Bouddha.

Uruvilva avait cinq cents disciples et son frère en avait deux cent cinquante.

Tous ceux-là prenaient refuge auprès du Bouddha, en même temps que leurs 1005 disciples.

Plus tard, le Bouddha convertit Sariputra et Mahamaudgalyayana qui avait cent disciples. Après ces conversions, le nombre de disciples du Bouddha s'élevait à 1205 en tout. Yasas, le fils du vieux et ses disciples prenaient aussi refuge auprès du Bouddha. Cela faisait exactement un total de 1255 disciples constants du Bouddha. Les textes du Sutra arrondissaient le nombre à 1250.

Cette époque porte cinq significations :

1. C'était l'époque où le Bouddha voulait prêcher, commençait à parler et avait prêché.

2. C'était l'époque qui brise les vues des voies externes.

Certaines voies externes dénie l'existence du passé, du présent et du futur. En cette époque l'explication s'est passée dans le passé, se passe maintenant et se passera dans le futur. Ces paroles par conséquent séparent l'enseignement du Bouddha du Dharma des voies externes.

3. C'était l'époque de (planter) semer les germes. Les germes qui sont plantés et nourris pousseront. Sans cultiver, les germes pourriront.

Si on a développé les bonnes causes dans les vies antérieures, mais ne (cultive) nourrit pas ce fruit plus tard dans cette vie, il aura des racines qui se dessècheront et mourront. Si ces bonnes racines sont continuellement soignées, elles porteront davantage de fruits. Alors si vous avez des racines qui sont suffisamment bonnes pour vous permettre d'entendre les conférences du Sutra, ne venez pas seulement de temps en temps ; venez aussi souvent que possible.

Plus souvent vous venez, vos racines pousseront plus profondément.

4. C'était le temps d'écouter les Sutras. Cela ne signifie pas écouter seulement une fois ou deux. Mais écouter régulièrement, plus vous entendez plus vous comprenez. En écoutant les Sutras, trois conditions doivent être remplies. Avoir :

- a. Un vrai maître
- b. Un vrai enseignement et
- c. Une étude réelle, consciense.

Si une ou deux de ces conditions sont accomplies, l'étude serait inutile. Par exemple, si vous avez un vrai enseignement et vraiment étudié, mais vous manquez un vrai maître, alors vous ne pourrez pas comprendre cet enseignement. Toutes les trois conditions doivent être rencontrées pour réussir la pratique.

5. C'était le temps où le Bouddha voulait prêcher le Dharma et les êtres vivants voulaient écouter. Le Bouddha souhaitait prêcher de telle

façon que tous les êtres vivants puissent entendre. Le Bouddha et les êtres vivants n'appartiennent pas à deux catégories de gens différents : L'un en haut et l'autre en bas. Mais ils sont égaux.

LE SEUL HONORE DU MONDE est un des dix noms spéciaux du Bouddha. Quand le Bouddha descendait du ciel TUSITA dans le monde des êtres humains né du côté droit à travers les côtes de sa mère Maya, il marchait immédiatement sept pas, puis d'une main pointant le ciel et de l'autre la terre, il dit, « Dans le ciel et sur la terre, je suis le seul honoré. »

Quand il avait fini de parler, neuf dragons lançaient des jets d'eau pour laver son corps. Ainsi, le Bouddha est connu comme le seul Honoré du monde. « MONDE » fait allusion non seulement à ce monde mais au monde transcendent tous les mondes, à la fois mondial et transcendent, honoré, vénéré et incliné s'appliquent au Seul Honoré du Monde. La mention de « L'HEURE DU REPAS » montre clairement que le Bouddha, comme les gens ordinaires, mangeait et buvait. A l'heure de manger, le Seul Honoré du monde MIT SA ROBE. Chaque membre du Sangha a le droit de posséder trois robes :

1) L'Antarvasas, la robe à cinq pièces, est une robe de travail. Elle est faite de cinq bandes, chacune d'elle contient deux pièces, une longue et une courte

2) Le Uttarasanga, la robe à sept pièce, portée pour les cérémonies et pour écouter le Dharma

3) Le Sanghati, appelée aussi « la robe parfaite » ou « la grande robe », est composée de 108 pièces cousues vingt cinq bandes. Chaque pièce de la robe représente un champ et ainsi ils sont aussi appelés les robes du « champ de bénédictions ». Les membres du Sangha portent le Sanghati lorsqu'ils reçoivent les offrandes des laïques, qui par ailleurs « sèment les champs de bénédictions ». Quand ils mettent la robe, ils (r les vers suivant :

*« C'est la robe de la libération de tout accident
Absence de forme et pourtant, elle représente
l'incommensurable champ de bénédictions... »*

Cette robe est portée pour donner des conférences sur des Sutras et parlant le Dharma sur le haut siège, en acceptant les offrandes de la pure nourriture du roi ou du souverain d'un pays, et en mendiant de la nourriture.

L'HEURE DU REPAS n'était pas une affaire accidentelle pour le Bouddha comme elle est pour les gens paresseux qui dorment jusqu'à l'heure de manger et puis se réveillent et attendent qu'on la prépare et la leur serve.

Même si le Bouddha avait réalisé la Bouddhité avec ses pénétrations spirituelles et ses merveilleuses fonctions, à l'heure du repas il mit encore sa robe et prit son bol. Le bol en Sanscrit signifie « récipient de grosseur appropriée », et exigée.

Ce bol contiendra assez pour satisfaire à ses besoins. Le bol avait été donné à Bouddha Sakyamuni par les quatre rois du ciel qui s'étaient manifestés pour le lui donner eux-même en personne.

Il prit son bol et entra dans la grande ville de SRAVASTI pour MENDIER LA NOURRITURE. Les membres du Sangha mendient la nourriture pour donner aux êtres vivants une occasion de planter les graines dans un champ de bénédictions. Parce que les êtres vivants ne savaient pas se rendre auprès du Triple Joyaux pour planter les bénédictions, les membres du Sangha allaient chez des êtres humains dans les villes et mendiaient de porte en porte, ne délaissant pas évidemment le pauvre pour mendier chez le riche, ni le riche pour mendier chez le pauvre, excepté Subhuti, celui-ci ne mendiait que chez des riches.

Le Bouddha réprimandait ses deux disciples Subhuti et le Grand Kasyapa de leur manière de mendier. D'abord, il grondait Subhuti pour avoir pensé, « les gens riches ont de l'argent parce que dans les vies antérieures ils favorisaient le mérite et la vertu. Si je ne mendie pas chez eux et ne leur donne pas l'occasion de planter plus de bénédiction alors la prochaine vie, ils seront pauvres. Ils ne seront plus riches et honorés. « C'est pourquoi Subhuti mendiait uniquement chez les riches. Bien sûr ceux-ci mangent de la bonne nourriture. Alors même s'il disait qu'il voulait leur donner l'occasion de semer des bénédictions afin de profiter de la richesse dans les vies futures, mais personnellement je crois que Subhuti aimait manger de la bonne nourriture aussi c'est pourquoi il mandiait chez le riche. C'était mon idée personnelle, peut-être que Subhuti n'était pas comme nous des gens ordinaires, qui constamment pensons à bien manger. C'était peut-être vrai qu'il voulait les aider à planter leurs bénédictions.

(à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Le quatrième genre de la récitation du Bouddha est la tenue du nom. On récite en restant immobile, « Namô Amitabha Bouddha ». La récitation doit être claire et distincte et les trois karmas du corps, de la bouche et de l'esprit doivent être purs. La bouche est libre des quatre mauvais karmas du langage abusif, grossier, du mensonge et du bavardage et le corps s'abstient des trois mauvais karmas de la tuerie, du vol ou de l'adultère ; l'esprit de cupidité, de haine et de stupidité. Quand on est libre de ces dix mauvaises actions, alors le karma du corps, de la bouche et de l'esprit est pur. De cette manière, une pensée est une pensée du Bouddha ; quand chaque pensée est pure, chaque pensée est celle du Bouddha.

*Le cœur pur est comme la lune dans l'eau ;
L'esprit dans le Samadhi est comme le ciel
sans nuage.*

Si vous arrivez à réciter d'une façon absolue vous entrez dans le Samadhi de la récitation du Bouddha, alors en entendant le vent qui souffle, c'est « Namô Amitabha Bouddha », et la pluie qui tombe, c'est « Namô Amitabha Bouddha ». Chaque son que vous entendez récite le nom du Bouddha.

*L'eau s'écoule,
Le vent souffle,
En déclarant le Mahayana...*

Le poète chinois Su Tung P'o dit,

*Des couleurs de la montagne,
Nulles n'égale à sa grande et longue langue,
Des sons des rivières,
Tous sont clairs et purs.*

Toutes les couleurs de la montagne représentent la langue longue du Bouddha qui parle le merveilleux Dharma. C'est la réalisation du Samadhi de la récitation du Bouddha.

Alors, j'ai écrit ce poème :

*Si vous récitez le nom du Bouddha, en réchant
sans cesse,
La bouche récite « Amita » et le corps travaille
Les pensées éparpillées ne se soulèvent pas, vous
atteignez le Samadhi.
Pour renaître dans la Terre Pure, votre espoir
n'est pas inutile.
Si toute la journée vous détestez la douleur de la
souffrance du Saha,
Faites renaître dans la Dernière Béatitude, c'est
le but essentiel de votre esprit.
Chassez les pensées poussiéreuses rouges de
votre esprit.
Abandonnez les réflexions impures et vous
trouverez les pensées pures.*

Récitez le nom du Bouddha du matin au soir et vos pensées embrouillées ne s'élèveront pas. Vous atteindrez naturellement le Samadhi de la récitation du Bouddha et serez rené dans la Terre de la Dernière Béatitude, selon votre volonté. Vous savez que le monde Saha est plein de douleurs et de souffrances, alors coupez les plaisirs du monde et n'ayez pas des pensées du désir sexuel, du désir ardent ou de la lutte pour la réputation et du profit. Renoncez à tous les intérêts du monde et considérez comme illusoire. Cherchez la renaissance, dans la dernière béatitude ; cette pensée est extrêmement importante.

Ce poème explique clairement les principes de la récitation du nom du Bouddha. Tenir et réciter le nom du Bouddha c'est comme saisir quelque chose dans votre main et ne la laisser jamais partir. Récitez « Namô Amitabha Bouddha » tous les jours et chassez vos pensées éparpillées. Cette branche du Dharma lutte contre le poison par le poison. La fausse réflexion est comme du poison et à moins que vous ne le neutralisiez par du poison sinon vous ne le guéririez jamais. La

récitation du nom du Bouddha combat la fausse réflexion par la fausse réflexion. C'est comme si vous envoyez une armée pour vaincre une armée, vaincre un combat pour finir tous les combats. Si vous avez une bonne défense, les autres pays ne vous attaqueront plus. La récitation constante chasse la fausse réflexion afin que vous puissiez atteindre le Samadhi de la récitation du Bouddha. Ensuite, le troisième des quintuples significations profondes c'est de prendre la Foi, les vœux et la tenue du nom du Bouddha comme la doctrine.

QUATRE : EN DISCUTANT LA FONCTION CINQ : EN DETERMINANT LE VRAI ENSEIGNEMENT

« En discutant la fonction », la quatrième des quintuples significations profondes c'est déterminer le pouvoir du Sutra et son usage. Son pouvoir est celui du « non retrait » et son usage est la renaissance dans la Terre de la Dernière Béatitude. Là, vous atteindrez l'étape du non retrait. Les pratiquants des autres Branches du Dharma sont quelque peu incertains ; personne ne les rassure. Ils peuvent réciter les mantras ou Sutras pendant plusieurs années et ensuite s'en éloigner avec un sentiment du non-accomplissement ou du gain. Si ce n'est pas dans cette vie, ils pourront se retirer dans la prochaine. Peut-être ils sont vigoureux maintenant, mais plus tard ils prennent une pause. Non seulement des gens ordinaires, même les Arhats ont la « confusion de demeurer dans l'utérus » et oublient leurs pouvoirs spirituels. Les Boddhisattvas ont la confusion appelée « la séparation du Yin », ce qui veut dire la même chose. S'ils rencontrent un bon conseiller savant qui leur apprend à pratiquer, ils pourront se réveiller. Autrement, vie après vie, ils se retirent et il leur est très difficile de faire renaître le cœur du Bodhi, car il est facile de retourner en arrière.

Alors que, né dans la Terre de la Dernière Béatitude, il n'y a pas de rechute, mais seulement de progrès vigoureux. On atteint les quatre sortes du non-retrait :

QUATRE SORTES DU NON-RETRAIT :

1. La position du non-retrait. Né dans la Terre de la Dernière Béatitude, vous atteignez la position du Bouddha. Né par la transformation d'un lotus, quand la fleur s'épanouit, vous voyez le Bouddha, entendez le Dharma, éveillé par la patience du Dharma sans vous soucier du rendement et vous ne retombez jamais.

2. La conduite du non-retrait. La plupart des gens pratiquent vigoureusement pendant une vie, mais dans la vie suivante, ils lâchent à cause de la paresse. Dans la Terre de la Dernière Béatitude, il n'y a pas de souffrance des trois mauvais chemins. Les oiseaux Kalavinka et les oiseaux à deux têtes aident tous le Bouddha Amitabha de parler du Dharma. René là-bas, on ne laissera pas aller mais on progresse avec courage et vigueur.

3. La pensée du non-retrait. Dans le monde du Saha, nous pratiquons vigoureusement mais après un certain temps nous nous apercevons que c'est trop amer, trop restrictif, trop inconfortable et ainsi nous ne sommes plus aussi vigoureux. Les pensées de la paresse s'élèvent et quoique nous ne nous soyons pas retirés dans le comportement, plusieurs siècles passent rapidement et les pensées du recul l'emportent grandement sur celles de la vigueur.

Il est difficile de ne pas régresser. Dans la Terre de la Dernière Béatitude, on entend le Dharma jours et nuits. On n'a pas de pensées du retrait de l'esprit du Bodhi. Toutes les pensées sont irréversibles.

4. Le non-retrait final. Né par la transformation d'un lotus. Vous ne reculerez jamais, dans n'importe quelle circonstance, soit au niveau d'une personne ordinaire, soit au niveau du petit véhicule ou au niveau du Boddhisattva. Né dans la Terre de la Dernière Béatitude, vous obtenez ces quatre sortes du non-retrait.

En déterminant le vrai enseignement, le Tripitaka est divisé en trois parties. Les Sutras qui traitent du Samadhi, les Sastras qui traitent de la sagesse et le Vinaya qui traite de la moralité. Ce texte appartient à la division du Sutra et comme il est permanent et inchangeable, dans le domaine de caractéristiques des Sutras. Quand tous les autres enseignements du Bouddha auront disparu, ce Sutra restera dans le monde une centaine d'années supplémentaires et sauvera les êtres vivants illimités. Pour cette raison, il se diffère des autres Sutras.

Des trois Véhicules, Stravakas, et ceux illuminés conditionnellement et les Boddhisattvas. Ce Sutra appartient au Véhicule du Boddhisattva. Il emmène les Boddhisattvas jusqu'au Grand Véhicule.

Connaissant le classement du Titre du Sutra et ses quintuples significations profondes, nous avons maintenant une compréhension générale du Bouddha parlant du Sutra Amitabha. (à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

TEXTE : LE GRAND HEROS MANIE L'EPEE DE LA SAGESSE.

DE SON POINT DE PRAJNA, UNE FLAMME DE VAJRA !

ELLE NE DETRUIT NON SEULEMENT PAS LA PENSEE DES VOIES EXTERNES.

MAIS ELLE A EFFRAYE AUSSI DEPUIS LONGTEMPS LES DEMONS CELESTES !

COMMENTAIRE : LE GRAND HEROS MANIE L'EPEE DE LA SAGESSE. Le cavalier qui pratique la voie et transcende le monde doit rompre l'amour et faire ses adieux aux affections. Il doit rejeter le commun et se séparer de la poussière ; Il doit avoir une détermination qui monte au ciel. Ensuite, il peut être appelé une personne qui représente les merveilles. Le grand héros manie l'épée illuminante de la sagesse afin de détruire les illusions, à la fois grossières et délicates, comme la poussière et le sable—Toute ignorance et toute affliction.

DE SON POINT PRAJNA, UNE FLAMME VAJRA ! Cette épée est lancée dans le Prajna, et le point tranchant est la sagesse. Elle émet une brillante flamme de Vajra qui illumine les trois mille grands mille royaumes de monde.

ELLE NE DETRUIT NON SEULEMENT PAS L'ESPRIT DES VOIES EXTERNES. L'épée ornée du roi vajra ne détruit pas simplement l'esprit déviant qui entre par les portes de côté et les voies externes, mais ELLE A EFFRAYE AUSSI DEPUIS LONGTEMPS LES DEMONS CELESTES. Elle a déjà effrayé les démons célestes et leurs suites et miné leur courage.

Les pratiquants devraient prêter attention définitivement à ce chapitre de chant, méditez bien et essayez de l'obtenir.

TEXTE : ROULEZ LE TONNERRE DU DHARMA,

BATTEZ LE TAMBOUR DU DHARMA.

LES NUAGES DE LA BONTE SE REUNISSENT.

LA ROSEE SUCREE EST REPANDUE ;

LES DRAGONS ET LES ELEPHANTS MARCHENT

SUR ELLE, EN MOUILLANT TOUT.

LES TROIS VEHICULES ET LES CINQ NATURES SONT TOUS SUSCITES.

L'HERBE DE L'HIMALAYA EST EN EFFET PARFAITE ;

LE PUR GHEE PRODUIT A PARTIR DE CELA QUE

J'AI SOUVENT PRIS.

NOTRE NATURE REPAND TOTALEMENT TOUTES LES NATURES.

UN DHARMA CONTIENT PARTOUT TOUS LES DHARMAS.

UNE LUNE APPARAIT UNIVERSELLEMENT DANS TOUTES LES EAUX.

LES LUNES DANS TOUTES LES EAUX SONT REUNIES

PAR UNE SEULE LUNE.

LE CORPS DU DHARMA DE TOUS LES BOUDDHAS ENTRE DANS LA

NATURE,

MA NATURE SE COORDONNE AVEC LES CEUX-VENUS-AINSI.

SUR UN SEUL NIVEAU, LE NIVEAU EST COMPLET.

IL N'EST NI FORME ; NI ESPRIT, NI LE KARMA DE L'ACTION.

EN UN CLAQUEMENT DE DOIGT, QUATRE-VINGT MILLE PORTES SONT PLEINEMENT REALISEES.

EN UN KSHANA, TROIS ASAMKHYEYA KALPAS SONT ETEINTS.

AUCUN NOMBRE OU EXPRESSION NE PEUT LE DECRIRE.

QUELLE RELATION POUVAIT-IL Y AVOIR POUR NOTRE EVEIL SPIRITUEL ?

COMMENTAIRE : ROULEZ LE TONNERRE DU DHARMA, BATTEZ LE

TAMBOUR DU DHARMA. Propager le pur Dharma, l'enseigner et transformer les êtres vivants c'est comme rouler et battre un grand tonnerre du Dharma. Les sourds sont réveillés et les aveugles sont secoués.

LES NUAGES DE LA BONTE SE RASSEMBLENT. LA ROSEE SUCREE EST REPANDUE. Les nuages bienfaisants de la bonté se rassemblent si bien que tous ceux qui sont prêts pour les recevoir sont à son ombre universelle. Partout les êtres sont mouillés par l'averse de pluie et de la rosée juste à temps, afin que tous soient guidés à se déterminer pour le Bodhi et à être certifiés ensemble pour la patience avec la non-production.

LES DRAGONS ET LES ELEPHANTS MARCHENT SUR ELLE, EN MOUILLANT TOUT. Les portes du Dharma des dragons et des éléphants marchent sur la rosée sucrée, en nourrissant maintes et maintes êtres vivants illimités et sans borne.

LES TROIS VEHICULES ET LES CINQ NATURES SONT TOUS SUSCITES. Les Auditeurs, les Bouddhas par-eux-mêmes et les Bodhisattvas, sont les trois véhicules. Les Auditeurs de nature fixe, les Bouddhas par-eux-mêmes et les Bodhisattvas, ceux de la nature indéterminée et ceux qui manquent de la nature sont tous éveillés.

L'HERBE PINODHNI DE L'HIMALAYA EST EN EFFET PARFAITE. Dans le sol fertile des Himalayas pousse une herbe grasse que les vaches mangent pour produire le lait.

LE PUR GHEE PRODUIT A PARTIR DE CELA QUE J'AI SOUVENT PRIS. J'ai souvent goûté cette merveilleuse saveur du pur et clarifié ghee produit à partir de cela.

UNE NATURE REPAND TOUTES LES NATURES. C'est à dire une seule racine se divise en mille radicules. Dix milles radicules retournent pourtant à la racine.

UN DHARMA CONTIENT PARTOUT TOUS LES DHARMAS. Un est pourtant tout et tout est donc un.

UNE LUNE APPARAÎT UNIVERSELLEMENT DANS TOUTES LES EAUX. Il s'agit d'une analogie. Une seule lune est capable d'être réfléchi pareillement dans toutes les eaux.

LES LUNES DANS TOUTES LES EAUX SONT REUNIES PAR UNE LUNE. Les lunes dans toutes les eaux sont essentiellement la seule lune, qui les réunit toutes.

LE CORPS DHARMA DE TOUS LES BOUDDHAS ENTRE DANS MA NATURE. Le corps Dharma--- la pure substance fondamentale---de tous les Bouddhas des dix directions et des trois périodes de temps, entre dans ma nature, devient une substance de ma propre nature.

MA NATURE SE COORDONNE AVEC LES CEUX-VENUS-AINSI. La substance de ma nature et tous les Bouddhas ne sont pas deux, ne sont pas différentes. Elles sont unies en une.

SUR UN SEUL NIVEAU, TOUT NIVEAU EST COMPLET. Sur un seul niveau, tout niveau est déjà complet ; il n'y a pas de passages à l'étape.

IL N'EST NI FORME, NI ESPRIT, NI KARMA DE L'ACTION—La propre nature n'est pas un Dharma des signes physiques. Il n'est ni un Dharma des conditions de l'esprit. Il est même moins un Dharma de l'action karmique. C'est le grand Dharma de l'inconditionné.

EN UN CLAQUEMENT DES DOIGTS, QUATRE VINGT MILLE PORTES SONT PLEINEMENT REALISEES. Aussi vite qu'un claquement des doigts, les Samadhis des quatre vingt quatre mille branches de Dharma sont réalisées parfaitement et totalement.

EN UN KSHANA, TROIS ASANKHYEYA KALPAS SONT ETEINTS. En un seul kshana, trois grands asamkhyeya kalpas peuvent être transcendés ; et trois grands asamkhyeya kalpas peuvent se contracter en un seul kshana.

AUCUN NOMBRE OU EXPRESSION NE PEUT LE DECRIRE. Pas de chiffres ou de paroles ne peuvent décrire cette subtile et miraculeuse porte de Dharma. Elle est séparée des quatre doctrines et se passe des centaines d'erreurs.

QUELLE RELATION POUVAIT-IL Y AVOIR POUR NOTRE EVEIL SPIRITUEL ? Quelle relation pouvait-il y avoir entre les nombres, les mots, le langage et la littérature avec la matière spirituelle, brillante et illuminée de notre propre nature ?
(à suivre)

NAMO AVALOTESVARA BODHISATTVA

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Aujourd'hui, vous vous réunissez tous ici pour réciter ensemble le nom du Bodhisattva Avalotesvara pendant sept jours. Je dois vous dire que c'est une très grande occasion, alors il ne faut pas la manquer et surtout ne gaspillez pas votre temps inutilement. Si vous pensez que c'est ennuyeux, que cela n'a aucun intérêt, alors c'est comme une personne qui est parvenue à la montagne d'or mais rentrée les mains vides. Ce serait vraiment dommage ! J'espère que vous allez obtenir plus ou moins une récompense, pour ne pas avoir gaspillé votre temps de venir ici.

D'habitude, quand on organise une semaine de récitation, on récite le nom de Bouddha ou du Bodhisattva et on fait une pause pendant une demi heure et ensuite on reprend la pratique. En Taiwan la plupart de gens suivent cette méthode. Mais, nous, ici au Monastère des Dix Mille Bouddhas, récitons sans interruption du matin au soir sans aucune pause.

Vous ne devez penser que c'est bien fait si nous ne faisons pas de pause, et ce n'est pas bien fait si les gens font des pauses. Qu'est-ce-que cela veut-il dire ? Cela veut dire que depuis toujours nous n'avons pas eu l'occasion d'en pratiquer, c'est pourquoi maintenant nous devons employer tous nos efforts pour pratiquer. Tandis que les autres, ils ont déjà fait depuis longtemps, ils récitent le nom du Bodhisattva ou non c'est la même chose. Ils n'ont pas de pensées erronées, c'est pourquoi ils se reposent.

Par exemple, si nous faisons naître une pensée erronée et nous nous disons : « A ! nous pratiquons au Monastère des Dix Mille Bouddhas, nous sommes rigoureux et forts,

tandis que les autres sont fainéants. » Si vous avez des idées pareilles, alors toutes vos vertus et vos mérites disparaissent. Ceci est une pensée orgueilleuse. Nous devons comprendre que depuis toujours ils ne cessent de pratiquer, et maintenant ils font des pauses pour nous attendre. Si nous pensons ainsi nous aurons un bon résultat dans la pratique. Par contre si vous êtes rigoureux mais

vous nourrissez la pensée d'obstruction, cela ne vous rapporte rien du tout. La pensée d'obstruction est votre esprit égoïste, votre esprit orgueilleux qui met en danger votre graine de Bodhi. Quand nous pratiquons la voie, nous devons nous souvenir de ce point. Nous devons absolument éviter de faire naître la pensée arrogante dans tous les cas et surtout ne pas avoir l'idée d'égoïsme, mais nous devons agir suivant cette expression : « Le Dharma est égal, il n'a ni haut ni bas. » ceci est la véritable parole de celui qui pratique réellement la voie.

Quand nous commençons à pratiquer, nous devons maintenir notre pensée pure. Si notre pensée n'est pas pure, alors quoique nous pratiquions, nous nous éloignons de la bonne voie. Si la pensée est pure, alors nous deviendrons Bouddhas dans toutes les circonstances. La voie qui mène au Bouddha ou au fantôme ne différencie qu'une pensée. Vous devez tous comprendre ceci.

Pourquoi devons-nous réciter le nom NAMO AVALOTESVARA BODHISATTVA ? Parce qu'il a la destinée matrimoniale avec tout le monde dans le monde Saha. C'est un Bodhisattva qui sauve les malheureux et qui les tire du malheur. Certains se disent : « Quand nous affronterons un malheur ou un danger, à ce moment-là nous prions le Bodhisattva Avalotesvara. Maintenant nous ne sommes pas dans une situation malheureuse, alors à quoi bon récitons-nous son nom ? » Si nous disons ceci, cela veut dire que nous n'avons pas du tout de malheur ? Pendant la journée, du matin au soir, nous avons toujours des pensées erronées dans notre esprit, ceci n'est-il pas une situation souffrante ? Ensuite, on se fait des soucis pour soi-même, on veut se tirer du profit, mais quand on n'y arrive pas, on ne dort pas bien. Et si nos vœux ne sont pas exaucés, on ne mange pas bien. Et vous dites que vous n'êtes pas malheureux ? Qui ose avouer qu'il n'est pas malheureux ? On n'est pas malheureux dans cette situation mais on l'est malheureux dans une autre. En conclusion, nous pouvons dire que le malheur est inséparable du corps. Sauf, si on renonce à

tout sans rien désirer, on peut affirmer qu'on est pas malheureux.

Lorsque nous récitons NAMO AVALOTESVARA BODHISATTVA, d'abord nous devons comprendre la signification de cette prière. Namo est du sanscrit, qui veut dire se soumettre, Avalotesvara c'est celui qui écoute, observe, et comprend la voix des êtres vivants. Le Bodhisattva Avalotesvara pratique la porte de l'audition de la nature de soi, c'est pourquoi il reste à l'écoute des appels d'aide des êtres vivants dans le monde. Lorsqu'il entend, il se transforme immédiatement en plusieurs corps pour venir les aider à sortir du malheur. Ils échappent ainsi du danger et sont très heureux, il y a un proverbe qui dit :

« Mille lieux demandent de l'aide, mille lieux sont réponsus à l'appel.

Il est le bateau qui sauve les êtres hors de la mer de la souffrance. »

Le Bodhisattva est comme une mère vertueuse, quand son enfant la réclame, elle vient immédiatement le consoler. C'est pour cette raison qu'on lui a donné le nom complet : Le Bodhisattva Avalotesvara qui a la Grande miséricorde et la Grande compassion pour répondre aux appels très rapidement.

Le mot Bodhisattva veut dire sentir les êtres sensibles ou comprendre les êtres sensibles. Sentir c'est comprendre, les êtres sensibles sont tous les êtres vivants. Comprendre les êtres sensibles c'est à dire un être vivant parmi des êtres qui sont éveillés ou celui qui est éveillé parmi des êtres vivants. Le Bodhisattva appartient à la catégorie des sages qui s'éveillent et éveillent les autres, s'ils sont illuminés alors ils aident les autres à s'illuminer, ils ne pensent pas à eux même mais pensent au bonheur de tous. Ceci est l'esprit du non soi.

Si nous voulons que Le Bodhisattva nous aide et nous protège, alors nous devons réciter sincèrement Namo Bodhisattva Avalotesvara. Quand le Bodhisattva entend notre voix sincère, il viendra nous aider à sortir du danger. Au contraire si notre appel n'est pas sincère alors il n'y aura pas de réponse demandée.

Aujourd'hui, nous récitons le nom du Bodhisattva Avalotesvara, nous devons garder notre esprit pur pour réciter d'une manière très implorable et très sincère. C'est dans l'intérêt de tous les êtres vivants que nous faisons. Nous prions Bodhisattva

de sauver tous les êtres du danger, pour qu'ils soient tous sains et saufs.

Tout le monde récite le nom du Bodhisattva et a la même pensée, si c'est bien le cas alors je dois vous affirmer que la réponse sera inimaginable. Ensuite, vous allez transmettre cette vertu et ce mérite à tous les êtres vivants dans le monde entier ! C'est à dire :

*Je jure de transmettre cette vertu et ce mérite,
A tous les êtres vivants dans le monde entier.*

*Tous les êtres vivants et moi,
Nous atteindrons la position de Bouddha.*

L'EXPLICATION SUR LA SESSION DE LA MEDITATION

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Aujourd'hui, nous allons commencer la méditation d'hiver. Ce que je vais vous parler maintenant vient des Sutras du Bouddha. Le Bodhisattva Avalotesvara a réalisé l'oreille parfaite de Bouddha. Comment a-t-il obtenu ? Il a pratiqué la porte de l'écoute de la nature de soi. Cette nature devient alors la parfaite Voie qui est capable de se contempler à son gré. Se contempler à son gré veut dire il n'y a pas de soi, pas d'autrui, pas d'êtres vivants, pas de réception, quatre phénomènes. Où se trouve le non soi ? Etre à l'état d'un sage est le non soi. Etre encore à l'état d'un être ordinaire n'est pas le non soi. Pourquoi un sage est-il appelé le non soi ? Parce que le sage n'a plus les quatre phénomènes qui sont l'aspect de soi, l'aspect d'autrui, l'aspect des autres vivants et l'aspect de la réception ; c'est pourquoi on l'appelle le non soi. Tandis qu'un être ordinaire a encore ces quatre aspects, c'est pourquoi il n'est pas encore arrivé à l'état du non soi. La plupart des gens qui étudient la doctrine du Bouddha pendant longtemps, s'ils s'attachent au phénomène humain, au phénomène de soi, au phénomène d'un être vivant et au phénomène de la réception. S'ils refusent de renoncer à ces quatre aspects, comment peuvent-ils être le non soi ? Si on veut être le non soi, alors on doit renoncer les trois réflexions et détruire les quatre phénomènes. Les

trois réflexions sont la pensée du passé qu'on ne peut pas atteindre, parce qu'elle est déjà passée. Alors pourquoi essaie-t-on à la rechercher ? La pensée présente est insaisissable, bien qu'on parle du présent, mais en un clin d'oeil, la pensée est devenue illusoire. C'est pourquoi la pensée présente est impossible et la future pensée est aussi impossible. Parce que l'avenir n'est pas encore arrivé, ce n'est qu'une imagination. Ainsi si on renonce aux trois réflexions et quatre phénomènes. On est comme le Bodhisattva qui a atteint le non soi. Nous pratiquons la méditation aujourd'hui c'est à dire nous sommes les non sois. Cependant il ne faut pas penser qu'il faut prier le Bodhisattva pour atteindre le non soi. Une personne qui est à l'aise, est donc le non soi. Si on n'est pas à l'aise alors on n'est pas le non soi.

Le but de notre méditation est de s'observer, est-ce qu'on est devenu le non soi ou pas encore ? Si on est le non soi, alors on peut voir les quatre sens qui sont vides ; c'est à dire on a pénétré profondément dans le Sutra Paramita. Si on arrive à cette étape, alors on peut se délibérer de toute souffrance ; Toutes les souffrances sont anéanties. Le Bodhisattva Avalotesvara et nous sommes unis en un. Il n'y a non seulement pas le Bodhisattva Avalotesvara mais tous les Bouddhas des dix directions sont unis à nous pour former un seul. Quoique le Bodhisattva soit uni à nous pour former un seul mais nous nous réunissons avec les Bodhisattvas pour former un seul. Comme Le SUTRA DU DHARMA DE LA FLEUR parle de « le misérable ». Le misérable est l'enfant d'un homme très riche, il a abandonné son père et de ce fait, est devenu un clochard, un mendiant et il a oublié même son père. Même s'il le recevait il ne s'en souvient plus. En effet, tout le monde veut s'éloigner de la stupidité. Tandis que le misérable a quitté ses parents et trainé dans les rues pour mendier. Et nous, nous avons abandonné le Bouddha comme le misérable a quitté ses parents et les a oubliés. A l'origine, nous appartenons à la même famille que le Bouddha, c'est pourquoi on dit : « Tous les êtres vivants ont la nature de Bouddha et peuvent devenir des Bouddhas. » Nous allons sans but, nous sommes perdus et infortunés. Nous oublions nos maisons et nos parents, même les Bouddhas et les Bodhisattvas des dix directions, nous les oublions complètement. Ainsi, aujourd'hui nous méditons dans le but de retrouver notre propre corps Dharma. « La mer de la souffrance est immense, se retourner c'est le bord. » C'est pour cette raison que les quatre vingt dix huit jours de méditation sont formés. Selon les

Américains, cette session a pour but d'entendre le principe important que nous n'avons pas encore entendu, de voir ce que nous n'avons pas encore vu. Si vous voulez vous observer le non soi, alors méditez pendant la session de quatre vingt dix huit jours. La méditation commence à partir de trois heures du matin jusqu'à minuit. Vous méditez vingt et une heures chaque jour et vous ne vous reposez que trois heures. Cette année, je suis comblé de joie, car il y a des Bhikshus et Bhikshunis américains qui méditent du matin au soir sans se reposer. Autrefois, quand j'ai participé à la session de méditation, je pratiquais très rigoureusement sans gaspiller une seconde dans la méditation. C'est pourquoi en Taiwan, il y a un Très Grand Vieux Maître Vénérable, à la longue barbe, nommé Minh Quan, il dit « Lui et Moi (Maître Dharma Vénérable Tuyen Hoa) méditons sept multiplié par sept, ça fait quarante neuf jours. En réalité, ce n'est pas quarante neuf jours mais soixante dix jours. Ce vieux maître Vénérable est un véritable pratiquant tandis que moi, je ne suis rien du tout. Mais, ce maître Vénérable et moi, nous nous rivalisons en méditant. J'ai réussi à méditer pendant quarante neuf jours. Quand nous commençons la méditation, tout le monde avait en soi Le Bodhisattva Avalotesvara. Tout le monde veut pénétrer le Paramita et voir les cinq sens néants. La forme, la perception, la réflexion, l'action et la compréhension sont pénétrées au point vide. Il n'y a pas de non lieu, et pas de lieu non-plus. Tout est parfaitement paisible. Délibéré de toute souffrance pour parvenir à l'étape du non soi. Les occidentaux ne comprennent pas l'expression « Le non soi », c'est pourquoi ils ne savent pas ce que veut dire « le non soi ». Le non soi veut dire « il n'y a pas la présence d'un être ». Il ne veut pas dire que quand on mange on sait qu'on est en train de manger, on ne laisse pas les autres manger. Quand on travaille, on a peur des travaux pénibles, alors on se dit : « Il n'y a pas le moi, » cela veut dire qu'on pousse le travail aux autres. Il ne s'agit pas non plus du fait que quand on parle du combat, alors dans votre esprit vous vous dites « il n'y a pas la présence des êtres vivants ». Alors c'est avec les êtres vivants que vous vous combattez, et ce n'est pas non plus quand vous dites que vous mangez la viande, alors il n'y a pas la présence des êtres vivants. Si je ne mange pas la viande des êtres vivants, alors les êtres vivants restent toujours en vie et ne meurent pas. Ceci n'est-il pas la non perception ? Tout ceci est totalement faux ! Le non soi veut dire que dans

voire esprit vous devez savoir qu'il n'y a pas de moi, d'autrui, des êtres vivants, ni d'existence. Si vous voyez cela comme le néant, vous n'aurez donc pas d'attachement de soi, pas d'attachement de dharma. Tous est vide. Arrivé à cette étape, vous ne pouvez pas ne pas être le non soi, c'est à dire le non soi, le non d'autrui, le non d'être vivant, la non perception et le non attachement de soi et le non attachement de dharma, alors vous réalisez le non soi, le véritable plaisir et la vraie sagesse. Nous méditons pendant quatre vingt dix huit jours, chaque jour il doit y avoir une personne pour surveiller. Son rôle est de faire réveiller les gens. Tout le monde doit faire chacun son tour. Une seule personne est restée en dehors pour préparer du thé, parce que quand on médite, on a souvent chaud, alors on doit boire du thé. On doit prendre au moins quatre fois du thé en une journée. Quand vous buvez du thé, vous ne devez pas faire tomber les tasses de thé, en imitant le Grand Maître Hu Van, il est illuminé en faisant tomber une tasse de thé. Vous pouvez aussi faire tomber la tasse de thé par exprès. Cependant, il faut savoir que « Il y a réponse quand on agit involontairement, mais si vous agissez volontairement, c'est une fausse pensée. » Pendant la méditation, vous ne devez pas bavarder avec votre voisin, mais vous devez être toujours vous concentrer sur le thème de votre méditation. Celui qui ne pratique pas rigoureusement, subira une punition qui consiste à s'agenouiller pendant cent jours. Si en quatre vingt dix huit jours, celui qui réussit à s'illuminer, il ne sera non seulement pas puni mais je l'inviterai à « déguster la saveur de la libération. » C'est à dire un repas à cent saveurs, vous pouvez manger tout ce que vous pensez. Vous deviendrez en somme un élément très important dans la religion bouddhiste. En résumé, tout le monde doit respecter le règlement, si non ce sera très difficile d'atteindre la voie. Vous venez tous ici dans le but de retrouver votre propre nature de soi. Vous voulez parvenir à l'étape de la non parole, de la non connaissance, du non monstrueux et du non obstacle. Vous ne devez pas marcher vite ni trop lentement. Quand vous récitez le nom du Bouddha, vos deux mains forment le sceau du Bouddha Amitabha. Mais la session de la méditation doit être sans parole, et sans connaissance. Quand la session de méditation commence, toutes les autres sessions sont supprimées, car tout le monde doit se concentrer sur le thème « qui récite le nom du Bouddha ? » Vous vous concentrez bien sur ce sujet dans tous vos mouvements (marcher, rester debout, coucher ou rester assis). Ce thème doit être

pratiqué au point que vous ne voyez plus le soi et les autres. C'est pourquoi « toute la journée, vous ne voyez pas que vous mangez et vous ne voyez pas non plus que vous vous habillez. Vous oubliez tout complètement, vous vous concentrez sur votre propre nature de soi. Pendant la méditation vous ne vénerez pas le Bouddha mais vous devez « tuer le Bouddha quand il apparaît, vous devez aussi tuer l'esprit quand il apparaît ». En effet, votre but c'est de retrouver votre propre nature de Bouddha. C'est pourquoi vous devez détruire tout ce qui a de l'apparence. Nous n'avons pas du tout de branche particulière. Alors nous respectons bien le règlement pour pratiquer la méditation. Cette session de méditation n'a jamais été pratiquée auparavant dans les pays occidentaux. Pratiquer réellement la méditation c'est comme une sorte de pierre précieuse qu'on ne peut pas voir facilement partout. Quand la méditation commence, je vais d'abord vous tester. Si je vous frappe, vous ne devez pas avoir peur, ni ressentir la douleur. Ceci prouve que vous pouvez vous renoncer à tout. Au contraire, si vous ressentez la douleur, alors vous n'avez pas encore renoncé. Celui qui a peur de mes coups peut sortir maintenant, ou bien il peut rester pour voir. Personne ne sort, ceci montre que vous n'avez pas peur de mes coups, vous êtes tous des hommes vertueux. Des hommes vertueux qui méditent, peuvent un jour s'illuminer. « Quand le printemps arrive, tous les éléments naissent, brisez l'espace vide en vous, à partir de maintenant il n'y a plus de soi-même et des autres ; le monde est grand mais pourtant bien enveloppé ». Quand nous méditons, nous avons certainement l'occasion de nous illuminer, c'est comme l'arrivée du printemps, toutes les choses naissent et grandissent. L'espace vide est à l'origine invisible. Quoique l'espace vide soit invisible, mais doit être brisé en mille morceaux, ainsi vous réaliserez le non soi. A partir de ce moment, vous ne vous attachez plus au soi ni aux autres. Le phénomène de soi et des autres est vide. Le monde est bien grand, mais on peut l'envelopper, ceci n'est-il pas un homme vertueux ? (à suivre)

**LE KARMA LE PLUS
GRAND C'EST**

L'ACTE DE LA TUERIE : MANGER LA VIANDE

Le vénérable Maître Hsuan Hua

Chaque personne a son propre karma qui résulte de son action causale. Tout Karma entraîne le châtement résultant des existences antérieures. Non seulement les êtres humains doivent subir ce châtement mais tous les êtres vivants doivent en subir aussi. Nous devons récolter la récompense que nous avons créée le karma d'autrefois. Ce phénomène n'est pas facile à comprendre. Par exemple, si durant cette vie vous êtes un animal ou tombé en enfer ; alors il vous est difficile de retrouver le corps humain. On dit ainsi :

*Un corps humain perdu,
Difficile à le retrouver pendant dix kalpas.*

Il existe deux sortes de causes dans le monde humain : La bonne cause et la mauvaise cause. Quand on sème une bonne cause, on récolte un bon résultat, quand on plante une mauvaise cause, alors on récolte un mauvais résultat.

Celui qui sème une bonne cause, partout où il va, il respecte les autres et suit la coutume des autres ; c'est à dire il n'essaie pas de s'emparer par la force le confort des autres, il est toujours prêt à prendre la perte. S'il voit une personne en difficulté, il vient immédiatement en aide. Il a toujours la pensée de faire du bien, de se nourrir de la vertu. Il n'est pas du tout celui qui ne pense qu'à lui-même. Une fois que notre vertu est abondante, alors nous ascendons naturellement, on dit alors : « Planter une bonne cause, récolter un bon résultat. » C'est à dire nous pouvons à partir du monde humain ascender dans le monde céleste, puis du monde céleste, nous ascendons dans le monde d'Arhat, du monde des illuminés par eux-mêmes, du monde des Bodhisattvas, nous ascendons donc étape par étape. C'est la force mondiale qui est très prospère. Si nous créons la bonne vertu et le bon mérite nous sommes certain de récolter un résultat méritant, la vertu et le mérite ne se perdent jamais.

Comment est-ce qu'on plante une mauvaise cause et récolte un mauvais résultat dans le futur ? C'est à dire si nous avons créé la méchanceté, commis toutes sortes de défauts, alors dans le futur nous sommes certains de subir le châtement dans l'enfer,

dans le monde affamé et dans le monde animal. Qui nous a dit de créer des mauvaises causes ? Personne, mais nous avons créé nous-mêmes. Il y a un proverbe qui dit : Nous avons créé nous-même la méchanceté, personne ne peut nous pardonner. Semer une mauvaise cause c'est tomber dans les trois mauvais chemins. En résumé, si nous faisons du bien, nous sommes certains de monter, mais si nous faisons du mal nous sommes certains de tomber en enfer. Ainsi, tous les mondes sont créés par nous mêmes, nous devons être maîtres de nous mêmes, il ne faut jamais compter sur les autres.

Cependant, qu'est-ce que le plus grand karma ? C'est l'acte de la tuerie ! Etant un être humain, s'il viole les cinq Préceptes (tuer, voler, commettre l'adultère, mentir et boire de l'alcool) alors il lui est très facile de tomber dans les trois mauvais chemins et devenir en même temps une personne pleine de défauts qui ne croit pas en Bouddha et qui ne respecte pas les Trois Joyaux.

Quel est le plus grand péché nous avons commis ? C'est l'acte de la tuerie, manger la viande. Si vous mangez la chair d'une personne, alors cette personne mangera plus tard votre chair. Si nous nous entretenons pour survivre. Nous sommes certains de marcher sur le mauvais chemin, qui est très dangereux. Une fois que nous tombons dans ce « chemin périlleux », c'est très difficile de nous en sortir. Il y a un proverbe qui dit :

*Trois mondes sans sécurité
C'est comme dans une maison enflammée.*

C'est vraiment pitoyable de voir une maison incendié mais les gens à l'intérieur ne s'en rendent même pas compte !

Nous célébrons la fête de reconnaissance d'Ullambana aujourd'hui, vous, tous réfléchissez bien : Nous, tous et le Bodhisattva MAUDGAYAYANA , quel est celui qui a plus de mérites et de vertus dans la pratique ? Bien que ses mérites et vertus soient immenses il doit solliciter Le Bouddha pour délibérer sa mère ; c'est après cet événement que le Bouddha a établi la fête d'Ullambana pour prier les membres du Sangha de délibérer nos parents décédés et nos ancêtres des sept générations. Il est donc impossible pour nous de nous mesurer au Bodhisattva Maudgayayana. Nos parents décédés et nos ancêtres antérieurs sont entrain de nous

attendre pour les sauver. C'est pourquoi nous ne devons pas gaspiller inutilement notre précieux temps et n'oublions pas non plus le devoir d'un être humain. Une fois que nous perdons ce cher corps humain, ce sera trop tard de le regretter !

EST-IL RAISONNABLE DE LAISSER LES JEUNES ENFANTS SE DEVELOPPER PAR EUX- MÊME ?

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*LE CIEL ET LA TERRE SONT VASTES,
QUATRE CONTINENTS IMMENSES,
PLEIN D'HISTOIRES ETRANGES.*

Le monde universel est rempli d'histoires particulièrement bizarres que nous ne pouvons pas imaginer. Cependant toute histoire est créée en partie par le ciel et une autre par l'être humain lui-même. Le ciel a créé mais si l'homme ne fait rien alors on n'obtient rien ; mais si l'homme agit mais le ciel n'a pas créé alors cela n'a pas de principe non plus. C'est pourquoi, dans le monde céleste toute histoire est relative. Il y a le bien et le mal, le principe Yin et le principe Yang, le vrai et le faux, le bon et le mauvais ; c'est le phénomène naturel.

Comme le phénomène est naturel, alors si nous savons comment agir alors l'acte mauvais peut se changer en un acte bon, si nous ne savons pas comment agir alors le bien peut devenir le mal ! Ainsi, celui qui sait comment agir quand le principe mâle est favorable, peut se transformer en principe femelle, et quand le principe femelle est très rigoureux, il peut aussi devenir très favorable. Le principe mâle appartient à la tranquillité c'est à dire à la douceur ; tandis que le principe femelle appartient au mouvement c'est à dire à la fermeté ; c'est pourquoi toute action que ce soit bonne ou mauvaise est créée par l'homme seul. Ainsi dit l'ancêtre :

*Près du rouge c'est du rouge,
Près de l'encre c'est du noir,
Teindre en vert c'est du vert,
Teindre en jaune c'est du jaune.*

En Chine, il y avait un Sage asiatique nommé « L'enfant prodige ». Il était orphelin de père très jeune, sa mère l'élevait seule. Sa maison était à côté de celle d'un boucher. Quand il était jeune, il apprenait des choses très rapidement et avec aisance. Ainsi il était imprégné par tout ce qu'il entendait et voyait autour de lui, c'est pourquoi il apprenait tous les jours le métier d'un boucher. Quand sa mère vit cela, elle se rendit compte que si elle laissait son fils se développer tout seul, il deviendra certainement un boucher.

Alors, elle décida immédiatement de déménager. Ils emménagèrent à côté d'une cimetière. L'enfant prodige apprit maintenant la manière de prendre soins des tombes : nettoyer les pierres tombales, allumer encens, offrir des fleurs aux morts. Sa mère à ce moment, était très inquiète et se dirent : « Ce n'est pas bien du tout de laisser l'enfant de se développer tout seul, dans le futur il deviendra certainement un gardien de cimetière. Ainsi pour la deuxième fois, elle emménagea près d'une école.

A côté d'une école, l'enfant prodige imite tous les jours les écoliers : à l'école il est poli envers des maîtres et à la maison il est obéissant envers sa mère. Quoique sa maison soit démunie, l'enfant prodige s'efforce d'apprendre ; en ce qui concerne la lecture, les quatre mouvements il est très expérimenté. Quand sa mère vit cela, elle décida alors de rester pour toujours dans cet endroit, parce que son fils a appris des bonnes manières.

Peu de temps après, l'enfant prodige changea tout à coup de comportement. Il est devenu pervers, désobéissant et il n'allait plus à l'école. Un jour, sa mère était entrain de tisser, elle vit que son fils faisait l'école boissonnière, elle coupa le cadre à tisser en deux et le fil se sépara en deux morceaux. L'enfant prodige vit la scène et se dit : « Le cadre à tisser est coupé en deux, elle ne pourra plus tisser, alors ce sera difficile maintenant si, jusqu'à ce jour, nous arrivons à survivre c'est grâce à ce métier à tisser. » Il demanda donc à sa mère : « Pourquoi avez-vous coupé le cadre à tisser ? »

La mère répondit : « Tu ne veux plus étudier, c'est comme ce cadre à tisser qui ne peut plus tisser ! » En entendant ses paroles, l'enfant prodige se sentit très honteux. A partir de ce jour, il faisait tout son possible pour étudier. Il devint donc plus tard un Grand sage Chinois.

En Amérique, Je ne peux pas dire que le fait de laisser l'enfant se développer tout seul n'est pas juste. Cependant, si nous laissons le développement

dépasser la limite, ce sera alors une grave erreur. Si cette réflexion dure longtemps alors cela peut entraîner le futur malheur. Les jeunes enfants sont comme les jeunes arbres qui sont en pleine croissance ; s'il y a des bourgeons partout alors il faut les arranger pour laisser quelques uns pousser, c'est le même principe avec les jeunes enfants, il faut bien les éduquer pour qu'ils deviennent des futurs dirigeants du pays !

Si l'enfant a l'habitude d'écrire à la main gauche, ceci n'est pas du tout bien . Parce que la main droite appartient au caractère paisible, tandis que la main gauche fait partie de la famille violente ; la main droite est le principe mâle. Si dans votre famille vous avez un enfant qui écrit à la main gauche, essayez de le corriger pour qu'il écrive à la main droite. C'est pareil quand vous circulez autour du Bouddha, vous devez commencer du côté droit vers le côté gauche, toute chose doit commencer de la droite vers la gauche qui est propre à la nature et qui est plus efficace dans toute circonstance. Si les enfants se consentissent bien avec la main gauche, ils risquent d'avoir un caractère plus violent.

Je fais une proposition aux parents, quand vous voyez que vos enfants ont le moindre défaut vous devez les corriger immédiatement. Si vous les laissez agir librement, tôt ou tard ils deviendront des voyous, et vagabonds. Alors que faisons-nous à ce moment ? Ainsi dit le proverbe :

« *Nourrir un enfant sans l'éduquer est la faute du père,
Éduquer mais sans la sévérité est l'erreur du maître.* »

Si nous voulons discuter réellement de la liberté de se développer, alors il faut mettre l'enfant dans la montagne sauvage où il n'y a pas la moindre trace humaine afin qu'il grandisse comme les plantes qui poussent naturellement. Alors si on ne peut pas faire ainsi, alors on ne doit pas parler de « la liberté de se développer ». Si vous dites que laisser les enfants faire ce qu'ils veulent c'est une grande erreur. Si l'enfant se comporte bien, alors nous l'encourageons pour qu'il continue ; par contre s'il se comporte mal, nous devons le corriger afin qu'il change pour devenir une bonne personne. Pour que l'espèce humaine continue à exister dans ce monde, toute personne doit agir d'une manière intelligente ; il ne faut pas employer mal l'expression « libre de se développer ».

Quand on laisse les enfants agir librement, alors dans le futur ils deviendront des adolescents gâtés, très tyraniques et désobéissants. Ils ne deviendront

jamais des hommes de grande valeur mais des éléments nuisibles dans la société. Si le pays manque des gens honnêtes alors le résultat sera inimaginable. »

LE MONDE DU DHARMA DES ETRES DE L'ENFER

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*L'angoisse et la souffrance des enfers
Sont dépourvues des portes ;
Pourtant on fonce droit dedans.
Faisant naître l'illusion,
Les actions sont faites.
Le châtimement subi est à leur mesure.*

COMMENTAIRE : Les enfers sont des endroits misérables. Celui qui aimerait prendre des vacances dans les enfers, pouvait se permettre d'agir à son aise. Je peux garantir qu'il y irait directement. Comment ?
On dit,

*Déprimé et mélancolique, vous errez à travers les enfers.
Heureux et souriant, vous jouissez de la jeunesse éternelle.
Pleurs et malheurs font une petite chambre sombre dans les enfers.*

Vous êtes inquiets, vous voyagez aux enfers pour prendre des vacances. Si vous êtes tracassés, vous semez une graine dans les enfers. Si vous souriez, vous plantez une graine dans les cieux. On dit,

*Autrefois, les immortels divins
Ne faisaient pas autre chose
Qu'être simplement heureux et pas triste !*

Si vous êtes déprimés, vous prenez « un ticket » pour les enfers. Si vous souriez tout le temps, vous avez l'air jeune même si vous êtes âgé. Si vous pleurez, vous vous donnez beaucoup de chagrins.

En général, il n'y a pas de bonheur dans les enfers. Ils sont remplis de souffrances et de détresses. « L'angoisse et la souffrance des enfers/ sont dépourvues des portes, pourtant on fonce tout droit dedans. » Contrairement aux prisons, bâties pour garder les criminels, les

enfers n'ont pas de portes. Cependant, si vous devez aller en enfer, lorsque vous y arrivez, c'est justement comme si une porte s'ouvrait, parce que vous arrivez, rampant et ennuyeux, dans un endroit où il n'y a aucune entrée.

« Poussés par l'illusion, les actes sont commis. » Pourquoi allez-vous aux enfers ? L'ignorance et les afflictions vous rendent stupides et confus. Ainsi, vous créez le mauvais karma et ne faites pas de bonnes actions. « Le châtement subi est à la mesure des actes commis. » Vous créez le mauvais karma, vous tombez dans les enfers pour endurer le châtement. Il n'y a pas de fin dans ce cycle une fois qu'il commence. Vous recevez la récompense exacte en fonction du karma que vous avez créé, et le châtement ne s'écarte pas du souffle d'un cheveu.

TOUS CES MONDES
UNE SEULE PENSEE
NE SONT PAS SEPARES
DE VOTRE PENSEE PRESENTE.
SI VOUS POUVEZ ETRE
CONSCIENT
DE CETTE PENSEE
VOUS ARRIVEREZ
IMMEDIATEMENT
A L'AUTRE BORD

COMMENTAIRE : Les Bouddhas, les Bodhisattvas les auditeurs et les contemplatifs de l'univers sont les quatre sages des Mondes de Dharma ; les Dieux, les êtres humains, les asuras les êtres de l'enfer, les fantômes affamés et les animaux sont les six Mondes ordinaires du Dharma. Ensemble, ils forment les dix Mondes de Dharma. D'où viennent les dix Mondes du Dharma ? De la seule pensée qui occupe actuellement votre esprit. « Tous ces Mondes—Une seule pensée—Ne sont pas séparés de votre pensée présente. »

« Si vous pouvez être conscient de cette pensée, vous atteindrez immédiatement l'autre bord. » L'autre bord c'est l'illumination. Quand vous êtes illuminés, vous n'êtes plus confus. Quand l'ignorance est brisée en morceaux et que le corps du Dharma apparaît, vous arrivez à l'autre bord. C'est le Mahapraja Paramita.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

LE BOUDDHA EST VENU

Environ trente miles du Temple des Trois Conditions, dans un petit village appelé Hou Hsing Lung, vivait un Ch'eng Shan Jen, « Bon homme Ch'eng ». A l'adolescence, il avait laissé de côté sa grande intelligence pour fumer de l'opium et perdait tous ces salaires au jeu. A quarante ans, il prit refuge auprès du vieux supérieur Ch'ang Jen.

Après avoir pris refuge, il changeait ses mauvaises habitudes et pratiquait le mérite et la vertu consciencieusement qu'il fût bientôt connu partout dans la région comme « le bon homme Ch'eng ». Ceux qui manquaient de nourriture pouvaient toujours aller chez lui pour recevoir de la farine et du riz.

Un an, un de ses domestiques était possédé par un démon. Fou, il essaya de mettre feu à la maison et aux greniers de Cheng, déterminé à détruire sa famille et son propriétaire. Finalement, à la Saint-Sylvestre, bon homme Cheng allait au Temple des Trois Conditions et demandait de l'aide au supérieur Ch'ang Jen, il croyait réellement en son vieux supérieur. Celui-ci envoya chercher le Maître.

« Il vous a demandé de l'aider », le Maître dit à l'abbot.

« Pourquoi me confiez-vous ce problème » ?

« Il est un de nos bons protecteurs du Dharma », répondit le supérieur. Ne voyez-vous pas ce que vous pouvez faire » ?

Comme le vieux supérieur et le Maître étaient comme une seule personne, le Maître accepta et se rendit à la maison du Ch'eng s'assit sur le haut lit en briques, le visage tourné vers le servant. Le servant jetait ses mains sur son visage. Il ne savait pas qu'il avait été possédé.

« Que faites-vous » ? Dit le Maître.

« Je ne peux pas voir » ! Cria le servant. « Je ne peux rien voir mais la lumière, vous ne la voyez pas » ? Le servant regarda fixement et s'agenouilla devant le Maître.

« Pourquoi agenouillez-vous » ? Demanda le Maître.

« Le Bouddha est venu », dit le servant, et au bout d'un moment le démon s'en allait il allait mieux.

LE SAGE YU

En Mandchourie, le Maître avait un ami et disciple pratiquant qui avait été un voleur. Il avait changé ses mauvaises manières et pratiquait sa pitié filiale à côté des tombes de ses parents. En pratiquant il a ouvert un peu de sagesse et son maître le nomma « le sage Yu ». Qu'est ce qui l'a fait changer à partir d'un voleur pour devenir un pratiquant ?

Une fois, en volant, il a été attrapé en flagrant délit et on lui a tiré dans son bras. Une telle blessure aurait été guérie normalement en un mois, mais après un an, elle n'avait pas toujours été guérie. A cause de cela, il se repentissait « Ah » ! Il dit, « J'étais un voleur et quelqu'un m'a tiré dessus, j'ai même eu de la chance d'être en vie. Mais pourquoi la blessure prend-elle si longtemps pour guérir » ? Alors, il a fait un vœu, « Si la blessure sera guérie dans une semaine, je ne volerai plus jamais. J'irai m'asseoir à côté des tombes de mes parents pour accomplir mon devoir de piété filiale ». C'était vraiment étrange, à la fin de la semaine, sa blessure était complètement guérie et alors il s'en alla pratiquer la piété filiale.

Le Maître dit, « Les enfants pratiquent la piété filiale pour montrer qu'ils n'ont pas oublié la bonté de leurs parents pour les avoir élevés.

A quoi sert le fait de s'asseoir à côté de la tombe ? Il ne servait à rien du tout, c'était justement pour savoir si vous êtes capable de le faire. Si vous pouvez le faire, il est très significatif parce que c'est une pratique difficile. Traditionnellement il fallait s'asseoir pendant trois ans. Les gens âgés de quarante ou cinquante ans, dont l'esprit est solide, le trouvent facile. Tandis que les jeunes, le trouvent extrêmement difficile. Il n'y a personne pour parler, personne pour vous aider ; c'est extrêmement dur ».

A l'époque, le fils pieux Yu avait seulement vingt et un ans. Son maître, Tsung I, un maître de grande vertu et de pouvoir spirituel, lui apprit comment méditer et le pieux fils Yu travaillait dur. Alors, lorsqu'il méditait, un démon vint sous forme d'un dragon impétueux.

Il s'enroulait autour de lui trois fois et le roussait plus chaudement et plus violemment à chaque minute jusqu'au moment où son maître arriva et le battit finalement et le prit comme disciple, le dragon devint le protecteur du Dharma du fils pieux Yu.

Une fois, après avoir pratiqué pendant deux ans et demi, un jour il pleuvait depuis plus d'un mois et la pluie nettoyait tous les champs récemment plantés. Craignant que, les gens meurent de faim, le fils pieux Yu fit un autre serment, « Si le ciel s'éclaircira dans trois jours, je couperai un morceau de ma propre chair pour offrir au seigneur du ciel ». Parce qu'il n'avait pas encore étudié la Doctrine du Bouddha. Il voulait faire une offrande au Dieu.

En moins de trois jours, le ciel s'éclaircit et le fils pieux Yu commença à couper sa chair. Il essaya une fois, mais n'y arrivant pas, il recommença, et à plusieurs reprises il a réussi à couper environ une livre de sa chair. Il tomba par terre inconscient tellement il avait mal tandis que le sang coulait, couvrant une surface de quatre pieds de diamètre, rougissant tout le sol.

Voyant le spectacle ensanglanté, un passant courut informer le gouvernement, et le gouvernement envoya un officier pour enquêter et ainsi il participait à l'offrande au ciel. Beaucoup de gens sont profondément émus et influencés par l'acte du fils pieux Yu et le reconnaissent comme un grand Bodhisattva.

Après cela, les gens se précipitèrent pour le voir.

Un oiseau même devint son ami. Le petit oiseau pouvait parler, mais tout ce qu'il disait c'était, « Faites plus d'actions vertueuses. Faites plus d'actions vertueuses. Plus d'actions vertueuses vous faites, ce sera le meilleur ». Justement comme un vieil ami, l'oiseau se perchait sur sa tête, ses mains et ses épaules ne le craignant nullement. Il aidait le fils pieux Yu à faire son travail pour qu'il puisse méditer, et lui réalisait beaucoup d'amusements. Mais quand les visiteurs venaient, l'oiseau s'en vola toujours et retourna seulement quand ils étaient partis.

Trois semaines s'écoulèrent et la blessure du fils pieux Yu fut guérie, l'oiseau s'en alla enfin pour de bon. Quand ses trois ans de piété filiale étaient expirés, l'Association de la Voie Vertueuse l'invitait à se joindre à eux et à donner des conférences. Il était un prêcheur de génie et enseignait aux innombrables de gens des qualités de la vertu de l'humanité, de la propriété etc.

A l'époque, les chinois ne laissaient pas pousser longs les cheveux, les barbes, mais en tant que fils pieux, le sage Wu avait laissé ses cheveux et sa barbe pousser longs ainsi il ressemblait beaucoup aux hippies de nos jours. Il ne prenait pas de drogues, mais, consommait de la pure nourriture végétarienne, récitait le nom du Bouddha et parlait du vrai principe. Les fils pieux commençaient à laisser pousser leurs cheveux et leurs barbes pour se conformer à ce principe de la piété filiale qui disait, « Notre corps, notre peau et nos cheveux venaient de nos parents ; ne faisant pas de mal au corps est en accord avec la voie ». Ne détruisant pas votre propre corps est le commencement de la piété filiale.

(à suivre)

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

UNE CHANSON DE LA BEAUTE.

Un soir après le dîner, le Prince Siddhartha se reposait sur son divan, la tête posant sur les genoux de Yasodhara. Les musiciens jouaient des mélodies douces et les servantes murmuraient et riaient silencieusement. La soirée se passait ainsi agréablement depuis que le Prince s'est emménagé dans les palais de plaisir. Mais, cette nuit, il se sentait un peu inquiet. Tourné vers une de ses chanteuses préférées, il demanda : « S'il vous plaît, endormez-nous d'une chanson. Choisissez une que vous n'avez jamais chantée pour moi auparavant.

La chanteuse accepta gracieusement et commença à faire une nouvelle chanson avec des paroles venant de son esprit ; elle était accompagnée d'un instrument à cordes pendant tout le temps. Elle chantait des beautés du monde, des pays lointains où elle avait voyagé quand elle était petite, des pays en or où vivaient des gens heureux.

La chanson enchantait le Prince et quand elle fut terminée, il demanda la chanteuse : « Dites-moi sincèrement, existe-il réellement de endroits aussi beaux au delà de ces murs de jardin ? Quel genre de vie vivent-les gens dans notre ville ? Y-a-t-il des choses dans ce monde plus belles que celles que je vois dans ces magnifiques palais ? S'il vous plaît, dites-moi tout ce que vous savez. »

« Oh Prince, » répondit-elle. « Vos palais sont certainement plus magnifiques ; mais il y a beaucoup d'autres belles choses à voir dans ce monde. Il y a des villes, des montagnes et des vallées, des pays lointains où les gens parlent des langues étrangères. Il y a beaucoup de choses que je n'ai jamais vues et beaucoup d'autre que je n'ai jamais entendues parler. Vos palais et jardins sont en effet beaux mais il y a beaucoup à voir à l'extérieur de ces murs. »

En entendant ceci, le Prince eut grande envie de voir toutes ces choses étranges et merveilleuses. Pendant plusieurs années, il était content de vivre dans ces palais et ces jardins de plaisir, oubliant totalement le monde extérieur. Mais à présent, il désirait voyager et alors, il envoya un message au roi lui demandant d'organiser pour lui un voyage en ville.

Le roi reçut le message de son fils et se dit : « Ainsi, mon fils veut voir maintenant notre royaume. Qu'il en soit ainsi ! Il est enfermé assez longtemps dans ses palais de plaisir. Il est temps pour lui de voir le royaume où il règnera un jour.

(à suivre)

金 光 寺

Chùa/Pagode Kim Quang

8 B rue Fontaine

93000 Bobigny-France

Tel./Fax : 01.48.50.98.66

kimquang@free.fr



Kinh Hoa Nghiêm này ở đâu, thì nơi đó có chư Phật. Chư Phật đang ở nơi đó, nhưng vì nghiệp chướng của chúng sinh quá sâu nặng, cho nên đối diện mà không thể thấy được các Ngài. Cho nên mới nói : "Đối diện mà không thể nhận ra Bồ Tát Quán Thế Âm".

Quý vị hãy nhìn xem tượng Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt. Ngài thường phóng ra ánh sáng vô ngại, chiếu khắp chúng sinh có duyên trong ba ngàn đại thiên thế giới. Song, ngày ngày lễ bái, tụng niệm danh hiệu chư Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm mà chúng ta không nhận ra các Ngài. Chúng ta chỉ làm theo đại chúng. Người khác lễ lạy, mình cũng lễ lạy. Người khác tụng niệm, mình cũng làm theo. Chúng ta bị cảnh giới chuyển, mà thật không nhiếp thọ được thân tâm.

Thế thì tụng niệm lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào mới đúng cách ? Nếu còn giữ tánh nóng giận, tập khí xấu xa mà không chịu sửa đổi, thì dù quý vị có lễ lạy cho đến hết thuở vị lai, cũng không thể nào thấy được Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là lý do có người tu hành cả bao nhiêu năm, nhưng vẫn chưa khai mở trí huệ, đắc được biện tài vô ngại. Nếu thường chuyển nghiệp ác để làm việc thiện, chân thật dẹp trừ thói quen tật xấu, cố gắng hết mình sửa đổi tánh tình, thì nhất định Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ gia hộ cho quý vị. Vì vậy, chúng ta, bậc Sa Môn, phải cần tu giới định huệ, để tẩy trừ tham sân si. Mỗi cử chỉ hành động đều phải nhìn lại chính mình, thì mới có phần tiến bộ. Nếu chúng ta thường tự tụng niệm, giảng giải, lắng nghe Kinh Hoa Nghiêm mà không y chiếu theo lời Kinh để hành trì, thì mình là mình, Kinh là Kinh, tôi vẫn là tôi, quý vị vẫn là quý vị, nên không thể trở thành một mà hợp nhất. Nếu muốn hợp nhất với Kinh điển thì phải hành trì theo lời Kinh dạy, đó mới là chân thật hợp nhất.

Hoà Thượng Tuyên Hoá